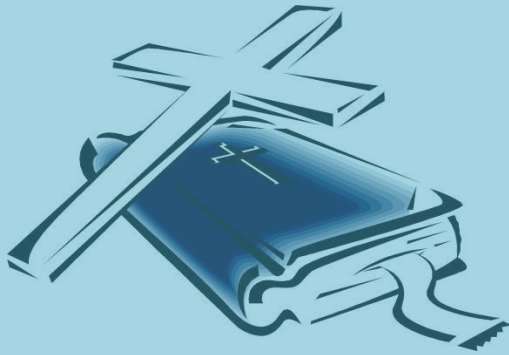


Những Điều Chúng Ta Tin

J. Clyde Turner



In lần thứ hai

2024

Viện Thần Học Báp-tít Việt Nam (VBTS)

Chịu trách nhiệm hiệu đính, xuất bản, lưu hành nội bộ.

Sách được dịch từ quyển:

“These Things We Believe”, 1959, của J. Clyde Turner

MỤC LỤC

Tác Giả	4
Lời Mở Đầu Của Tác Giả	5
Khóa Đào Tạo Trường Chúa Nhựt	6
Nhấn Nhủ Riêng Với Giáo Viên	7
1. Bộ Sách Kỳ Diệu	8
2. Đức Chúa Trời Duy Nhất Chân Thật	24
3. Đỉnh Cao Công Trình Sáng Tạo	42
4. Sự Sai Trái Của Tội Lỗi	57
5. Cứu Chúa của Nhân Loại	70
6. Sự Cứu Rỗi Lớn	88
7. Thần Quyền Năng	104
8. Hội Thánh do Đấng Christ Thành Lập	121
9. Thế Giới Tương Lai	136
Hướng Dẫn Dạy Và Nghiên Cứu Sách Này Để Cấp Tín Chỉ	149

Tác Giả

Tiến sĩ J. Clyde Turner là người rao giảng Phúc Âm rất lâu đời và xuất sắc. Nhiều giai đoạn trong lịch sử giáo hội Báp-tít được kết quả nhờ tài lãnh đạo nổi bật của ông.

Tiến sĩ Turner sinh tại hạt Iredell, tiểu bang North Carolina, ngày 31 tháng Ba, 1878. Ông tốt nghiệp Wake Forest College năm 1899 với văn bằng A.B. [Cử nhân Văn chương]. Sau khi dạy các trường trong thành phố Durham, North Carolina ba năm, ông cộng tác với cô nhi viện Masonic, thành phố Oxford, North Carolina, nhiệm kỳ 1901-1902. Sau khi phục vụ tại đây, ông theo học tại Đại Chung Viện Báp-tít Nam Phương tại Louisville, tiểu bang Kentucky, để chuẩn bị rao giảng Phúc Âm. Ông tốt nghiệp với bằng Th.M. [Thạc sĩ Thần học] năm 1905.

Tiến sĩ Turner là mục sư cho bốn hội thánh suốt thời gian dài phục vụ của ông tại Fisherville, Kentucky, trong khi học tại chủng viện: Hội Thánh First Baptist, Newport, Kentucky, 1905-1907; Hội Thánh Tattnell Square Baptist, Macon, Georgia, 1907-1910; và Hội Thánh First Baptist, Greensboro, North Carolina, 1910-1948.

Tiến sĩ Turner đã giữ nhiều chức vụ lãnh đạo quan trọng trong giáo hội Báp-tít. Ông từng là thành viên trong Ban Quản Trị [Board of Trustees] của Đại Học Wake Forest suốt một phần tư thế kỷ. Ông là thành viên trong Ban Quản Trị của Đại Chung Viện Báp-tít Nam Phương tại Louisville suốt hai mươi lăm năm. Tám năm trong thời gian này, ông là chủ tịch của Ban Quản Trị này.

Tiến sĩ Turner là tác giả của một số sách khác; gồm có: *New Testament Doctrine of the Church* [Giáo Lý Tân Ước về Hội Thánh], *Soul Winning Doctrines* [Giáo Lý về Chinh Phục Linh Hồn], và *The Gospel of the Grace of God* [Phúc Âm về Ân Sủng của Đức Chúa Trời].

Lời Mở Đầu Của Tác Giả

Đề tài bàn luận ở đây không phải “Điều Chúng Ta Hiểu” [These Things We Understand] mà là “Điều Chúng Ta Tin” [These Things We Believe]. Có nhiều điều chúng ta tin, dù không hoàn toàn hiểu hết. Hiểu đến từ những hoạt động của trí óc, nhưng chúng ta tin một số sự việc, qua kinh nghiệm và sự mặc khải.

Không phải mọi người tin hết mọi điều nêu ra trong sách này. Có những bất đồng ý kiến giữa mọi người về điều họ tin. Và không phải mọi người Báp-tít đều tin hết mọi điều viết trên các trang sách này. Vì người Báp-tít không có tín điều có tính thẩm quyền, nên không ai có thể nói thay cho mọi người Báp-tít về điều họ tin. Nhưng có một số lẽ thật căn bản mà người Báp-tít nói chung đều đồng ý.

Những câu Kinh Thánh trong sách này được trích từ bản dịch American Standard Version (ASV), ngoại trừ khi có ghi chú trích từ bản khác. Bản American Standard Version được cấp bản quyền bởi International Council of Religious Education [Hội Đồng Quốc Tế về Giáo dục Tôn giáo] và được phép sử dụng.

J. Clyde Turner

Khóa Đào Tạo Trường Chúa Nhật

Khóa đào tạo Trường Chúa Nhật do Ban Trường Chúa Nhật của Baptist Sunday School Board soạn, là một trong những phương tiện chính để đẩy mạnh công tác dạy Trường Chúa Nhật. Ảnh hưởng của công tác này tùy vào cách sử dụng khóa học.

Mười sáu phần của khóa học bao gồm nghiên cứu Kinh Thánh, giáo lý, truyền giáo, hướng dẫn Trường Chúa Nhật và quản trị, dạy bài, nghiên cứu theo độ tuổi, cùng những nghiên cứu đặc biệt. Phạm vi của khóa học thật rộng, vì lãnh vực công tác Trường Chúa Nhật vốn rộng lớn và đòi hỏi tính bao quát cũng như đào tạo chuyên biệt. Mỗi cấp bằng đòi hỏi phải học xong mười sáu sách.

Việc nghiên cứu khóa đào tạo không chỉ dành riêng cho nhân viên Trường Chúa Nhật ngày nay. Đa số hội thánh cần gấp đôi số nhân viên hiện có. Nhu cầu này có thể được đáp ứng nhờ đào tạo thêm nhân sự hiện nay. Học viên trong các lớp Người Lớn, Thanh Niên và Trung Cấp lớn tuổi cần được hướng dẫn nghiên cứu các sách này, vì nhờ đó họ mới phục vụ được hiệu quả. Các bậc phụ huynh cũng sẽ thấy hữu ích khi nghiên cứu việc làm hiện tại của Trường Chúa Nhật.

Nhấn Nhủ Riêng Với Giáo Viên

Trong lúc dùng sách này để dạy, bạn có thể kiểm tra với trưởng ban Trường Chúa Nhật để theo dõi chính xác việc đào tạo nhân sự. Nếu không, bạn có thể yêu cầu trưởng ban Trường Chúa Nhật lập hồ sơ theo dõi cùng với phó ban phụ trách đào tạo. Thẻ hồ sơ dùng cho mục đích này có thể đặt trước tại Nhà Sách Báp-tít gần nhất với bạn, với giá thấp nhất.

A.V. Washburn

Thư ký, Dạy và Đào tạo

Ban Trường Chúa Nhật

Ủy Ban Trường Chúa Nhật Báp-tít

1. Bộ Sách Kỳ Diệu

“Chứng ược Chúa thật diệu kỳ” (Thi Thiên 119:129).

“Kinh Thánh” là tên được đặt cho bộ văn phẩm thánh, gọi là “The Holy Scriptures” [Thánh Kinh]. Đôi khi còn được gọi là “The Holy Bible,” vì tác giả của bộ sách này là Thánh Linh và vì sách đề cập những vấn đề thánh.

Từ “Kinh Thánh” chuyển ngữ từ biblos trong Hi văn, có nghĩa là sách. Kinh Thánh là Bộ Sách. Trên thế giới có nhiều sách, nhưng Kinh Thánh là bộ sách duy nhất có quyền được gọi là “Bộ Sách.” Bộ Sách này khác hẳn với mọi sách.

Một người Hoa có học thức, sau khi nhận được một bản Kinh Thánh, đến nói với vị giáo sĩ, “Sách ông cho tôi đó, không biết có gì thật là lạ. Trong văn học Trung Hoa, tôi từng đọc nhiều lời giáo huấn thật hay, nhưng chưa bao giờ tâm trí tôi bị bối rối mỗi khi làm điều sai quấy, như khi tôi đọc sách này. Bây giờ, mỗi khi làm điều sai quấy, tôi không được yên. Tại sao sách này lại khác với mọi sách tôi đã đọc như vậy?”

William E. Gladstone, chính khách xuất sắc người Anh, nói rằng, “Kinh Thánh được đóng ấn bằng một nguồn gốc đặc biệt, và khác biệt một cách vô tận đối với mọi cuốn sách khác trong lịch sử.”

Kinh Thánh không chỉ là một bộ sách; đó là cả một thư viện gồm sáu mươi sáu sách. Được mệnh danh là “thư viện thánh.” Trong đó có những sách về luật pháp, lịch sử, tiểu sử, thi ca, và tiên tri.

Tác giả Thi Thiên bấy giờ chỉ có một phần nhỏ của Cựu Ước là Kinh Thánh của mình, nhưng đối với ông, đó là cuốn sách kỳ diệu. “Chứng ược Chúa thật diệu kỳ.” Vậy thì toàn bộ Thánh Kinh chúng ta đang có, hẳn phải tuyệt diệu hơn biết bao! Điều gì đã khiến Thánh Kinh tuyệt diệu như vậy?

I. SÁCH ĐƯỢC THẦN CẢM

Kinh Thánh là sách duy nhất trên thế giới có thể tự xưng được thần cảm, theo đúng ý nghĩa của từ này.

1. Ý nghĩa thần cảm

Từ thần cảm không chỉ có nghĩa sự soi sáng và thăng hoa tâm linh theo như kinh nghiệm của nhiều người. Từ “thần cảm” [inspire] là từ La-tinh có nghĩa hà hơi, hoặc thổi vào. Kinh Thánh được thần cảm theo ý nghĩa sách này được viết xuống bởi những người được Thánh Linh hà hơi, thần cảm. Đây là ý nghĩa khi Phi-e-rơ nói, “Người ta được Đức Thánh Linh cảm thúc nói ra từ Đức Chúa Trời.” (2 Phi-e-rơ 1:21). Kinh Thánh do con người viết ra, nhưng đó là những người được Thánh Linh dẫn dắt.

Thần cảm không có nghĩa mọi phần trong Kinh Thánh đều có tầm quan trọng như nhau. Sách Lê-vi Ký, nói về luật lệ thờ phượng, không quan trọng như sách Rô-ma là sách bày tỏ kế hoạch cứu rỗi lớn lao của Đức Chúa Trời. Sáng Thế Ký chương mười, toàn liệt kê tên người, không thể sánh với Giăng chương ba, trình bày tình yêu của Chúa Cứu Thế. Nhưng từng phần của Thánh Kinh đều có vị trí riêng và góp phần trong tổng thể. Đức Chúa Trời mặc khải từ từ trong thiên nhiên. Cựu Ước tạo thành bối cảnh cho Tân Ước.

Thần cảm không có nghĩa người viết chẳng cần cố gắng thu thập những dữ kiện về điều họ viết. Trong lời mở đầu Phúc Âm của mình, Lu-ca nói, “Vì thế, sau khi cẩn thận tra cứu mọi việc từ đầu, tôi thiết tưởng cũng nên theo thứ tự viết cho ngài” (Lu-ca 1:3). Ông đã chuyên tâm cố gắng xác minh sự kiện, nhưng được hướng dẫn từ thiên thượng trong mọi nỗ lực của mình.

Kinh Thánh được viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ (Hi Bá Lai) và Hi Lạp-Cựu Ước bằng tiếng Hê-bơ-rơ, và Tân Ước bằng tiếng Hi Lạp. Thời xưa,

cách duy nhất để có được bản Kinh Thánh là sao chép bằng tay từ các bản viết tay, một tiến trình nhàm chán và tốn nhiều thời gian. Các bản viết đầu tiên đều đã thất lạc, ngày nay chúng ta chỉ có bản sao từ những bản sao của văn kiện đầu tiên. Kinh Thánh Anh ngữ là bản dịch từ các bản sao này. Bản Kinh Thánh nguyên thủy được thần cảm khi những người thánh của Đức Chúa Trời được Thánh Linh dẫn dắt. Có đủ chứng cứ cho thấy sự toàn vẹn của Kinh Thánh nguyên thủy đã được bảo quản cách lạ lùng.

2. Phương pháp thần cảm

Không phải mọi Cơ Đốc nhân đều đồng ý về phương pháp thần cảm. Không phải mọi người Báp-tít đều đồng ý về vấn đề này. Chủ yếu có hai giả thuyết chúng tôi đơn cử ra đây:

(1) *Thần cảm kiểu máy móc.*- Một số người tin vào sự thần cảm hoàn toàn bằng lời, nghĩa là từng lời trong Kinh Thánh đều được Thánh Linh đọc trực tiếp hoặc gián tiếp. Con người viết chính xác điều Đức Chúa Trời bảo họ viết. Trong Xuất Ê-díp-tô Ký 24:4, chúng ta thấy chép, “Mô-se ghi lại mọi lời của Đức Giê-hô-va; Ông dậy sớm, xây một bàn thờ ở chân núi, và dựng mười hai trụ đá tượng trưng cho mười hai bộ tộc Y-sơ-ra-ên.” Một lần nữa, trong Giê-rê-mi 30:1-2, “Đây là lời của Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi: Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán: 'Hãy chép mọi lời Ta đã phán với con vào một cuộn sách.'” Còn Phao-lô thì nói, “Nhưng, chúng ta không nhận lấy linh của thế gian, mà là Thánh Linh từ Đức Chúa Trời, để có thể hiểu được những ân tứ Đức Chúa Trời ban cho chúng ta. Chúng tôi truyền đạt điều này, không nhờ những ngôn từ học hỏi được nơi sự khôn ngoan của loài người, nhưng nhờ sự chỉ dạy của Thánh Linh, dùng lời lẽ thuộc linh giải bày những chân lý thuộc linh.” (1 Cô-rinh-tô 2:12-13).

Cũng đúng là người viết không luôn luôn hiểu hết ý nghĩa những điều họ viết. Ê-sai và các tiên tri khác, không hoàn toàn hiểu mọi điều họ viết về sự kiện tương lai. Họ chỉ viết điều Đức Chúa Trời bảo họ viết. “Về sự cứu rỗi đó, các nhà tiên tri đã tìm tòi, tra xét, và đã báo trước về ân điển dành sẵn cho anh em. Họ tra xem để biết vào thời điểm nào và hoàn cảnh nào mà Thánh Linh Đấng Christ trong họ đã chỉ dẫn, khi Ngài báo trước sự thương khó của Đấng Christ và vinh quang theo sau.” (1 Phi-e-rơ 1:10-11).

(2) *Sự thần cảm ý tưởng.*- Có thể gọi đây là thần cảm ý tưởng, ngược với thần cảm từng lời từng chữ. Theo thuyết này, lời do người viết tự chọn, còn lẽ thật đến từ Đức Chúa Trời. Như vậy, người viết có cơ hội biểu lộ đặc sắc riêng, và giúp giải thích lý do sự khác biệt về văn phong trong những văn phẩm khác nhau.

Dù phương pháp thần cảm nào, thì những người viết Kinh Thánh đều được hướng dẫn từ thiên thượng, để viết ra điều Đức Chúa Trời muốn họ nói. Tiến sĩ A. H. Strong nói như sau, “Những người viết Kinh Thánh dường như chịu ảnh hưởng Thánh Linh tới mức họ nhận thức và cảm nhận ngay cả những lẽ thật mới mẻ mà họ phải đưa ra, như là khám phá riêng trong trí họ, và tâm trí họ tự do hoạt động để bày tỏ những lẽ thật này, ngoại trừ một điều là, họ được hướng dẫn theo cách siêu nhiên, không chọn sai từ, và khi cần, thì được cung ứng từ thích hợp. Vì vậy, kết quả là từng lời được thần cảm, nhưng phương pháp thì không phải thần cảm từng lời.”

3. Chứng cứ thần cảm

Những chứng cứ nào cho thấy Kinh Thánh là sách được thần cảm?

(1) *Kinh Thánh tuyên bố như vậy.*- Những người viết Kinh Thánh tuyên bố họ nói thay cho Đức Chúa Trời, hoặc Đức Chúa Trời phán qua họ. “Hỡi các tầng trời, hãy nghe, hỡi đất, hãy lắng tai! vì Đức Giê-hô-va

phán rằng” (Ê-sai 1:2). “Lời của Đức Giê-hô-va phán với tôi rằng...” (Giê-rê-mi 1:4). “Thưa anh em, tôi muốn anh em biết rằng Tin Lành mà tôi đã công bố, không đến từ loài người đâu. Vì tôi không nhận và cũng không học Tin Lành đó từ một người nào, nhưng bởi sự mặc khải của Đức Chúa Giê-xu Christ” (Ga-la-ti 1:11-12). Phao-lô tuyên bố, “Cả Kinh Thánh đều được Đức Chúa Trời cảm thúc, có ích cho sự dạy dỗ, khiển trách, sửa trị và huấn luyện trong sự công chính.” (2 Ti-mô-thê 3:16). Bản Authorized Version viết, “Cả Kinh Thánh đều viết ra theo sự thần cảm từ Đức Chúa Trời,” và Tiến sĩ A. T. Robertson nói, điều này lại càng có ý nghĩa tự nhiên hơn. Có nhiều phân đoạn khác tuyên bố Kinh Thánh được thần cảm.

(2) *Tính hiệp nhất trong Kinh Thánh.*- Kinh Thánh không do một người viết ra, mà do nhiều người, đại diện cho nhiều tầng lớp trong xã hội--chăn chiên, nông gia, ngư phủ, vua chúa và nông dân. Kinh Thánh không được viết hết trong cùng một thời đại. Khoảng cách giữa văn phẩm đầu với sách cuối trong Kinh Thánh là khoảng một ngàn sáu trăm năm. Các sách cũng không được viết tại một nơi. Nhiều phần được viết trong đồng vắng, nhiều phần ở Palestine, và những phần khác, ở nhiều nơi khác nhau, từ La-mã tới Ba-by-lôn. Các bản viết nguyên thủy không được viết với mục đích tạo thành sách. Từng người viết, làm việc riêng lẻ. Thế nhưng, khi được tập hợp lại dưới sự hướng dẫn của Thánh Linh, lại tạo thành một bộ sách hợp nhất cách lạ thường. Chỉ có một lời giải thích, đó là nhờ bàn tay dẫn dắt của Đức Chúa Trời trong sách.

(3) *Nội Dung Thánh Kinh.*- Kinh Thánh chứa đựng chân lý, lời tiên tri, và một sứ điệp cho con người, không thể chỉ là sản phẩm của bộ óc con người.

Thứ nhất, có những lẽ thật nêu ra trong Kinh Thánh mà con người không bao giờ có thể biết, nếu không được bày tỏ từ thiên thượng.

Thiên nhiên phơi bày vài điều về Đức Chúa Trời, nhưng toàn bộ chân lý liên quan đến bản chất cùng mục đích của Ngài, chỉ có thể biết được nhờ phần ghi lại được thần cảm bởi chính Ngài, được ban ra trong Lời Ngài. Và có những lẽ thật không thể hiểu được, nếu không nhận biết bằng tâm linh, “Người không có Thánh Linh không nhận được những điều từ Thánh Linh của Đức Chúa Trời, bởi người ấy xem những điều này là điên rồ và không thể hiểu được, vì phải được phán đoán cách thuộc linh” (1 Cô-rinh-tô 2:14).

Thứ hai, sự ứng nghiệm lời tiên tri làm chứng cho sự thần cảm Thánh Kinh. Cựu Ước có những lời tiên tri không được ứng nghiệm, mãi tới nhiều thế kỷ sau. Nơi chốn và cách giáng sinh của Chúa Giê-xu được báo trước, bảy trăm năm sau mới xảy ra. Chương năm mươi ba của Ê-sai có phần mô tả lạ lùng về những khổ đau cùng sự chết của Chúa. Chúng ta gặp nhóm từ này nhiều lần, liên quan đến những sự kiện ghi lại trong các Sách Phúc Âm, “Hầu cho ứng nghiệm lời Chúa phán bởi tiên tri.” Trong nhà hội tại Na-xa-rét, Chúa Giê-xu đọc Ê-sai chương sáu mươi mốt; rồi Ngài xếp sách lại phán rằng, “Hôm nay lời Kinh Thánh mà các ngươi vừa nghe đã được ứng nghiệm” (Lu-ca 4:21). Làm sao con người có thể nhìn về tương lai và nói chắc chắn lẫn chính xác những điều phải xảy ra? Chỉ có một câu trả lời: nhờ thần cảm từ thiên thượng.

Thứ ba, sứ điệp Thánh Kinh chứng thực sự thần cảm. Về Chúa Giê-xu, Kinh Thánh nói, “Chưa bao giờ có người nào đã nói như người này” (Giăng 7:46). Đúng vậy, vì chưa hề có ai giống như người này. Cùng cách như vậy, có thể nói về Kinh Thánh, “Chưa hề có sách nào nói giống như Sách này.” Kinh Thánh cho chúng ta biết Đức Chúa Trời của chúng ta như thế nào; Kinh Thánh bày tỏ bản chất cùng hậu quả đáng sợ của tội lỗi; Kinh Thánh chỉ rõ con đường cứu rỗi. Những tín lý trong Thánh Kinh từng là nguồn lý tưởng tâm linh cao đẹp nhất và là tiêu

chuẩn đạo đức cho trần gian. Thiếu Kinh Thánh, con người sẽ phải dò dẫm trong bóng đêm tâm linh.

(4) *Lời chứng của Chúa Giê-xu.*- Những lời của Chúa Giê-xu xác nhận sự thần cảm Kinh Thánh. Ngài thường trích lời Kinh Thánh Cựu Ước với thẩm quyền thiên thượng. “Chúa Giê-xu phán với họ: Các ngươi chưa bao giờ đọc lời này trong Kinh Thánh sao: Hòn đá bị thợ xây loại ra, đã trở nên đá đầu góc nhà; đây là việc Chúa làm, và ấy là sự diệu kỳ trước mắt chúng ta?” (Ma-thi-ơ 21:42). “Chúa Giê-xu đáp: Các ngươi lầm rồi, bởi các ngươi vừa không hiểu Kinh Thánh, vừa không hiểu quyền năng của Đức Chúa Trời” (Ma-thi-ơ 22:29). “Rồi Ngài bắt đầu từ Môi-se đến tất cả các nhà tiên tri, mà giải thích cho họ những lời chỉ về Ngài trong cả Kinh Thánh” (Lu-ca 24:27).

Một số người từng nghi ngờ về sự thần cảm của Kinh Thánh Cựu Ước, nhưng Chúa Giê-xu thì không như thế. Ngài chọn ra hai sự kiện trong Cựu Ước liên quan với những nghi ngờ này và dùng chúng để minh họa những lẽ thật đời đời. Về nước lụt, Ngài phán, “Trong những ngày trước nạn lụt, người ta ăn, uống, cưới, gả, cho đến ngày Nô-ê vào tàu, họ không biết gì hết, cho đến lúc nước lụt đến và cuốn đi tất cả; khi Con Người đến, cũng sẽ như vậy” (Ma-thi-ơ 24:38-39).

Một số người xem thường chuyện Giô-na với cá voi, nhưng Chúa Giê-xu phán, “Vì như Giô-na ở trong bụng cá ba ngày ba đêm, cũng vậy, Con Người sẽ ở trong lòng đất ba ngày ba đêm” (Ma-thi-ơ 12:40). Trong bài giảng cuối cho môn đồ trước khi Ngài chết, Chúa Giê-xu phán, “Trong nhà Cha Ta có nhiều chỗ ở, nếu không phải vậy, sao Ta lại nói với các con rằng Ta đi chuẩn bị cho các con một chỗ?” (Giăng 14:2). Ngài không để cho họ nuôi hi vọng, nếu những hi vọng đó không thành hiện thực. Những lời này có thể được áp dụng rộng hơn. Nếu lời Kinh Thánh không có thật, thì Ngài hẳn đã cho họ biết như vậy rồi.

Lời Chúa Giê-xu hứa với môn đồ Ngài bảo đảm Kinh Thánh Tân Ước được thần cảm, “Nhưng Đấng An Ủi tức là Đức Thánh Linh mà Cha sẽ nhân danh Ta sai đến, Ngài sẽ dạy các con mọi điều, và nhắc các con nhớ tất cả những gì Ta đã phán với các con” (Giăng 14:26). Điều này giải thích vì sao những người viết Kinh Thánh đã có thể trích lại những bài giảng thật dài của Chúa Giê-xu, nhiều năm như vậy, sau khi Ngài giảng dạy.

Một lần nữa Chúa Giê-xu phán, “Ta còn nhiều điều để nói với các con, nhưng bây giờ các con không thể hiểu nổi. Khi Thần Chân Lý đến, Ngài sẽ dẫn các con vào mọi chân lý; vì Ngài không tự mình nói, nhưng sẽ nói những gì mình nghe, và công bố cho các con những gì sẽ đến” (Giăng 16:12-13).

(5) *Ảnh hưởng của Kinh Thánh.*- Đi tới đâu, Kinh Thánh cũng mang lại những thay đổi trong đời sống cá nhân và quốc gia. Nhờ ảnh hưởng Kinh Thánh, tội nhân biến thành thánh nhân, và quốc gia thay đổi từ man rợ thành con cái Đức Chúa Trời. Kinh Thánh mang lại an ủi cho những tâm hồn sầu muộn, đem can đảm đến cho những tâm linh tuyệt vọng.

Mọi điều tốt đẹp nhất trong văn chương, âm nhạc, và nghệ thuật, đều có thể qui cho ảnh hưởng của Kinh Thánh. Tổng thống George Washington nói, “Không thể nào điều hành thế giới đúng mức, nếu không có Đức Chúa Trời và không có Kinh Thánh.”

John R. Green nói, “Chưa có sự thay đổi đạo đức nào lớn hơn từng xảy ra cho một quốc gia, như đã xảy ra tại nước Anh suốt những năm từ thời vua Charles (1640) đến triều đại Elizabeth (1952). Nước Anh trở thành dân tộc của một bộ sách, và bộ sách đó là Kinh Thánh.”

II. MỘT BỘ SÁCH TÔN GIÁO

Kinh Thánh không đề cập mọi lãnh vực chân lý. Kinh Thánh không nhằm dạy khoa học cùng những ngành học khác. Kinh Thánh chủ yếu là bộ sách tôn giáo, hướng dẫn loài người đến với Đức Chúa Trời và dạy họ cách sống. Vài chân lý có liên hệ đến Kinh Thánh được liệt kê sau đây.

1. Có thẩm quyền

Kinh Thánh có thẩm quyền trong lãnh vực tôn giáo. Một số người cho rằng Hội Thánh có thẩm quyền. Họ cho rằng chính Hội Thánh mới đặt ra cách con người phải cư xử và cách họ phải sống. Theo quan điểm này, vị trí thẩm quyền thực sự thuộc về những viên chức cao trong giáo hội.

Người khác gán cho Kinh Thánh một phần thẩm quyền. Họ nói Kinh Thánh chứa đựng hạt giống chân lý, nhưng cần được bổ sung bằng những sắc luật của con người. Đối với người theo quan điểm này, Kinh Thánh có thẩm quyền trong những vấn đề thiết yếu, và không có thẩm quyền trong những vấn đề không thiết yếu. Tuy nhiên, tự Kinh Thánh thì không hề phân ranh như vậy. Kinh Thánh có thẩm quyền trong mọi lãnh vực được đề cập đến trong Kinh Thánh.

Có những người bác bỏ thẩm quyền của Kinh Thánh, và quay sang tìm thẩm quyền tôn giáo dựa vào lương tâm cá nhân cùng lý trí của con người. Theo quan điểm của họ, chỉ có thể chấp nhận là đúng, nếu hợp với lý trí và được lương tâm tán thành. Quan điểm như vậy không chấp nhận thẩm quyền bên ngoài con người. Mỗi người có thẩm quyền riêng.

Phao-lô, khi mô tả cách sống của mình trước lúc qui đạo, có nói, “Chính tôi trước đây đã nghĩ rằng phải tìm mọi cách để chống đối danh Giê-xu người Na-xa-rét. Tôi đã làm như vậy tại Giê-ru-sa-lem: Dựa vào thẩm quyền của các thầy tế lễ cả, tôi không những bỏ tù nhiều thánh

đồ, mà khi họ bị kết án tử hình, tôi cũng bỏ phiếu tán đồng nữa” (Công Vụ 26:9-10). Ông vừa theo thẩm quyền của cấp lãnh đạo tôn giáo, vừa theo thẩm quyền của lương tâm mình. Ông làm điều quan chức tôn giáo bảo ông làm, với điều lòng ông cảm thấy cần phải làm.

Nếu Kinh Thánh được thần cảm từ thiên thượng, thì có thẩm quyền ngay trong chính thông điệp của Kinh Thánh. Khi Kinh Thánh phán, chúng ta phải tuân phục. Nhiều lần khi chống lại những sai quấy của cấp lãnh đạo tôn giáo, Phao-lô đã sử dụng Kinh Thánh. Khi phát biểu trong nhà hội ở Ê-xa-lô-ni-ca, ông “biện luận với họ lấy Kinh Thánh giải thích” (Công Vụ 17:2). Trong thư gửi người La-mã, khi ông đưa ra những giáo lý quan trọng về sự cứu rỗi, chúng ta thấy có những câu như, “Kinh Thánh nói gì?” (Rô-ma 4:3), “Vì Kinh Thánh phán” (Rô-ma 10:11). Chúng ta phải xem Kinh Thánh là có thẩm quyền trên chúng ta. Khi phải chọn giữa lời nói của con người với Lời Đức Chúa Trời, “Thà phải vâng Lời Đức Chúa Trời còn hơn vâng lời người ta” (Công Vụ 5:29).

2. Đầy đủ

Kinh Thánh là kim chỉ nam đầy đủ trong mọi lãnh vực tôn giáo. Kinh Thánh không bày tỏ hết mọi chân lý tôn giáo, nhưng bày tỏ mọi điều cần thiết cho con người biết, để quyết định số phận cho mình. Kinh Thánh là qui luật toàn vẹn cho đức tin và hành động. Kinh Thánh bày tỏ mọi điều cần thiết để con người tin, cùng mọi điều con người cần làm. Kinh Thánh nói thật rõ con đường cứu rỗi để “người đi đường, vâng, người khờ dại, sẽ nhờ đó không bị lạc lối.” Kinh Thánh bày tỏ kế hoạch của Đức Chúa Trời đối với hội thánh cùng mọi sinh hoạt của hội thánh. Kinh Thánh chỉ ra cách sống mọi người nam nữ phải noi theo. Kinh Thánh vén bức màn che, giúp con người nhìn thấy thế giới tương lai.

Kinh Thánh không phải là bộ sách của qui luật, mà là bộ sách của nguyên tắc. Kinh Thánh không liệt kê những “người phải,” hoặc “người chớ,” cho từng kinh nghiệm sống. Đúng hơn, Kinh Thánh đặt những nguyên lý nền tảng quan trọng để hướng dẫn con người có những quyết định và uốn nắn đời sống mình.

3. Tối hậu

Sẽ không bao giờ có một Kinh Thánh khác, vì sẽ không cần đến một Kinh Thánh nào nữa. Kinh Thánh chứa đựng mọi điều con người cần biết cho tới ngày tận thế. Điều đó không có nghĩa là sẽ không có những lời giải thích mới về Kinh Thánh và những lẽ thật mới được rút ra từ Kinh Thánh. Kinh Thánh là kho tàng bất tận. Chưa một thời đại nào khám phá được hết chân lý trong Kinh Thánh. Nhưng thông điệp của Kinh Thánh là tối hậu.

Thế giới sẽ không bao giờ tồn tại lâu hơn Kinh Thánh. Trong một trong những bài giảng sau cùng, Chúa Giê-xu phán, “Trời đất sẽ qua đi, nhưng lời Ta nói sẽ không bao giờ qua đâu” (Ma-thi-ơ 24:35). Phi-e-rơ công bố, “Lời Chúa tồn tại đời đời” (1 Phi-e-rơ 1:25). Chúa Giê-xu nói, lời Ngài sẽ xét xử trong ngày cuối cùng, “Người nào chối bỏ Ta, không chịu tiếp nhận lời Ta, thì đã có một quan tòa xét xử; chính lời Ta đã nói, sẽ xét xử họ trong ngày cuối cùng” (Giăng 12:48).

III. BỘ SÁCH SỐNG VÀ LINH HOẠT

Đây là lời Kinh Thánh tự khẳng định, “Vì Lời Đức Chúa Trời là lời sống động và linh nghiệm” (Ê-bê-rơ 4:12). Kinh Thánh sống và linh hoạt, vì đó là lời của Đức Chúa Trời hằng sống và đang hành động. Phi-e-rơ mô tả “lời hằng sống và bền vững của Đức Chúa Trời” (1 Phi-e-rơ 1:23).

Nhiều người nghe qua radio lễ đăng quang nữ hoàng của nước Anh là Elizabeth, khi Tổng Giám Mục trao Kinh Thánh cho bà, ông nói, “Chúng tôi trao cho bà Sách này, là thứ quý giá nhất mà đời này có thể

ban tặng.” Tiếp theo, Chủ Tịch Hội Đồng Tổng Giáo Hội Tô Cách Lan nói, “Đây là sự Khôn Ngoan; Đây là Luật hoàng gia; Đây là Sấm Truyền sống của Đức Chúa Trời.”

Con người đã tìm cách tiêu diệt Kinh Thánh, nhưng Kinh Thánh vẫn tồn tại. Chưa có quyển sách nào khác lại có nhiều kẻ thù ra sức dùng quyền lực để làm mọi thứ nhằm thủ tiêu như Kinh Thánh. Người vô thần chế giễu Kinh Thánh, kẻ vô tín khinh bỉ Kinh Thánh. Voltaire, một người Pháp vô đạo, tuyên bố rằng trong một trăm năm nữa, Kinh Thánh sẽ là cuốn sách bị quên lãng. Ingersoll còn đi xa hơn. Ông tuyên bố rằng trong mười năm nữa, sẽ không còn ai đọc Kinh Thánh, và trong hai mươi năm nữa, đó sẽ là cuốn sách chìm trong lãng quên. Nhưng thân xác của những nhân vật này đã nằm trong lòng đất từ lâu, và tên tuổi họ gần như bị quên lãng, trong khi Kinh Thánh vẫn sống và tiếp tục là sách bán chạy nhất thế giới.

Kinh Thánh là sách sống và linh hoạt, được chứng minh qua những hình ảnh dùng mô tả điều này.

1. Hạt giống

Đây là hình ảnh Chúa Giê-xu sử dụng, “Hạt giống là đạo Đức Chúa Trời” (Lu-ca 8:11). Hạt giống là thứ có sự sống. Vài năm trước, người ta đồn rằng có một loại hạt giống bị chôn vùi suốt nhiều thế kỷ trong một ngôi mộ Ai Cập, được khám phá vẫn còn sống, và khi đem trồng, đã nảy mầm và ra hạt. Tôi không biết chuyện này có thật không, nhưng tôi biết hạt giống là Lời Đức Chúa Trời, thì dù có qua bao nhiêu thế kỷ, vẫn hằng sống, và khi gieo trồng vào lòng người, thì mang lại kết quả.

Tôi có đọc chuyện một giáo sư thực vật lớn tuổi, thường cầm một hạt giống nhỏ màu nâu trên tay và nói với cả lớp, “Tôi biết thành phần cấu tạo chính xác trong hạt giống này. Nó có hydrogen, carbon, và

nitrogen. Tôi biết những tỷ lệ chính xác trong hạt giống và có thể làm ra một hạt giống trông hoàn toàn giống như vậy. Nếu tôi đem trồng hạt giống của mình, sẽ chẳng có gì xảy ra; mọi thành tố trong hạt giống sẽ bị tan biến vào đất ngay. Nhưng nếu tôi gieo hạt giống do Đức Chúa Trời tạo ra, nó sẽ mọc thành cây, vì trong hạt giống có nguyên lý huyền bí mà chúng ta gọi là nguyên lý sự sống.”

Giống như vậy, con người có thể làm ra một cuốn sách trông giống như Kinh Thánh. Có thể được in ra trên cùng một loại giấy và đóng thành sách, dùng cùng một thứ chất liệu. Nhưng vẫn có khác biệt bao la. Lời Đức Chúa Trời có sự sống, và khi gieo trồng nơi đất tốt, sẽ sản sinh ra vụ gặt.

Hạt giống không chỉ có sự sống, mà còn có sức mạnh linh hoạt. Khi vươn lên khỏi mặt đất, nó đẩy hết mọi chướng ngại choán chỗ nó. Chúng ta vẫn thường thấy cảnh một tảng đá lớn, con người còn không nhắc lên nổi, đã bị đẩy sang một bên, và đôi khi bị tách rời, do một cây đang lớn mọc lên từ một hạt giống bé xíu, nằm khuất trong khe đá.

2. Ánh sáng

Tác giả Thi Thiên nói, “Lời Chúa là ngọn đèn cho chân con, ánh sáng cho đường lối con” (Thi Thiên 119:105). Lời Đức Chúa Trời vừa là ngọn đèn vừa là ánh sáng. Con người là khách bộ hành, đang đi trên con đường mình chưa quen. Họ cần ánh sáng cho thấy con đường phía trước, và họ cần đèn, hoặc lồng đèn để nhìn thấy vùng đất nơi mình đang đi, làm lộ rõ những tảng đá vấp té cùng hào hố sâu. Trong Lời Đức Chúa Trời, con người có được ánh sáng và loại đèn như vậy. Ai bước đi trong ánh sáng đó, sẽ không lạc lối, cũng chẳng vấp ngã. Robert E. Lee có lần nói, “Kinh Thánh là bộ sách mà dưới mắt tôi, mọi sách khác không sánh kịp tầm quan trọng, và là cuốn sách luôn luôn

chỉ cho tôi ánh sáng cùng sức lực trong mọi lúc bối rối và khốn cùng của cuộc sống.”

3. Lửa

“Lời Ta chẳng phải như lửa sao? Đức Giê-hô-va phán vậy” (Giê-rê-mi 23:29). Lửa là chất vừa tẩy sạch, vừa thiêu hủy. Kim loại cho vào lửa nhằm đốt cháy hết những cặn bã cùng dơ bẩn để thanh lọc. Lời Đức Chúa Trời là chất vừa thiêu hủy vừa thanh tẩy. Đối với người khước từ, thì Lời Chúa trở thành “mùi của sự chết làm cho chết,” còn đối với người tuân phục, Lời Chúa trở thành “mùi của sự sống làm cho sống.”

Nhà tiên tri có lẽ muốn nhấn mạnh quyền năng thanh tẩy của Lời Kinh Thánh. Tác giả Thi Thiên nhận biết quyền năng tẩy sạch của Lời Đức Chúa Trời, khi ông nói, “Người trẻ tuổi phải làm sao cho đường lối mình được trong sạch? Phải cẩn thận theo Lời Chúa” (Thi Thiên 119:9).

4. Búa

Nhà tiên tri biết Lời Đức Chúa Trời không chỉ giống như lửa, mà còn giống như búa, “Như búa đập vỡ đá ra từng mảnh” (Giê-rê-mi 23:29).

Trong Anh ngữ, ngày thứ năm trong tuần gọi là “Thursday,” có nghĩa ngày của Thor, và Thor là một trong các thần của gốc dân Scandavian. Thần này hành động với ba món kỳ lạ: dây thắt lưng làm tăng gấp đôi sức mạnh, đôi găng tay, và cái búa nặng không con người nào nhắc lên được. Nhờ búa mạnh sức đó, thần mới hạ được người khổng lồ và thắng trận.

Đó là huyền thoại, nhưng Lời Đức Chúa Trời là búa mạnh sức, đập vỡ đá ra từng mảnh thì không hề là huyền thoại. Lời Đức Chúa Trời mô tả lòng người vô tín là lòng bằng đá. Lời Đức Chúa Trời là búa, mới đập vỡ được lòng bằng đá. Dưới sức mạnh của Lời Chúa, lòng bằng đá trở thành “lòng thống hối và vỡ tan.”

Một ông đi nghe mục sư D. L. Moody giảng, với ý định kiếm chuyện để chỉ trích. Nhưng ông lại trở về với con người được thay đổi. Khi kể lại câu chuyện, ông nói, “Ông Moody chỉ đứng đó rồi nghiền hết câu Kinh Thánh này tới câu Kinh Thánh khác lên người tôi, cho tới khi lời Kinh Thánh thấm sâu dưới da tôi.”

5. Gương

“Gương Thánh Linh, là Lời Đức Chúa Trời” (Ê-phê-sô 6:17). Đây có thể chỉ về gương được Thánh Linh sử dụng, hoặc gương do Thánh Linh cung ứng. Cả hai ý đều đúng. Lời Đức Chúa Trời là gương được Thánh Linh dùng để mang lại niềm xác tín, sự tái tạo, và thánh hóa. Với Lời đó, Ngài an ủi những tấm lòng sầu khổ và ban can đảm cho những linh hồn tuyệt vọng.

Nhưng Lời Đức Chúa Trời cũng là gương do Thánh Linh cung cấp cho chiến sĩ Cơ Đốc. Đó là khí giới tự vệ và tấn công. Nhờ Lời này, con người tránh xa cám dỗ.

Chúa chúng ta đã làm gương. Khi ma quỷ tấn công Ngài bằng sự cám dỗ mạnh mẽ nhất, Chúa Giê-xu không tranh cãi với nó, mà nói, “Có lời chép,” rồi trích dẫn từ Lời Đức Chúa Trời. Sau ba lần cám dỗ không được, quỷ thất bại rút lui.

Tác giả Thi Thiên tìm ra phương pháp hay nhất để chống lại cám dỗ, “Con đã giấu Lời Chúa trong lòng con, để con không phạm tội cùng Chúa” (Thi Thiên 119:11).

Lời Đức Chúa Trời cũng là khí giới tấn công của Cơ Đốc nhân. Với gương đó, họ sẽ ra đi và chiến thắng. Năm 1870, một giáo sĩ bản xứ ở đảo Hawaii đứng trước một đám đông, trong đó có thành viên của hoàng gia cùng với các quan chức cao cấp khác. Ông giơ cao bản Kinh Thánh trong tay và nói, “Không phải thuốc súng với đạn, không phải gương với đại bác, mà với Lời hằng sống của Đức Chúa Trời và Thánh

Linh Ngài, chúng ta ra đi để chinh phục quần đảo này cho Đấng Christ.” Nhờ gương quyền năng đó, Hội Thánh đã và sẽ chinh phục thế giới này về cho Đấng Christ. Lời khuyên Phao-lô gửi cho nhà truyền đạo trẻ ngày xưa, vang vọng qua bao thế kỷ, nói với các nhà truyền đạo thời nay, “Hãy giảng Lời Đức Chúa Trời.”

Thật vậy, Kinh Thánh là bộ sách kỳ diệu.

*Và tốt hơn là họ chưa từng được sinh ra,
Để đọc rồi nghi ngờ, hoặc đọc rồi khinh bỉ.*

Scott

CÂU HỎI ÔN BÀI VÀ THI

1. Giải thích sự thần cảm Kinh Thánh.
2. Kể ra vài chứng cứ Kinh Thánh được thần cảm.
3. Thảo luận về thẩm quyền của Kinh Thánh.
4. Kể ra vài hình ảnh được dùng để mô tả Kinh Thánh.

2. Đức Chúa Trời Duy Nhất Chân Thật

“Vì Ta là Đức Chúa Trời, chẳng có Chúa nào khác” (Ê-sai 45:22).

Tin vào sự hiện hữu của một đấng thiêng liêng là điều gần như phổ quát. Rất ít người tự cho rằng không có Đức Chúa Trời. Kinh Thánh gọi những người như vậy là khờ dại, “Kẻ ngu dại nói trong lòng rằng: Không có Đức Chúa Trời” (Thi Thiên 53:1). Tiến sĩ E. Y. Mullins thường nói, “Họ nói trong lòng như vậy; nhưng trong đầu thì biết có Chúa.” Mọi thứ chung quanh chúng ta và bên trên chúng ta làm chứng cho sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. “Các tầng trời rao truyền vinh quang của Đức Chúa Trời; bầu trời bày tỏ công việc tay Ngài làm” (Thi Thiên 19:1).

Người ta nói, một đêm nọ vua Napoleon ngồi nghe mấy sĩ quan cãi nhau. Một số chế nhạo tôn giáo. Người khác tiến xa hơn, phủ nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Ngay lập tức, vua đến đứng ngay giữa họ. Chỉ lên sao trời, ông nói, “Quý vị ơi, có thể cho là quý vị nói đúng; nhưng nói vậy, thì ai làm ra mấy sao trời kia?”

Tuy hầu hết mọi người đều nhìn nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời, nhưng họ có những khái niệm rất khác nhau về Ngài. Một số tưởng tượng ra vị thần theo cách riêng, và theo ước muốn riêng của mình. Một số xem Ngài là một siêu nhân có hình dạng và bản chất con người. Người khác cho Ngài là một sức mạnh phi nhân tính lan tỏa khắp vũ trụ. Chỉ có một chỗ để chúng ta tìm ra được một khái niệm đích thực về Đức Chúa Trời, đó là Kinh Thánh, trong đó Ngài mặc khải chính mình.

Kinh Thánh không cố gắng chứng minh sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Kinh Thánh mở đầu với lời tuyên bố, “Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất.” Ban đầu của cái gì? Hiển nhiên là câu này ám chỉ

sự khởi đầu của cái chúng ta gọi là “thời gian,” khởi điểm của vũ trụ vật chất.

Kinh Thánh bày tỏ điều gì về Đức Chúa Trời?

I. DANH XƯƠNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Khi chúng ta dùng từ “Đức Chúa Trời” thì ý nghĩa rất rõ ràng. Chúng ta đang nghĩ tới một Đấng Tối Cao, Đấng Tạo Hóa và Tể Trị trên muôn loài. Nhưng trong khái niệm của con người thời xưa, có rất nhiều thần. Phao-lô nói, “Mặc dù người ta cho rằng có các thần ở trên trời hay dưới đất - họ tin có nhiều 'thần', nhiều 'chúa'” (1 Cô-rinh-tô 8:5). Mỗi dân tộc có vị thần riêng. Một số dân tộc thờ nhiều thần, mang những tên gọi khác nhau.

Đức Chúa Trời tự đặt tên để phân biệt Ngài với các thần khác, “Ta là Đức Giê-hô-va, đó chính là danh Ta” (Ê-sai 42:8). Ngài bày tỏ danh xưng này đầu tiên cho Môi-se, khi Ngài giao cho ông nhiệm vụ dẫn dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi cảnh nô lệ Ai Cập, “Con hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên thế này, Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ anh em, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp, sai tôi đến với anh em: đây là danh đời đời của Ta, là danh ghi nhớ qua mọi thế hệ” (Xuất 3:15). Trong Xuất Ê-díp-tô Ký 6:2-3, Ngài nói trước đó, Ngài chưa từng được biết đến qua danh xưng đó, “Đức Chúa Trời lại phán với Môi-se: Ta là Đức Giê-hô-va. Ta đã hiện ra với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp với tư cách là Đức Chúa Trời Toàn Năng; nhưng Ta chưa hề tỏ cho họ biết danh Ta là Giê-hô-va.” Họ đã từng biết về danh xưng đó, vì Áp-ra-ham gọi nơi ông dâng Y-sác làm của lễ thiêu là “Giê-hô-va Di-rê” (Sáng 22:14). Nhưng họ chưa biết ý nghĩa trọn vẹn của danh xưng đó. Khi được bày tỏ cho Môi-se, danh xưng này mang ý nghĩa mới. Đó là danh xưng giao ước của Đức Chúa Trời, danh cứu chuộc của Ngài.

Cần lưu ý vài điều về danh xưng Đức Chúa Trời tự đặt cho Ngài.

1. Danh xưng riêng

Có nhiều thần tự xưng trong thời dân Y-sơ-ra-ên. Mỗi dân tộc có một thần riêng. Và các thần này có tên riêng. Thần của dân Mô-áp là Kê-mốt. Thần của dân Am-môn là Mô-lóc. Thần của dân Si-đôn là Ba-anh. Nhưng danh xưng của Đức Chúa Trời cho dân Hê-bơ-rơ là Giê-hô-va, “Ta là Giê-hô-va, đó chính là danh xưng của Ta.”

2. Danh xưng gọi hình

Thời đầu tiên, con người mang tên thể hiện cá tính của mỗi người. Gia-cốp là tên đặt cho con trai thứ nhì của Y-sác và Rê-bê-ca, vì tên gọi này tiêu biểu cho cá tính của ông—kẻ chiếm chỗ. Tên gọi này đổi thành Y-sơ-ra-ên, khi ông trở thành hoàng tử của Đức Chúa Trời. Vì vậy, danh xưng Giê-hô-va mô tả bản tánh Đức Chúa Trời. Danh xưng này mang ý nghĩa một sinh vật vĩnh cửu và bất biến. Khi Môi-se hỏi ý Đức Chúa Trời muốn ông gọi Ngài bằng danh xưng gì, khi nói với dân Y-sơ-ra-ên, “Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi đã sai ta đến với các ngươi” thì Đức Chúa Trời đáp, “Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng, Đấng Tự Hữu đã sai tôi đến với anh em” (Xuất 3:14). Danh xưng này có cùng nguồn gốc với Giê-hô-va. Giê-hô-va là Đấng Tự Hữu vĩ đại. Đối với Ngài, không có quá khứ, không có hiện tại và không có tương lai. Tất cả chỉ là một Đấng vĩnh cửu. Ngài là Đức Chúa Trời đời đời, Đức Chúa Trời bất biến, hôm qua, ngày nay và đời đời vẫn y nguyên. “Từ đời đời cho đến đời đời Ngài là Đức Chúa Trời” (Thi Thiên 90:2).

3. Danh xưng thánh

Khi Đức Chúa Trời ban Mười Điều Răn cho Y-sơ-ra-ên, Ngài phán, “Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con” (Xuất 20:2). Sau đó, trong Điều Răn Thứ Ba, Ngài phán, “Con không được lạm dụng danh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, vì Đức Giê-hô-va sẽ chẳng dung tha kẻ nào lạm dụng

danh Ngài” (Xuất 20:7). Khi đưa ra Bài Cầu Nguyện Mẫu, Chúa Giê-xu phán, “Lạy Cha chúng con ở trên trời, danh Cha được tôn thánh” (Ma-thi-ơ 6:9). Vì đây là danh thánh, nên người Do Thái không dám xưng ra trên môi miệng của họ. Họ thay thế bằng từ “Chúa.”

4. Danh xưng để ghi nhớ

Đức Chúa Trời phán với Môi-se, khi bày tỏ cho ông danh xưng của Ngài, “Đây là danh xưng của Ta đời đời, và đây là danh xưng của Ta để ghi nhớ qua mọi thế hệ.” Điều để ghi nhớ chính là cách đối xử đầy ân sủng của Ngài đối với con cái Y-sơ-ra-ên khi đem họ ra khỏi ách nô lệ. Suốt mọi thế hệ tương lai, khi cần nhắc đến danh Ngài, thì danh đó sẽ nhắc họ nhớ lại công tác cứu chuộc của Ngài tại Ai Cập, vốn là dấu hiệu báo trước công tác cứu chuộc của Ngài tại Gô-gô-tha.

II. BẢN CHẤT ĐỨC CHÚA TRỜI

Đức Chúa Trời có bản chất như thế nào?

1. Một số từ mô tả

Chúng ta thấy trong Kinh Thánh có bốn khẳng định cụ thể mô tả Đức Chúa Trời.

(1) *Thần*.- Đây là lời Chúa Giê-xu phán, “Đức Chúa Trời là Thần Linh” (Giăng 4:24). Đức Chúa Trời không phải là siêu nhân, có cơ thể bằng xác thịt; Ngài là sinh vật Thần Linh. Ngài không bị những hạn chế do thể xác đặt ra.

Phân đoạn Kinh Thánh gán cho Đức Chúa Trời những chi thể như cánh tay, đôi mắt, và bàn tay, khiến nhiều người cho rằng Ngài có thân thể giống như chúng ta. Một số người hình dung Ngài như một bậc lão thành, ngự trên ngai trên các tầng trời. Thật khó cho tâm trí hữu hạn nghĩ về Đức Chúa Trời mà không gán cho Ngài một hình dạng thân xác nào đó. Nhưng một sinh vật như vậy thì sẽ bị hạn chế trên nhiều

phương diện. Đức Chúa Trời là Thần, vì thế, không hề có giới hạn đối với Ngài.

Vốn là Thần, Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời hằng sống. Ngài được mô tả như vậy trong Kinh Thánh, “Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời chân thật, Ngài là Đức Chúa Trời hằng sống” (Giê-rê-mi 10:10); “Anh em đã quay về với Đức Chúa Trời, từ bỏ thần tượng để phục vụ Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật” (1 Tê-sa 1:9). Là Đức Chúa Trời hằng sống, Ngài không chỉ có sự sống, Ngài còn là nguồn sự sống.

Vì là Thần, Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời có thân vị, một sinh vật đạo đức, tự quyết định, có ý thức bản thân. Chúng ta thường liên kết nhân cách với thân xác. Con người là một sinh vật chúng ta nhìn thấy được. Nhưng nhân cách thì không thuộc về thân xác mà gắn liền với tâm linh. Chính vì Đức Chúa Trời là hữu thể có thân vị nên chúng ta mới được thông công với Ngài.

(2) *Sự Sáng*.- Đây là cách Giảng mô tả Đức Chúa Trời, “Đức Chúa Trời là ánh sáng, trong Ngài không có bất cứ bóng tối nào” (1 Giảng 1:5). Tối tăm tiêu biểu cho sự ngu dốt, nhầm lẫn, và tội lỗi. Sự sáng tượng trưng cho sự khôn ngoan và tinh khiết. Đức Chúa Trời là hữu thể toàn thiện và hoàn toàn khôn ngoan.

(3) *Tình Yêu*.- Cách mô tả khác được Giảng sử dụng là “tình yêu.” (1 Giảng 4:8). Đức Chúa Trời thánh khiết và cao cả cũng là Đức Chúa Trời của tình yêu. Đây là thuộc tánh của Đức Chúa Trời, mang lại hi vọng cho tấm lòng tội lỗi. Chỉ biết Đức Chúa Trời toàn năng và thánh khiết, sẽ khiến con người sợ hãi và kinh hoàng. Nhưng biết rằng Đức Chúa Trời thánh khiết và cao cả này cũng là Đức Chúa Trời yêu thương, sẽ khơi dậy hi vọng trong lòng người.

Tình yêu của Đức Chúa Trời được bày tỏ theo nhiều cách, nhưng cách bày tỏ cao nhất, là qua tặng phẩm Con Ngài. “Tình yêu thương của

Đức Chúa Trời đối với chúng ta đã được bày tỏ trong điều này: Đức Chúa Trời đã sai Con Một của Ngài đến trần gian, để chúng ta nhờ Con ấy mà được sống” (1 Giăng 4:9). Có nhiều kinh nghiệm khiến cho con người nghi ngờ tình yêu của Đức Chúa Trời, nhưng không ai có thể đứng trước thập tự giá của Gô-gô-tha mà còn nghi ngờ. “Đức Chúa Trời bày tỏ lòng yêu thương của Ngài đối với chúng ta khi chúng ta còn là tội nhân thì Đấng Christ đã chết thay cho chúng ta” (Rô-ma 5:8).

(4) *Ngọn lửa thiêu đốt.*- Tác giả Hê-bơ-rơ (12:29) trích dẫn Phục Truyền Luật Lệ Ký 4:24, “Đức Chúa Trời chúng ta là ngọn lửa thiêu đốt.” Đức Chúa Trời không chỉ là Đức Chúa Trời yêu thương, mà còn là Đức Chúa Trời công chính. Tác giả Thi Thiên mô tả Ngài là Đức Chúa Trời yêu thương vô hạn, “Đức Giê-hô-va đầy lòng thương xót hay làm ơn, chậm nóng giận và giàu lòng nhân từ” (Thi Thiên 103:8). Nhưng trong câu kế tiếp, ông nói, “Ngài sẽ không bắt tội luôn luôn, cũng chẳng giữ lòng giận đến đời đời.” Con người không thể đùa cợt với Đức Chúa Trời rồi thoát hình phạt công chính của Ngài được.

2. Đức Chúa Trời vô hạn

Có lẽ từ mô tả Đức Chúa Trời đúng nhất là từ “vô hạn.” Nghĩa đen là không có chấm dứt hoặc không có giới hạn.

(1) *Đời đời.*- Đức Chúa Trời không có khởi đầu hoặc kết thúc. Ngài là Đức Chúa Trời đời đời. “Từ trước vô cùng cho đến đời đời, Chúa là Đức Chúa Trời” (Thi Thiên 90:2). Vì ý tưởng không có khởi đầu vượt ngoài trí hiểu của con người, cho nên một số người đã vấp ngã ở đây. Câu hỏi thường đặt ra là “Đức Chúa Trời từ đâu ra?” Chúng ta nói về một tương lai đời đời, một tương lai không chấm dứt. Hi vọng của chúng ta là chúng ta sẽ sống mãi. Tin vào một quá khứ không có khởi điểm, không khó hơn tin vào một tương lai không có kết thúc. Hiểu cách Đức Chúa Trời đã từng sống xuyên suốt một quá khứ vĩnh cửu,

không khó hơn hiểu chúng ta sẽ sống đời đời trong tương lai. Đức Chúa Trời không bị hạn chế bởi thời gian--"Một nghìn năm dưới mắt Chúa khác nào ngày hôm qua đã qua rồi" (Thi Thiên 90:4); "Trước mặt Chúa một ngày như nghìn năm, nghìn năm như một ngày" (2 Phi-e-rơ 3:8).

(2) *Toàn tại.*- Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời toàn tại. Không có nghĩa Ngài trải ra đều khắp vũ trụ, mà có nghĩa toàn thể Đức Chúa Trời hiện diện khắp mọi nơi. Có những phân đoạn Thánh Kinh dường như định vị cho Đức Chúa Trời, "Lạy Cha chúng con ở trên trời" (Ma-thi-ơ 6:9); "Đấng ngự trên các tầng trời" (Thi Thiên 123:1); "Đức Giê-hô-va đã lập ngôi Ngài trên các tầng trời" (Thi Thiên 103:19). Tuy nhiên, những phân đoạn này được hiểu theo nghĩa biểu tượng, giống như những phân đoạn đề cập bàn tay và cánh tay của Ngài. Đức Chúa Trời không thể bị hạn chế bởi không gian hoặc trong không gian.

Có nhiều câu Kinh Thánh tuyên bố sự toàn tại của Đức Chúa Trời--"Con sẽ đi đâu xa Thần Chúa? Con sẽ trốn đâu khỏi sự hiện diện của Ngài? Nếu con lên trời, Chúa ở tại đó, nếu con nằm dưới Âm phủ, kìa, Chúa cũng có ở đó. Nếu con chắp cánh hừng đông bay qua tận cùng biển cả; tại đó tay Chúa cũng sẽ dẫn dắt con" (Thi Thiên 139:7-10); "Ngài chẳng ở xa mỗi người trong chúng ta: vì ở trong Ngài, chúng ta được sống, hoạt động và hiện hữu" (Công Vụ 17:27-28).

(3) *Toàn tri.*- Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời toàn tri. Ngài biết mọi sự. Ngài biết hết quá khứ, toàn bộ hiện tại và xuyên suốt tương lai. Và Ngài biết thông suốt mọi chuyện cũng như từng tạo vật của Ngài. Không có gì che giấu Ngài được. Tác giả Thi Thiên nói, "Chúa biết khi con ngồi, lúc con đứng dậy; từ xa Chúa biết rõ tư tưởng con. Chúa xem xét lối con đi và chỗ con nằm nghỉ, quen biết các đường lối con. Khi lời chưa ở trên lưỡi con, lạy Đức Giê-hô-va, Ngài đã biết hết rồi" (Thi Thiên 139:2-4).

(4) *Toàn năng.*- Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời toàn năng. Mọi quyền năng thuộc về Ngài, “Đức Chúa Trời có phán một lần, con có nghe điều này hai lần, rằng quyền năng thuộc về Đức Chúa Trời” (Thi Thiên 62:11). Nhiều lần Kinh Thánh công bố chẳng có điều chi bất khả thi đối với Đức Chúa Trời. Đây là Lời Đức Chúa Trời tuyên bố về chính mình Ngài, “Này, Ta là Giê-hô-va của mọi loài xác thịt: có việc gì khó quá cho Ta chẳng?” (Giê-rê-mi 32:27). Chúa Giê-xu phán, “Loài người không thể làm điều này được; nhưng Đức Chúa Trời làm được mọi sự” (Ma-thi-ơ 19:26).

Dĩ nhiên, không có nghĩa Đức Chúa Trời có thể làm những việc ngược lại bản chất của Ngài. Phao-lô tuyên bố Đức Chúa Trời không thể nói dối, “Trong niềm hi vọng về sự sống đời đời là sự sống mà Đức Chúa Trời, Đấng không bao giờ nói dối, đã hứa từ muôn đời trước” (Tít 1:2). Cũng không có nghĩa là Đức Chúa Trời có thể làm những việc ngược lại chính mình Ngài. Như vậy sẽ phủ nhận bản tánh Ngài. Tiến sĩ E. Y. Mullins phát biểu lẽ thật này theo cách như sau, “Nói Đức Chúa Trời toàn năng, chúng ta ngụ ý quyền năng vô hạn của Ngài có thể làm bất kỳ điều gì và làm mọi điều nhất quán với bản tánh cùng mục đích của Ngài.”

3. Đức Chúa Trời là Cha

Có những câu đề cập Đức Chúa Trời là Cha trong lịch sử Cựu Ước, “Đức Chúa Trời ở nơi thánh Ngài, là Cha của trẻ mồ côi, và thẩm phán bênh vực người góa bụa” (Thi Thiên 68:5); “Ta sẽ đưa chúng đi dọc bờ các sông suối, trên con đường ngay thẳng, không bị vấp ngã; vì đối với Y-sơ-ra-ên, Ta là cha” (Giê-rê-mi 31:9); “Vậy, nếu Ta là cha, thì sự tôn kính dành cho Ta ở đâu?” (Ma-la-chi 1:6). Nhưng chính Chúa Giê-xu mới là Đấng bày tỏ lẽ thật về vai trò làm cha của Đức Chúa Trời cách trọn vẹn và đẹp đẽ nhất.

Đức Chúa Trời là Cha theo ý nghĩa nào? Hiểu lầm và giải thích sai ở đây, đã dẫn tới nhiều nhầm lẫn.

(1) *Mối liên hệ tạo dựng.*- Trên một phương diện, Đức Chúa Trời là Cha của mọi người: Phao-lô nói, “Chúng ta cũng là dòng dõi của Ngài. Vậy đã là dòng dõi Đức Chúa Trời, thì chúng ta đừng nghĩ rằng Đấng Thiêng Liêng giống như hình tượng bằng vàng, bạc, hay đá do nghệ thuật và trí tưởng tượng của con người làm ra” (Công Vụ 17:28-29). Đức Chúa Trời là Cha của mọi người theo ý nghĩa Ngài là Đấng Tạo Dựng và Bảo Toàn mọi người. Có người đã rút ra từ lẽ thật này giáo lý cứu rỗi phổ quát [ai cũng sẽ được cứu], là điều đi ngược lại với Lời Đức Chúa Trời.

(2) *Mối liên hệ cứu chuộc.*- Trên phương diện đặc biệt, Đức Chúa Trời là Cha của những người bước vào mối liên hệ tâm linh với Ngài qua Chúa Giê-xu Christ, “Bất cứ ai tiếp nhận Ngài, tức là tin danh Ngài, thì Ngài ban cho họ quyền trở nên con của Đức Chúa Trời” (Giăng 1:12).

Kinh Thánh đề cập ba cách để trở thành con cái thuộc linh của Đức Chúa Trời. Đúng hơn, đó là ba phương diện của cùng một kinh nghiệm.

Thứ nhất, chúng ta trở thành con, nhờ đức tin. “Bởi đức tin trong Đấng Christ Giê-xu, tất cả anh em đều là con Đức Chúa Trời” (Ga-la-ti 3:26). Không ai là con thực sự của Đức Chúa Trời nếu chưa đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu Christ.

Thứ hai, chúng ta là con cái Đức Chúa Trời nhờ sinh ra về phần tâm linh. “Là những người được sinh ra không phải bởi khí huyết, hoặc bởi ước muốn xác thịt, hoặc bởi ý người, nhưng bởi Đức Chúa Trời” (Giăng 1:13). Con người trở thành con của Đức Chúa Trời chỉ nhờ kinh nghiệm được đổi mới, hoặc tái sanh.

Thứ ba, chúng ta là con nuôi của Đức Chúa Trời. “Anh em đã không nhận lấy tinh thần làm nô lệ để cứ sống trong sự sợ hãi; nhưng đã nhận lấy tinh thần làm con nuôi, và nhờ đó chúng ta gọi rằng A-ba, Cha” (Rô-ma 8:15).

Đối với Cơ Đốc nhân, vai trò làm cha của Đức Chúa Trời là một trong những giáo lý an ủi nhất trong Kinh Thánh. Có nghĩa là Đức Chúa Trời toàn năng, hoàn toàn khôn ngoan, cao cả, là Cha của chúng ta. Là con của Ngài, chúng ta có được tình yêu cùng sự chăm sóc không ngắt của Ngài, “Ta sẽ làm Cha các ngươi, các ngươi sẽ làm con trai, con gái Ta, Chúa Toàn Năng phán vậy” (2 Cô-rinh-tô 6:18). Là con cái thì chúng ta cũng là “người thừa kế, vừa là người thừa kế của Đức Chúa Trời, vừa là người cùng thừa kế với Đấng Christ” (Rô-ma 8:17).

III. BA NGÔI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Đức Chúa Trời được mặc khải trong Kinh Thánh là Đức Chúa Trời Ba Ngôi, Ba Ngôi Hiệp Một. Từ ngữ “Ba Ngôi Hiệp Một” không có trong Kinh Thánh, nhưng được Giáo Phụ Tertullian sử dụng vào thế kỷ thứ hai để nói đến đặc tính Ba Ngôi Hiệp Một của Đức Chúa Trời. Giáo lý này huyền nhiệm hơn hết mọi huyền nhiệm trong Kinh Thánh. Chúng ta không thể biết giáo lý này nếu không có Kinh Thánh bày tỏ cho chúng ta. Giáo lý này được nói đến trong Cựu Ước và bày tỏ rõ ràng trong Tân Ước. Có hai chân lý trong giáo lý này.

1. Một Đức Chúa Trời

Chân lý này được khẳng định nhiều lần trong Kinh Thánh, “Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy nghe: Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta là Giê-hô-va có một không hai” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 6:4); “Đức Giê-hô-va là Vua và Đấng Cứu Chuộc của Y-sơ-ra-ên, là Đức Giê-hô-va vạn quân, phán: Ta là đầu tiên và cuối cùng; ngoài Ta không có Đức Chúa Trời nào khác” (Ê-sai 44:6); “Chúng ta biết thần tượng trong thế gian không thật sự

hiện hữu, chỉ có một Đức Chúa Trời chứ không có thần nào khác” (1 Cô-rinh-tô 8:4). Vì vậy giáo lý Ba Ngôi không có nghĩa là chúng ta có ba vị thần.

2. Trong ba thân vị

Một Đức Chúa Trời hiện hữu và bày tỏ chính Ngài theo ba thân vị--Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh. Vì cần diễn tả rõ ràng hơn, chúng ta nói có ba thân vị trong Đức Chúa Trời. Ba thân vị này có chung một bản thể, nhưng khác nhau về thân vị.

Một thân vị trong Ba Ngôi không hành động cách độc lập đối với hai thân vị kia. Thế nhưng có ba cách thể hiện trong giao tiếp giữa Đức Chúa Trời với con người.

(1) *Cha*.- Chúng ta có được một phần câu chuyện về cách Ngài thể hiện trong Cựu Ước. Có những biểu hiện cụ thể của Thánh Linh, và có lẽ của Con trong hình ảnh “thiên sứ của Chúa,” nhưng đó chính là Giê-hô-va Đức Chúa Trời đang giao tiếp trực tiếp với loài người. Biểu hiện này nổi bật trên ba khía cạnh.

Trước hết, Đức Chúa Trời vô hình. Con người không thể nhìn thấy Ngài. Thỉnh thoảng Ngài sai thiên sứ phán với con người, nhưng không con người nào được phép nhìn thấy chính Đức Chúa Trời. Môi-se nài xin đặc ân đó, nhưng ông chỉ được phép đứng trên mồm đá để nhìn xem vinh quang của Đức Chúa Trời đi ngang qua (Xuất 33:18-23). Trong Giăng 1:18 có chép, “Chưa ai từng thấy Đức Chúa Trời.”

Thứ hai, Đức Chúa Trời không lại gần con người. Ngài giao tiếp với con người qua một khoảng cách. Ngài ngự trên đỉnh núi, rồi tại đó, trong bức màn mây và khói, Ngài trò chuyện với Môi-se. Với dân sự nói chung, Ngài phán, “Hãy cẩn thận đừng leo lên núi hoặc chạm đến chân núi. Ai chạm đến núi sẽ bị xử tử” (Xuất 19:12). Khi đền thờ được xây cất, Đức Chúa Trời hứa sự hiện diện của Ngài sẽ ở trong nơi chí thánh,

nhưng không ai ngoại trừ thầy tế lễ cả, được bước vào, và đặc ân này chỉ dành cho ông mỗi năm một lần.

Thứ ba, sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là thuộc tánh thiên thượng được nhấn mạnh. Tác giả Thi Thiên nói, “Nguyện họ ca ngợi danh vĩ đại và đáng sợ của Chúa: Ngài là thánh” (Thi Thiên 99:3). Lại nữa, “Hãy tôn cao Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta, và thờ phượng dưới bệ chân Ngài. Ngài là thánh” (Thi Thiên 99:5). Khi Ê-sai nhìn thấy Chúa trong Đền thờ, ông nghe sê-ra-phin hát, “Thánh thay, thánh thay, thánh thay, là Đức Giê-hô-va vạn quân” (Ê-sai 6:3).

(2) Con.- Chúng ta có được ghi lại này trong bốn sách Phúc âm. Trong giai đoạn này, chính Đức Chúa Con tiếp xúc trực tiếp với loài người. Có ba khía cạnh nổi bật trong giai đoạn này.

Trước hết, trong sự xuất hiện của Đấng Christ, con người thấy một Đức Chúa Trời hữu hình, Đấng họ có thể nhìn thấy. Chúa Giê-xu phán với môn đồ Ngài, “Ai đã thấy Ta tức là đã thấy Cha” (Giăng 14:9). Hơn nữa, trong Giăng 1:18, chúng ta đọc, “Chưa ai từng thấy Đức Chúa Trời, chỉ Con Một ở trong lòng Cha, là Đấng đã bày tỏ Cha cho chúng ta biết.” Vì vậy, trong Chúa Giê-xu Christ, Đức Chúa Trời không thấy được, trở thành thấy được.

Thứ hai, Đức Chúa Trời đến gần con người. trong thân vị Con Ngài, Đức Chúa Trời từ trời xuống thế gian và tiến gần hơn trong mối liên hệ với con người, “Ngôi Lời đã trở nên xác thể, sống giữa chúng ta, đầy ân điển và chân lý. Chúng ta đã chiêm ngưỡng vinh quang Ngài, thật là vinh quang của Con Một đến từ nơi Cha” (Giăng 1:14). Trong Chúa Giê-xu Christ, Đức Chúa Trời đã đến và sống với loài người và trò chuyện mặt đối mặt với họ.

Thứ ba, tình yêu của Đức Chúa Trời được mở rộng. Từ quan trọng của giai đoạn này là Giăng 3:16, “Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến

nổi đã ban Con Một của Ngài.” Đức Chúa Trời với “danh xưng lớn lao và đáng sợ,” Đấng mà tác giả Thi Thiên đề cập, đã trở nên Cha yêu thương đối với con cái tin cậy của Ngài.

(3) *Thánh Linh*.- Sự biểu hiện này bắt đầu với những ghi lại trong chương thứ nhì của Công Vụ Các Sứ Đồ, và vẫn tiếp tục cho tới ngày nay. Khi Chúa Giê-xu nói với môn đồ Ngài về việc từ giã trần gian, Ngài phán: Ta sẽ cầu xin Cha, Ngài sẽ ban cho các con một Đấng An Ủi khác, để ở với các con đời đời, tức là Thần Chân Lý” (Giăng 14:16-17).

Trong thân vị Thánh Linh, Đức Chúa Trời càng lại gần hơn nữa với con cái Ngài. Ngài không chỉ ở với họ, mà còn ở trong họ, “Vì Ngài đang ở với các con, và sẽ ở trong các con” (Giăng 14:17).

Trong Thánh Linh, quyền năng Đức Chúa Trời trở nên nổi bật. Chúa phục sinh phán với môn đồ Ngài, “Khi Thánh Linh giáng trên các con thì các con sẽ nhận lấy quyền năng” (Công Vụ 1:8).

IV. CÔNG VIỆC CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Công việc của Đức Chúa Trời gồm có ba điểm chính.

1. Công trình sáng tạo

Kinh Thánh mở đầu với lời tuyên bố, “Ban đầu Đức Chúa Trời tạo nên trời và đất.” Sau đó là câu chuyện tạo dựng, cho thấy những giai đoạn khác nhau. Công trình tạo dựng gồm hai loài: loài vô tri và loài sinh động--loài không có sự sống, và loài có sự sống. Loài có sự sống gồm hai loại: thực vật và động vật--sự sống cây cỏ và sự sống động vật. Sự sống động vật gồm hai loại: thấp và cao--thú và người.

Hai câu hỏi liên quan công trình sáng tạo được đặt ra.

(1) *Phương pháp sáng tạo*.- Đức Chúa Trời tạo ra thế giới cùng muôn loài trong đó bằng cách nào? Nhiều thuyết khác nhau được đưa ra, nhưng chúng ta quay về với khẳng định đơn giản: Đức Chúa Trời đã

tạo dựng. Từ “sáng tạo” bao gồm ý nghĩa mang lại sự hiện hữu cho điều chưa từng hiện hữu trước đó. Từ này chỉ được dùng cho một mình Đức Chúa Trời trong Thánh Kinh. Không bao giờ có thể nói con người đã sáng tạo bất kỳ thứ gì.

Từ “sáng tạo” xuất hiện ba lần trong câu chuyện sáng tạo, là điều có ý nghĩa: (1) Về vật chất--”Ban đầu Đức Chúa Trời sáng tạo trời và đất” (Sáng 1:1). Không có lời giải thích nào khác về nguồn gốc của vật chất. (2) Về sự sống loài vật--”Đức Chúa Trời sáng tạo các loài cá khổng lồ, mọi loài động vật thủy sinh, tùy theo loại mà sinh sôi nảy nở trong nước, và mọi loài chim có cánh tùy theo loại” (Sáng 1:21). Chẳng có lời giải thích nào khác về căn nguồn gốc của động vật. (3) Về con người--”Đức Chúa Trời sáng tạo loài người theo hình ảnh Ngài” (Sáng Thế Ký 1:27). Không có lời giải thích nào khác về nguồn gốc con người. Đức Chúa Trời tạo dựng vũ trụ vật chất, Đức Chúa Trời tạo dựng sự sống loài vật, và Đức Chúa Trời tạo dựng con người.

Nhưng Đức Chúa Trời tạo dựng bằng cách nào? Kinh Thánh đơn giản khẳng định sự kiện, mà không cho biết phương pháp, chỉ nói, “Đức Chúa Trời phán, và có như vậy.”

“Đức Chúa Trời phán: Phải có ánh sáng, thì có ánh sáng” (Sáng 1:3).

“Đức Chúa Trời lại phán, Phải có một cái vòm trời giữa khối nước để phân cách nước với nước. Đức Chúa Trời làm nên vòm trời và phân cách nước ở dưới vòm với nước ở trên vòm, thì có như vậy” (Sáng 1:6-7).

“Đức Chúa Trời phán: Nước dưới bầu trời phải tụ lại một nơi và phải có chỗ khô cạn xuất hiện, thì có như vậy” (Sáng 1:9).

“Đức Chúa Trời phán: Đất phải sinh thảo mộc, cỏ kết hạt giống, cây trên đất tùy theo loại mà ra trái và kết hạt, thì có như vậy” (Sáng 1:11).

Đây là lời khẳng định xuyên suốt câu chuyện sáng tạo, “Đức Chúa Trời phán, thì có như vậy.”

Đây là lời giải thích công trình sáng tạo do tác giả Thi Thiên đưa ra, “Các tầng trời được làm nên bởi lời Đức Giê-hô-va, tất cả đạo binh tinh tú do hơi thở của miệng Ngài mà có” (Thi Thiên 33:6); “Vì Ngài phán, thì mọi sự liền có; Ngài truyền lệnh, thì muôn vật vững bền” (Thi Thiên 33:9).

Tác giả thư Hê-bơ-rơ đồng ý với tác giả Thi Thiên trong lời giải thích này về vũ trụ, “Bởi đức tin chúng ta biết rằng vũ trụ đã được dựng nên bởi lời của Đức Chúa Trời, đến nỗi những vật thấy được hình thành từ những vật không thấy được.” (Hê-bơ-rơ 11:3).

(2) *Thời gian sáng tạo.*- Đức Chúa Trời mất bao lâu để tạo dựng muôn loài? Kinh Thánh tuyên bố công trình sáng tạo được hoàn tất trong sáu ngày, “Vì trong sáu ngày Đức Giê-hô-va đã tạo dựng trời đất, biển, và muôn vật ở trong đó” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:11). Mấy ngày này có cùng chiều dài hai mươi bốn tiếng, hay ám chỉ khoảng thời gian vô định?

Nhóm từ “chiều và tối” được giải thích theo nghĩa ngày có cùng độ dài như các ngày trong tuần. Tuy nhiên, cách giải thích khác, có thể khớp hơn với mọi sự kiện. Từ “ngày” được dùng trong Kinh Thánh chỉ về một khoảng thời gian bất định, như trong “ngày của Chúa,” “ngày cứu rỗi,” “ngày thịnh nộ,” v.v. Trong Sáng Thế Ký 2:4 “ngày” được dùng bao gồm toàn bộ công trình sáng tạo, “Trong ngày Giê-hô-va Đức Chúa Trời dựng nên trời đất.”

Cách và thời điểm sáng tạo không quan trọng bằng việc chính Đức Chúa Trời đã làm điều đó theo cách riêng cùng thời điểm riêng của Ngài. Và cũng cần nhớ rằng những ngày tháng được chú thích bên lề

bản dịch Kinh Thánh King James không được thần cảm. Đó là sự sắp xếp của Tổng Giám mục Usher của England, trong thế kỷ mười bảy.

2. Bảo tồn

Đức Chúa Trời không chỉ tạo dựng muôn loài, mà còn nâng đỡ và điều khiển mọi sự. Ngài không tạo dựng vũ trụ rồi rút lui. Ngài thiết lập một số định luật để điều hành vũ trụ, nhưng Ngài không bị hạn chế trong những định luật Ngài đã đặt ra. Nếu Ngài thấy cần bỏ qua định luật vì bất kỳ mục đích đặc biệt nào, thì Ngài bỏ qua. Trong kế hoạch của Đức Chúa Trời, vẫn có chỗ cho phép lạ.

Đức Chúa Trời có mục đích để thực hiện trong và qua công trình sáng tạo của Ngài. Ngài vẫn giữ bàn tay của Ngài trên bánh lái của vũ trụ. Một số công việc của Ngài có vẻ kỳ lạ. Cách hành động quan phòng của Ngài không luôn luôn có thể hiểu được. Nhưng chúng ta có đức tin để tin rằng Đức Chúa Trời hiểu, và “chúng ta biết rằng mọi sự hiệp lại làm ích cho những ai yêu mến Đức Chúa Trời” (Rô-ma 8:28).

Câu hỏi thường được đặt ra là, “Tại sao Đức Chúa Trời cho phép tội lỗi xâm nhập công trình sáng tạo của Ngài và tại sao Ngài để cho điều ác cứ tiếp tục mãi trên thế gian? Đây là một trong những câu hỏi mà tâm trí hữu hạn của con người không có câu trả lời dứt khoát, và Đức Chúa Trời thấy không thích hợp để cung cấp câu trả lời. Nhưng có ba sự kiện chúng ta có thể tin chắc.

Thứ nhất, điều ác không thể vượt ra ngoài những qui luật do Đức Chúa Trời cho phép. Ma quỷ không thể làm hại Gióp cho tới khi nó được Đức Chúa Trời cho phép làm điều đó. Thứ hai, Đức Chúa Trời xác định giới hạn của điều ác. Trong việc làm hại Gióp, ma quỷ chỉ có thể hành động trong giới hạn Đức Chúa Trời cho phép. Thứ ba, Đức Chúa Trời thường biến điều ác thành ra phước hạnh. Giô-sép nói với các anh, “Các anh định hại tôi; nhưng Đức Chúa Trời lại định cho nó thành

điều lành để thực hiện việc đang xảy ra hôm nay, tức là bảo tồn sự sống cho bao nhiêu người” (Sáng 50:20). Và tác giả Thi Thiên nói, “Cơn giận loài người hẳn sẽ ngợi ca Chúa” (Thi Thiên 76:10).

Khi bàn luận sự quan phòng của Đức Chúa Trời, chúng ta có thể nói vài điều về thiên sứ. Họ được tạo dựng trước khi có thể gian, và có thể rất đông. Họ được mô tả là các thần phục vụ, “Không phải tất cả thiên sứ là các thần phục vụ, được sai xuống để phục vụ những người thừa hưởng sự cứu rỗi hay sao?” (Ê-bơ-rơ 1:14). Đức Chúa Trời dùng thiên sứ để thực hiện những kế hoạch quan phòng của Ngài, “Vì Ngài sẽ ban lệnh cho các thiên sứ Ngài gìn giữ người trong mọi đường lối người. Thiên sứ sẽ nâng người trên bàn tay mình, kéo chân người vấp nhằm đá chằng” (Thi Thiên 91:11-12).

3. Sự cứu rỗi

Công trình sáng tạo đầu tiên của Đức Chúa Trời thật tuyệt vời, nhưng tuyệt vời hơn nữa, ấy là tạo vật mới của Ngài. “VẬY nếu ai ở trong Đấng Christ, người ấy là tạo vật mới” (2 Cô-rinh-tô 5:17).

Con người do Đức Chúa Trời tạo dựng theo hình ảnh Ngài, đã phạm tội với Đức Chúa Trời, và rớt khỏi địa vị cao trọng đó, mang lại thiệt hại cho chính mình và cho toàn thể nhân loại. Nhưng với lòng nhân từ Ngài, Đức Chúa Trời không bỏ mặc con người trong số phận đó. Ngài cung ứng con đường cứu rỗi bằng cách sai chính Con Ngài xuống thế gian cứu chuộc loài người, qua sự chết đền tội của Ngài trên thập tự giá.

Toàn bộ đề tài cứu rỗi sẽ được bàn thảo trong một chương khác, nhưng ở đây chúng ta sẽ nhấn mạnh sự kiện: sự cứu rỗi là việc làm của Đức Chúa Trời. Chính Đức Chúa Trời là Đấng chủ động trong sự cứu rỗi; chính Đức Chúa Trời đã thực hiện kế hoạch cứu rỗi; và chính Đức Chúa Trời đã cứu vớt do ân sủng Ngài. Tác giả Thi Thiên nói, “Sự

giải cứu thuộc về Đức Giê-hô-va” (Thi Thiên 3:8). Và Phao-lô tuyên bố, “Vì nhờ ân điển, bởi đức tin mà anh em được cứu; điều này không đến từ anh em, mà là tặng phẩm của Đức Chúa Trời” (Ê-phê-sô 2:8). Và trong câu mười của chương này, chúng ta có lời khẳng định, “Vì chúng ta là công trình của tay Ngài, được tạo dựng trong Đấng Christ Giê-xu.”

“Nguyện người ta cảm tạ Đức Giê-hô-va vì lòng nhân từ của Ngài, và vì các phép màu Ngài đã làm cho con loài người” (Thi Thiên 107:8).

CÂU HỎI ÔN BÀI VÀ THI

1. Bốn từ mô tả Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh là gì?
2. Đức Chúa Trời vô hạn trong phương diện nào?
3. Ba Ngôi có ý nghĩa gì?
4. Ba điểm chính trong công việc của Đức Chúa Trời là gì?

3. Đỉnh Cao Công Trình Sáng Tạo

“Đức Chúa Trời phán: Chúng Ta hãy tạo nên loài người theo hình ảnh chúng ta” (Sáng 1:26)

Con người là tên gọi được Đức Chúa Trời đặt cho tạo vật cao nhất của Ngài. Từ này trong tiếng Hê-bơ-rơ là “Adam.” Đây không phải là tên riêng, như Ca-in và A-bên, tuy thỉnh thoảng cũng được dùng theo nghĩa như vậy, như trong 1 Sử Ký 1:1. “Adam” là một từ Hê-bơ-rơ, dịch sang Việt ngữ là “người.”

A-đam không có nghĩa người nam, khác với người nữ; có từ khác mang ý nghĩa đó. A-đam bao gồm cả nam lẫn nữ; được sử dụng với ý nghĩa nhân loại. Điều này lộ rõ trong khẳng định ở Sáng Thế Ký 1:27, “Đức Chúa Trời sáng tạo loài người theo hình ảnh Ngài, Ngài sáng tạo loài người theo hình ảnh Đức Chúa Trời; Ngài sáng tạo người nam và người nữ.”

Cùng một lẽ thật này được nhắc lại trong Sáng Thế Ký 5:1-2, “Khi Đức Chúa Trời sáng tạo loài người, Ngài tạo nên loài người giống như Đức Chúa Trời; Ngài sáng tạo người nam và người nữ, ban phước cho họ, và đặt tên là 'người' khi Ngài sáng tạo họ.” Nghĩa gốc của từ này là đất đỏ, có lẽ ngụ ý sự kiện con người được tạo dựng từ bụi đất.

Câu chuyện trong Sáng Thế Ký nói lên một số lẽ thật về con người.

I. NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

Con người từ đâu đến? Khoa học không có câu trả lời chắc chắn cho câu hỏi này. Nhiều giả thuyết khác nhau được đưa ra, nhưng cũng chỉ là giả thuyết, không có bằng chứng. Chỉ có sự mặc khải mới có thể cho lời giải đáp đúng với câu hỏi, và giải đáp đó là: Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người. Ba lần trong Sáng Thế Ký 1:27 công bố Đức Chúa Trời tạo dựng con người.

1. Sự kiện sáng tạo

Có ba phần ghi lại về sự tạo dựng con người trong câu chuyện Sáng Thế Ký. Chuyện kể thứ nhất, Sáng Thế Ký 1:27 khẳng định việc tạo dựng con người. Chuyện kể thứ nhì, Sáng Thế Ký 2:7, cho biết phương pháp tạo dựng. Chuyện kể thứ ba, Sáng Thế Ký 2:21-22, kể chuyện tạo dựng người nữ. Chuyện kể về sự tạo dựng con người được nhắc lại trong Sáng Thế Ký 5:1-2.

2. Phương pháp sáng tạo

Trong khi sự kiện tạo dựng con người được nhắc lại nhiều lần, thì phương pháp Đức Chúa Trời dùng để tạo dựng, không được nói rõ. Tất cả hiểu biết của chúng ta được ghi lại trong Sáng Thế Ký 2:7, “Giê-hô-va Đức Chúa Trời bèn lấy bụi đất nắn nên hình người, hà sinh khí vào lỗ mũi, thì người trở nên một sinh linh.”

Có hai giai đoạn sáng tạo được hàm ý ở đây. Giai đoạn đầu kể về thân xác con người, “Giê-hô-va Đức Chúa Trời lấy bụi đất nắn nên hình người.” Thân xác con người được nắn nên từ vật chất có sẵn. Cơ thể con người có thể phân tích được, và tỉ lệ chính xác của từng thành phần khác nhau được khẳng định. Cách nào Đức Chúa Trời nắn nên hình người, điều đó không được bày tỏ chi tiết.

Giai đoạn thứ nhì trong việc tạo dựng con người đề cập đến linh hồn hoặc bản chất tâm linh, “Và hà sinh khí vào lỗ mũi; thì người trở nên một sinh linh.” Chắc chắn điều này không chỉ có nghĩa là sự sống như loài vật thấp kém hiện có. Đối với con người, Đức Chúa Trời đã truyền sang cho họ một phần nào đó của Ngài.

Dù hai giai đoạn này trong sự tạo dựng con người được đề cập, chúng ta cũng không nên nghĩ rằng Đức Chúa Trời gom một đồng bụi đất, nắn nên hình người, rồi hà hơi sống vào đó. Delitzsch mô tả theo cách sau đây:

Việc tạo ra con người từ cát bụi và hà hơi sống, không thể hiểu theo kiểu máy móc, như thể trước hết Đức Chúa Trời lấy bụi đất nắn nên hình người rồi sau đó hà hơi sống của chính Ngài vào nắn đất Ngài đã nắn nên hình người, biến thành một sinh vật sống.... Nhờ một động tác toàn năng thiên thượng, con người vùng dậy từ cát bụi; và cùng lúc với hạt bụi nhờ quyền năng sáng tạo, đã tự biến thành hình người, lan tỏa qua hơi thở sự sống thiên thượng, và tạo nên một sinh vật sống, cho nên chúng ta không thể nói thân xác có trước linh hồn được.

Dĩ nhiên những người theo thuyết tiến hóa cho rằng toàn bộ công cuộc sáng tạo là kết quả của sự phát triển qua nhiều thời đại dài lâu, và con người tiến hóa từ loài vật cấp thấp hơn. Những nhà tiến hóa duy vật gạt bỏ hẳn Đức Chúa Trời, trong khi những người theo thuyết tiến hóa khác, cho rằng mọi giai đoạn phát triển đều ở dưới sự điều khiển của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, những người theo thuyết tiến hóa cũng không đồng ý với nhau, và thuyết này đặt ra thêm nhiều vấn đề hơn là giải quyết vấn đề. Tín đồ Cơ Đốc nói chung thì thỏa mãn với niềm tin chắc rằng Đức Chúa Trời đã tạo dựng con người và sẵn sàng dừng lại ở đó.

II. BẢN CHẤT CON NGƯỜI

Con người, sinh vật do Đức Chúa Trời tạo dựng theo hình ảnh Ngài, có bản chất như thế nào?

1. Hai khía cạnh--thể xác và linh hồn

Như đã nói trong phần thảo luận trước, bản chất con người gồm có hai mặt--thể xác và tâm linh. Người có xác và có hồn.

Một số học giả Thánh Kinh mô tả con người có ba khía cạnh--xác, hồn và linh. Trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23, Phao-lô viết, “Cầu xin chính Đức Chúa Trời bình an thánh hóa anh em một cách toàn diện. Cầu xin tâm

linh, linh hồn và thân thể anh em được giữ vẹn toàn, không chỗ trách được khi Chúa chúng ta, là Đức Chúa Giê-xu Christ quang lâm!” Tác giả thư Hê-bơ-rơ đề cập việc “chia hồn và linh” (Hê-bơ-rơ 4:12). Theo cách giải thích này, “hồn” chỉ về con người là sinh vật sống, có ý thức về bản thân, trong khi “linh” chỉ về con người là một sinh vật có ý thức về Đức Chúa Trời.

Tuy nhiên, hai từ “linh hồn” và “tâm linh” không được phân biệt rõ trong Kinh Thánh. Đôi khi dường như được dùng thay thế cho nhau. Tiến sĩ A. H. Strong nói, “Bản chất con người không phải là căn nhà có ba tầng, mà là hai tầng, với cửa sổ của tầng trên nhìn ra hai hướng-- hướng đất và hướng trời.”

Bản ghi lại trong Sáng Thế Ký mô tả con người với bản chất chia ra làm hai mặt--xác và hồn. Cả hai kết hợp thành một nhân cách. Tuy linh hồn là phần quan trọng nhất trong con người, nhưng không thể xem thường thể xác. Phải tôn trọng thể xác vì giá trị và nhân phẩm đích thực của thể xác. Thể xác của Cơ Đốc nhân được gọi là đền thờ của Thánh Linh, “Anh em không biết rằng thân thể anh em là đền thờ của Đức Thánh Linh đang ngự trong anh em, Đấng mà Đức Chúa Trời đã ban cho anh em sao? Anh em cũng không còn thuộc về chính mình nữa; vì anh em đã được mua bằng giá rất cao. Vậy, hãy dùng thân thể anh em mà tôn vinh Đức Chúa Trời” (1 Cô-rinh-tô 6:19-20). Không được bỏ bê hoặc lạm dụng thân thể, mà phải giữ gìn sạch sẽ, lành mạnh, và tráng kiện để phục vụ Đức Chúa Trời.

2. Theo hình ảnh Đức Chúa Trời

Trong mọi loài thọ tạo, chỉ có con người mang hình ảnh Đức Chúa Trời, “Đức Chúa Trời phán, Chúng ta hãy tạo nên loài người theo hình ảnh Chúng Ta và giống như Chúng Ta” (Sáng Thế Ký 1:26). Dường như không có khác biệt rõ rệt giữa hình ảnh và sự giống nhau. Con người

là tạo vật giống Đức Chúa Trời. Người được tạo nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời trên phương diện nào? Chắc chắn không có nghĩa giống về thể xác, vì Đức Chúa Trời là Thần, không có hình dạng. Điểm giống ở đây là bản chất tâm linh của con người.

Tiến sĩ E. Y. Mullins nêu ra tám khía cạnh con người được tạo dựng theo hình ảnh Đức Chúa Trời: bản chất duy lý, bản chất đạo đức, bản chất xúc cảm, có ý chí, sinh vật có tự do, hướng về sự công chính, cai quản loài thọ tạo thấp kém hơn, và bản chất bất tử.² Chúng ta có thể tóm lược dưới ba tiêu đề.

(1) *Nhân cách.*- Con người là sinh vật thông minh, có ý thức bản thân, biết tự quyết định. Loài vật thấp hơn cũng có sự sống nhưng không có nhân cách. Loài vật có một số bản năng dẫn chúng tới một số hành động, nhưng chúng không có khả năng suy nghĩ và lập kế hoạch. Tác giả Thi Thiên nói, “Đừng như con ngựa và con la, là vật vô tri” (Thi Thiên 32:9).

Con người là sinh vật có tự do, có năng lực tự chọn cách hành động của mình. Đức Chúa Trời không ép người phải công chính, cũng không ngăn cản khi người tự chọn sai đường. Quyền tự do lựa chọn là một phần của hình ảnh thiên thượng trong con người.

Chính vì con người thông minh, có ý thức về bản thân, biết tự quyết định, nên người có khả năng tạo những mối liên hệ với người khác và với Đức Chúa Trời. Vì là người, con người có thể thông công với người khác, và có thể thông công với Đức Chúa Trời.

(2) *Đạo đức.*- Giống như Đức Chúa Trời có nghĩa con người sở hữu một bản chất đạo đức. Người có khả năng phân biệt đúng sai, và có năng lực tự chọn. Loài vật thấp kém hơn, không làm được. Chúng không hề có ý thức thiện hoặc ác.

Vì được Đức Chúa Trời tạo dựng, con người có bản tánh toàn vẹn, hoàn toàn vô tội. Chính ngay sau công cuộc sáng tạo, “Đức Chúa Trời thấy mọi việc Ngài làm đều rất tốt đẹp” (Sáng Thế Ký 1:31). Mọi sự đều đúng như ý Đức Chúa Trời muốn, kể cả con người. Một Đức Chúa Trời hoàn hảo, không thể nào tạo ra một sinh vật bất toàn.

(3) *Bất tử*.- Được tạo dựng theo hình ảnh Đức Chúa Trời, con người là một sinh vật bất tử. Vì sự giống Đức Chúa Trời không phải về phương diện thể xác, mà là tâm linh. Thân xác chết, nhưng tâm linh trường tồn. Khi mô tả sự chết, người khôn ngoan nói, “Và tro bụi trở về đất như nguyên thủy, còn thần linh trở về với Đức Chúa Trời là Đấng đã ban nó” (Truyền Đạo 12:7). Thân xác chết, nhưng tâm linh tiếp tục sống.

Chính vì con người là sinh vật duy lý, đạo đức nên Đức Chúa Trời cho con người quyền cai quản toàn bộ công cuộc sáng tạo của Ngài, “Đức Chúa Trời ban phước cho loài người và phán: Hãy sinh sản, gia tăng gấp bội và làm cho đầy dẫy đất; hãy làm cho đất phục tùng, hãy quản trị loài cá dưới biển, loài chim trên trời và mọi loài bò sát trên mặt đất” (Sáng Thế Ký 1:28).

Hơn nữa, trong Thi Thiên 8:4-6, chúng ta có câu, “Loài người là gì mà Chúa nhớ đến? Con loài người là chi mà Chúa thăm viếng nó? Chúa dựng nên loài người kém Đức Chúa Trời một chút, đội cho người mũ miện vinh quang và tôn trọng. Chúa ban cho con người quyền cai trị công việc của tay Chúa; khiến muôn vật phục dưới chân người.”

Vì con người được tạo dựng theo hình ảnh Đức Chúa Trời, nên phẩm giá trong nhân cách con người phải được tôn trọng. Đức Chúa Trời thấy thích hợp khi ban cho người này một số ân tứ và tài năng nhiều hơn người khác, nhưng không có nghĩa là người hưởng nhiều đặc ân có thể xem thường đồng loại kém may mắn hơn mình. Mọi người đều

được tạo dựng theo hình ảnh Đức Chúa Trời và phải được đối xử thích đáng. Không hề có chỗ cho nô lệ đối với con người, dù trực tiếp hay gián tiếp. Chủ nghĩa chuyên chế, đối xử con người như một phần trong guồng máy thật lớn, không hề có chỗ cho mối liên hệ giữa người với người. Phi-e-rơ nói, ông đã học được bài học lớn tại Sê-sa-rê, ấy là, “Đức Chúa Trời chẳng thiên vị ai” (Công Vụ 10:34).

III. NHÀ Ở CỦA CON NGƯỜI

Phần mô tả ngôi nhà Đức Chúa Trời sắm sẵn cho con người là Sáng Thế Ký 2:8-17. Đó là khu vườn do chính Đức Chúa Trời lập nên, “Sau đó, Giê-hô-va Đức Chúa Trời lập một cảnh vườn tại Ê-đen, ở hướng đông; và đặt người mà Ngài vừa dựng nên ở đó” (Sáng Thế Ký 2:8).

1. Vị trí

Một số người nghiên cứu Kinh Thánh xem toàn bộ câu chuyện sáng tạo như là chuyện ngụ ngôn. Đối với họ, khu vườn chỉ là biểu tượng, nêu ra một số chân lý. Nhưng câu chuyện kể trong Kinh Thánh như thể là những sự kiện có thật.

Khu vườn được xác định vị trí cụ thể, “về hướng đông, tại Ê-đen. Khu vườn và Ê-đen không hề đồng nghĩa. Ê-đen có nghĩa vui thích, là xứ trong đó có vị trí của khu vườn. Chỉ xứ đó ở đâu, thì chưa được biết chính xác. Dựa vào mô tả và sông nước được đề cập, chắc hẳn vị trí này ở vùng trung Á.

2. Sự cung ứng

Khu vườn do Đức Chúa Trời lập, thật phong phú và đẹp đẽ, “Giê-hô-va Đức Chúa Trời khiến đất mọc lên các thứ cây đẹp mắt, và ăn ngon” (Sáng Thế Ký 2:9). Có hai cây tuyệt diệu trong vườn: cây sự sống, nhằm giữ người khỏi chết, nếu người không phạm tội; và cây biết điều thiện và điều ác, nhằm thử lòng trung thành của người đối với Đức

Chúa Trời--”Nhưng về trái của cây biết điều thiện và điều ác, thì con không được ăn, vì ngày nào con ăn trái cây đó, chắc chắn con sẽ chết” (Sáng Thế Ký 2:17).

3. Nghề nghiệp của con người

Nhàn rỗi không hề có chỗ trong kế hoạch của Đức Chúa Trời dành cho con người, “Giê-hô-va Đức Chúa Trời đem con người vào trong vườn Ê-đen để canh tác và gìn giữ vườn” (Sáng Thế Ký 2:15). Người không được phép chỉ ngồi trong vườn, ăn trái, và ngắm cảnh. Người phải chăm sóc vườn. Đức Chúa Trời không bao giờ dự tính cho con người sống nhàn rỗi, dù là đời này hay đời sau. Trong cảnh mô tả đẹp đẽ nhà trên trời, ở các chương cuối trong Kinh Thánh, tác giả được thần cảm viết, “Và các đầy tớ Ngài sẽ phục vụ Ngài” (Khải Huyền 22:3).

IV. SỰ SA NGÃ CỦA CON NGƯỜI

Con người đã không duy trì được tình trạng toàn hảo vô tội lúc đầu. Người đã bất tuân Đức Chúa Trời và rời khỏi địa vị cao trọng hạnh phúc. Câu chuyện sa ngã của người được kể trong chương ba của Sáng Thế Ký.

1. Tác nhân của sự sa ngã

Chuyện kể trong Thánh Kinh nêu tác nhân là con rắn, “Trong các loài thú đồng mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã tạo nên, rắn là loài quỷ quyết hơn cả. Rắn nói với người nữ...” (Sáng Thế Ký 3:1). Sự kiện con rắn, tác nhân thật trong sự cám dỗ, chính là Sa-tan, về sau được nhắc tới là “Con rắn xưa, được gọi là ma quỷ hay Sa-tan, kẻ lừa dối cả nhân loại” (Khải Huyền 12:9).

Vấn đề hình dạng cùng đặc điểm của con rắn trước sự sa ngã, phần lớn chỉ là do suy đoán. Một số người hình dung nó là loài sinh vật đẹp đẽ, bước đi thẳng thắn, thay vì bò trong bụi đất. Nhưng Kinh Thánh

nói đó là loài khôn khéo và quỷ quyệt nhất trong muôn loài. Vì lý do này mà ma quỷ đã chọn con rắn làm phương tiện cám dỗ.

Sa-tan là ai? Kinh Thánh cho biết Sa-tan đứng đầu vô số tà linh. Chúng ta không được biết nhiều về nguồn gốc của chúng. Qua vài đoạn Kinh Thánh nói về tà linh, chúng ta suy đoán tà linh là những sinh vật được tạo dựng, lúc trước không có tội lỗi. Dưới quyền lãnh đạo của Sa-tan, chúng chống nghịch Đức Chúa Trời và bị đuổi khỏi sự hiện diện của Ngài.

Kinh Thánh nói về sự sa ngã của chúng, “Còn các thiên sứ không giữ vị trí, từ bỏ chỗ riêng của mình...” (Giu-đe 6). Phi-e-rơ nói, “Vì nếu Đức Chúa Trời chẳng dung thứ các thiên sứ khi họ phạm tội, nhưng ném vào trong hỏa ngục, và giam giữ trong nơi tối tăm, để chờ sự phán xét...” (2 Phi-e-rơ 2:4). Chúa Giê-xu phán với môn đồ Ngài, “Ta đã thấy quỷ Sa-tan từ trời sa xuống như chớp” (Lu-ca 10:18). Nguyên nhân sự sa ngã của ma quỷ cùng các thiên sứ nó không được nêu rõ. Phao-lô gợi ý, có thể là do kiêu ngạo, “Tân tìn hữu không được làm giám mục, vì có thể do kiêu căng mà rơi vào án phạt dành cho ma quỷ” (1 Ti-mô-thê 3:6).

Như vậy Sa-tan trở thành kẻ thù chính của Đức Chúa Trời và dẫn đầu đoàn quân của nó chống lại Đức Chúa Trời bằng mọi cách, Vì vậy, khi Đức Chúa Trời tạo dựng con người, ma quỷ tìm cách tiêu diệt con người. Phương pháp của nó cũng giống như cách nó dùng ngày nay. Nó lừa bịp; nó che giấu sự thật về nó; nó khơi dậy những thèm khát cùng ham muốn tự nhiên; nó gây nên nghi ngờ về sự toàn thiện của Đức Chúa Trời; nó mâu thuẫn với Lời Đức Chúa Trời.

Ma quỷ lại gần người nữ, có lẽ là người dễ tin hơn trong hai người. Bà đã đầu hàng sự cám dỗ và đã ăn trái cấm. Sau đó bà thuyết phục A-đam cùng bà bất tuân Đức Chúa Trời. Phao-lô nói người nữ bị lừa,

nhưng người nam thì không. Ông biết chính xác việc mình đang làm, “Cũng không phải A-đam bị lừa gạt, nhưng là người nữ bị lừa gạt và phạm tội” (1 Ti-mô-thê 2:14).

Đương nhiên vấn đề đặt ra là tại sao Đức Chúa Trời cho phép tội lỗi vào trong thế gian. Tìm hiểu động cơ và mục đích của Đức Chúa Trời thì chẳng ích lợi gì. Nhưng có thể nói rằng, nếu không có cơ hội để chọn giữa đúng với sai, thì con người không phải là một sinh vật có tự do. Sự công chính của con người sẽ là một sự áp đặt.

2. Hậu quả của sự sa ngã

Kết quả theo sau việc con người bất tuân Đức Chúa Trời, quả thật là thâm trọng. Những kết quả này gồm ba mặt.

(1) *Đối với người nam và người nữ.*- Vì sa ngã, người nam và người nữ đã làm lu mờ hình ảnh Đức Chúa Trời bên trong họ và đánh mất sự thông công với Ngài. Họ tràn ngập sự sợ hãi, hổ thẹn và tìm cách giấu mình khỏi sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Họ phải nghe lời rủa sả:

Ngài phán, “Ta sẽ gia tăng nhiều nỗi nhọc nhằn khi con mang thai, và thêm nhiều đau đớn mỗi khi con sinh đẻ; tuy nhiên con vẫn ước muốn sống bên chồng, và chồng sẽ cai trị con.” (Sáng Thế Ký 3:16).

“Ngài phán với A-đam, Vì con đã nghe theo lời vợ, ăn trái cây mà Ta đã ra lệnh cấm ăn, nên đất đai sẽ vì con mà bị nguyền rủa; con phải khổ nhọc suốt đời mới có miếng ăn từ đất sinh ra. Đất sẽ sinh gai góc và cây tật lê, và con sẽ ăn rau cỏ ngoài đồng ruộng. Con phải làm đổ mồ hôi trán mới có miếng ăn, cho đến ngày con trở về đất” (Sáng Thế Ký 3:17-19).

Người nam và nữ bị đuổi ra khỏi vườn, “Giê-hô-va Đức Chúa Trời truyền cho loài người ra khỏi vườn Ê-đen để cày xới đất đai, là nơi con người từ đó mà ra” (Sáng Thế Ký 3:23).

Nhưng kết quả khủng khiếp hơn của tội lỗi loài người, được tóm lược trong từ “chết”, “Vì ngày nào con ăn trái cây đó, chắc chắn con sẽ chết” (Sáng Thế Ký 2:17). Sự chết này là thuộc thể lẫn thuộc linh.

Từ ngày bắt tuân Đức Chúa Trời, con người là một tạo vật đang chết dần. Cơ thể con người không chết ngay trong ngày phạm tội, nhưng trở thành mục tiêu của bệnh tật cùng những suy nhược thể xác kết thúc bằng sự chết. Nhưng con người đã chết về tâm linh ngay trong ngày phạm tội với Đức Chúa Trời. Chết không có nghĩa chấm dứt hiện hữu, mà là bị ngăn cách hoặc bị suy đồi.

Chết thuộc thể là sự tách rời linh hồn khỏi thể xác, được mô tả là “tắt hơi”--”Áp-ra-ham trút hơi thở cuối cùng, và qua đời” (Sáng Thế Ký 25:8); “Và A-na-nia khi nghe nói bấy nhiêu lời, thì ngã xuống và tắt thở” (Công Vụ 5:5).

Chết thuộc linh là sự ngăn cách linh hồn với Đức Chúa Trời. Mọi người, trong trạng thái tự nhiên, đều chết về tâm linh. Tin đạo là bước từ chết qua sống, “Thật, Ta bảo thật các ngươi, ai nghe lời Ta và tin Đấng đã sai Ta, thì được sự sống đời đời, và không bị phán xét, nhưng vượt khỏi sự chết mà vào sự sống” (Giăng 5:24). Chương sau sẽ nói thêm vấn đề này.

(2) *Đối với dòng giống loài người.*- Khi sa ngã, con người không chỉ rước họa vào thân, mà còn làm hại cả dòng giống nhân loại. Vì đứng đầu dòng giống, người đầu tiên đã gây ảnh hưởng tội lỗi mình trên toàn bộ con cháu. Hậu tự của người phải thừa kế bản chất sa ngã của người.

Lẽ thật này được xác nhận rõ ràng trong Cựu Ước. Đa-vít nói, “Thật, con sinh ra trong sự gian ác; mẹ con đã hoài thai con trong tội lỗi” (Thi Thiên 51:5). Đa-vít không cáo buộc mẹ mình phạm tội, mà chỉ

tuyên bố là mình sinh ra với bản chất hư hoại. Nhưng chính trong Tân Ước, chân lý này mới được nêu rõ ràng hơn.

Trong chương năm của Rô-ma, chúng ta gặp những câu khẳng định như, “Cho nên, như bởi một người mà tội lỗi đã vào trong thế gian, và bởi tội lỗi mà có sự chết, thì sự chết đã lan tràn đến mọi người, vì mọi người đều đã phạm tội” (Rô-ma 5:12); “Nếu chỉ vì tội lỗi của một người, mà qua người đó sự chết đã thống trị” (Rô-ma 5:17); “Vì thế, bởi sự phạm tội của chỉ một người mà mọi người bị kết án” (Rô-ma 5:18); “Vì bởi sự không vâng phục của một người mà nhiều người trở thành tội nhân” (c.19).

Trong Ê-phê-sô 2:3, Phao-lô nói, “Tất cả chúng ta đều ở trong số này, đã có lần sống theo những dực vọng của xác thịt, theo đuổi các đam mê của xác thịt và tâm trí. Như vậy, theo bản chất tự nhiên, chúng ta là con của sự thạnh nộ như mọi người khác.”

Vì tội lỗi, con người trở thành bại hoại trong chính bản chất của mình. Nhiều năm sau, Chúa Giê-xu phán, “Cây độc thì sinh trái độc. Cây lành không thể sinh được trái độc, còn cây độc cũng không sinh trái lành được” (Ma-thi-ơ 7:17-18). Người đứng đầu dòng giống bại hoại, thì không thể sinh ra dòng giống vô tội được.

Chân lý này không chỉ được mặc khải trong Thánh Kinh, mà còn được chứng minh qua kinh nghiệm. Con cháu do A-đam sinh ra chứng tỏ bản chất tội lỗi của họ. Khuynh hướng của họ không hướng tới cải thiện mà hướng tới suy đồi đạo đức cho tới khi “Đức Giê-hô-va thấy sự gian ác của loài người lan tràn trên mặt đất, và chúng chỉ luôn toan tính những mưu đồ xấu xa” (Sáng Thế Ký 6:5).

Các thế hệ tương lai không sinh sản được lấy một người tốt, “Đức Chúa Trời từ trên cao nhìn xuống con loài người, để thử xem có ai thông sáng, tìm kiếm Đức Chúa Trời chẳng. Tất cả mọi người đều suy

thoái về đạo đức, cùng nhau trở nên băng hoại; chẳng có ai làm điều lành, dầu một người cũng không (Thi Thiên 53:2-3). Từng đứa trẻ sinh ra trên thế gian đều bắt đầu cho thấy rất sớm những dấu hiệu của bản chất tội lỗi.

“Hoàn toàn bại hoại” là cách diễn tả được dùng để mô tả tình trạng của dòng giống loài người. Điều này không có nghĩa là con người cực kỳ xấu xa, và không hề có dấu vết gì tốt đẹp bên trong; cũng không có nghĩa là mọi người đều xấu như nhau. Đúng hơn, chỉ có nghĩa là toàn bộ bản chất con người đã bị tội lỗi ảnh hưởng, và bản chất đó đã bị tội lỗi làm hư hỏng.

Đương nhiên vấn đề được đặt ra là: Thế còn những hài nhi chết lúc còn thơ, hoặc trước khi chúng tới tuổi chịu trách nhiệm thì sao? Chúng có bị hư mất không? Nhiều năm trước, một số người tin là chúng bị hư mất. Và có lẽ vì tin như vậy, mà họ đã làm báp-tem cho hài nhi để cứu vớt chúng.

Chúng ta tin rằng những người chết trước tuổi có trách nhiệm, thì được cứu, dù có chịu báp-tem hay không. Họ không bị định tội, nếu chưa tới tuổi chịu trách nhiệm. Trong nước báp-tem không hề có sự thanh tẩy hậu quả bản chất hư hoại. Mọi người chết lúc còn thơ đều được cứu nhờ lòng nhân từ cùng ân sủng của Đức Chúa Trời. Đa-vít tin chắc như vậy. Ông nói về con trai của ông đã chết như sau, “Ta sẽ đi đến với nó, nhưng nó không trở lại với ta” (2 Sa-mu-ên 12:23).

Còn việc đứa trẻ được cứu ra sao và lúc nào, thì Kinh Thánh không nói rõ. Tiến sĩ A. H. Strong đề cập vấn đề này như sau, “Vi không có chứng cứ cho thấy trẻ em chết lúc còn thơ, được tái sinh trước khi chết, dù có dùng hay không dùng phương tiện bên ngoài, cho nên rất có thể là công việc tái sinh được Thánh Linh thực hiện khi hài nhi gặp Đấng Christ lần đầu tiên trong cõi đời sau. Giống như thi hài của bản chất

bại hoại trong Cơ Đốc nhân bị tiêu diệt không phải bởi sự chết, mà ngay lúc chết, nhờ được nhìn thấy Đấng Christ và được kết hiệp với Ngài thể nào, thì giây phút ý thức đầu tiên của hài nhi cũng có thể trùng hợp với việc nhìn thấy Đấng Christ là Cứu Chúa, vốn hoàn tất toàn bộ tiến trình thánh hóa bản chất của trẻ thể ấy.”⁴

(3) *Đối với toàn bộ tạo vật.*- Có những câu Kinh Thánh dường như cho thấy sự rửa sả tội lỗi con người cũng bị giáng trên toàn bộ tạo vật.

Giáng trên thế giới loài vật. Với con rắn, Đức Chúa Trời phán, “Vì mầy đã làm điều đó, nên trong tất cả các loài gia súc và thú đồng, chỉ có mầy bị nguyên rửa; mầy sẽ bò bằng bụng và ăn bụi đất trọn đời” (Sáng Thế Ký 3:14). Toàn thế giới loài vật bị ảnh hưởng bởi sự sa ngã. Loài thú dàn trận chống lại nhau, cắn nuốt tiêu diệt nhau. Chắc chắn lúc được tạo dựng ban đầu, chúng không có như vậy.

Sự rửa sả giáng trên sự tạo dựng thuộc thể. Đức Chúa Trời phán với A-đam, “Vì con đã nghe theo lời vợ, mà ăn trái cây Ta đã ra lệnh cấm ăn; nên đất đai sẽ vì con mà bị nguyên rửa; Con phải khổ nhọc suốt đời mới có miếng ăn từ đất sinh ra. Đất sẽ sinh gai góc và cây tật lê” (Sáng Thế Ký 3:17-18). Trong Rô-ma 8:20-22, Phao-lô nói, “Muôn vật đã bị lệ thuộc sự hư không, chẳng phải tự ý, nhưng bởi Đấng muốn chúng lệ thuộc, với hi vọng rằng chính muôn vật rồi đây cũng sẽ được giải phóng khỏi thân phận nô lệ cho sự hư nát, để chung hưởng sự tự do trong vinh quang của con cái Đức Chúa Trời. Vì chúng ta biết rằng tất cả tạo vật đều thở than và quặn thắt cho đến ngày nay.”

Như toàn thể tạo vật bị ở dưới sự rửa sả của tội lỗi thể nào, muôn vật cũng sẽ chia sẻ trong vinh quang của sự cứu chuộc thể ấy. Khi mô tả sự trị vì vinh quang của Đấng Mê-si-a, Ê-sai nói, “Bấy giờ, sói sẽ ở với chiên con, beo nằm chung với dê con; bê, sư tử tư và thú béo ở chung với nhau, một trẻ nhỏ sẽ chăn dắt chúng. Bò cái sẽ ăn chung với gấu;

các con nhỏ của chúng nằm chung với nhau; sư tử ăn rơm như bò. Trẻ còn bú chơi đùa bên hang rắn hổ mang, trẻ thôi bú sẽ thò tay vào hang rắn lục. Chúng sẽ chẳng làm hại, cũng chẳng cắn giết ai trên khắp núi thánh Ta; Vì sự hiểu biết Đức Giê-hô-va sẽ đầy dẫy thế giới, như các dòng nước phủ đầy biển” (Ê-sai 11:6-9).

Bình luận về phân đoạn vừa nêu, Tiến sĩ Alexander Maclaren nói, “Chúng ta không thể võ đoán về đề tài mà mình biết quá ít, cũng không chắc chắn về mức độ biểu tượng trong bức tranh đẹp đẽ này. Nhưng chắc chắn là sẽ tới thời kỳ Vua của nhân loại và Chúa của vũ trụ sẽ mang lại hòa bình giữa người và vật, và phục hồi 'khúc nhạc vui tươi mà muôn vật đã dâng lên cho Chúa vĩ đại của mình.’”⁵

Khi thuật lại một trong những khái tượng tuyệt vời của mình, Giảng nói, “Tôi nghe mọi tạo vật trên trời, dưới đất, bên dưới đất, trong biển, và tất cả mọi vật trong các nơi ấy đều nói rằng: Chúc cho Đấng ngồi trên ngai và Chiên Con được ca ngợi, tôn trọng, vinh quang và uy lực cho đến đời đời” (Khải Huyền 5:13).

Nhưng như Tiến sĩ Maclaren nhắc chúng ta, “Chúng ta không thể võ đoán đối với một đề tài mà mình biết quá ít.”

CÂU HỎI ÔN BÀI VÀ THI

1. Giải thích nguồn gốc con người.
2. Theo hình ảnh và giống như Đức Chúa Trời có nghĩa là gì?
3. Ai là tác nhân trong sự sa ngã?
4. Sự sa ngã để lại những kết quả nào?

4. Sự Sai Trái Của Tội Lỗi

“Qua điều răn tội lỗi trở nên vô cùng tệ hại” (Rô-ma 7:13).

Có vài từ khác nhau được dùng trong Kinh Thánh để chỉ về mối liên hệ đổ vỡ giữa Đức Chúa Trời với con người. Đó là sự vi phạm, độc ác, gian ác, xúc phạm, bất tuân, và vô luật lệ. Nhưng từ được dùng thông thường nhất để mô tả sự thất bại của con người là “tội lỗi.” Đây là từ được chính Đức Chúa Trời sử dụng. Trong lời cảnh báo Ca-in, Ngài phán, “Nếu con không làm điều tốt, thì tội lỗi rình rập trước cửa” (Sáng Thế Ký 4:7).

Nghĩa gốc của từ được dịch “tội lỗi” là không đạt tới đích, hoặc thiếu hụt. Tội lỗi là không đạt tới đích Đức Chúa Trời đặt trước chúng ta; là hụt điểm chuẩn do Đức Chúa Trời đưa ra. Phao-lô diễn tả trong Rô-ma 3:23, “Vi mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh quang của Đức Chúa Trời.” Họ không đạt tới chuẩn Đức Chúa Trời đã định cho họ.

I. TÁC GIẢ CỦA TỘI LỖI

Sự khởi đầu của tội lỗi đã được đề cập trong chương trước. Mọi hiểu biết của chúng ta về tội lỗi được ghi lại trong bảy câu đầu của sách Sáng Thế Ký chương ba. Dù danh tánh của Sa-tan không xuất hiện trong câu chuyện, nhưng hiển nhiên nó là tác giả đích thực của tội lỗi. Câu chuyện cho thấy một số phương pháp nó sử dụng lúc đầu, và vẫn tiếp tục sử dụng.

1. Che giấu danh tánh

“Trong các loài thú đồng mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã tạo nên, rắn là loài quỷ quyet hơn cả” (Sáng Thế Ký 3:1). Đây là lý do Sa-tan chọn con rắn trên mọi loài thú khác--rắn quỷ quyet hơn hết.

Sa-tan có nhiều món cải trang để tự che giấu. Nó không bao giờ đến gặp ai đó rồi tự giới thiệu, “Ta là ma quỷ.” Phao-lô nói đôi khi nó xuất

hiện như thiên sứ sáng láng, “Ngay cả Sa-tan cũng mạo làm thiên sứ sáng láng” (2 Cô-rinh-tô 11:14).

2. Gieo nghi ngờ về tình yêu của Đức Chúa Trời

“Rắn nói với người nữ: Có thật Đức Chúa Trời đã dặn các người không được ăn trái các cây trong vườn sao?” (Sáng Thế Ký 3:1); “Vì Đức Chúa Trời biết rằng khi nào các người ăn trái cây đó thì mắt mở ra, và các người sẽ giống Đức Chúa Trời, biết điều thiện và điều ác” (Sáng Thế Ký 3:5). Nó ngụ ý Đức Chúa Trời muốn giữ lại điều lẽ ra họ đáng phải có.

3. Mâu thuẫn với Lời Đức Chúa Trời

“Rắn nói với người nữ: Các người chắc chắn không chết đâu!” (Sáng Thế Ký 3:4). Ma quỷ chiến thắng khi nó có thể dẫn ai đó tới chỗ nghi ngờ lẽ thật trong Lời Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời phán, “Linh hồn nào phạm tội thì sẽ chết” (Rô-ma 6:23); ma quỷ nói, “Người sẽ chẳng chết đâu.”

4. Khởi dậy ham muốn tự nhiên nơi người nữ

“Khi người nữ thấy trái của cây đó bộ ăn ngon, lại đẹp mắt, và quý, vì làm cho mình khôn ngoan, thì hái và ăn” (Sáng Thế Ký 3:6). Nhiều năm sau, Giăng viết về “Dục vọng của xác thịt, sự ham muốn của mắt và sự kiêu ngạo về cuộc sống” (1 Giăng 2:16). Chúng ta được nhắc nhở về ba sự cám dỗ ma quỷ đã mang tới cho Chúa chúng ta.

5. Hành động qua người nữ để thắng người nam

“Rồi trao cho chồng đang đứng bên cạnh, chồng cũng ăn nữa” (Sáng Thế Ký 3:6). Chúa Giê-xu phán với những người hiến dâng đời mình cho Ngài, “Các ngươi sẽ làm chứng nhân cho Ta” (Công Vụ 1:8); và ma quỷ cũng nói với những người dâng đời họ cho nó, “Các ngươi sẽ là chứng nhân cho ta.” Ma quỷ có nhiều chứng nhân trên đời này hơn,

so với Chúa, và những chứng nhân đó còn hăng say gấp bội so với chứng nhân của Đấng Christ.

II. BẢN CHẤT CỦA TỘI LỖI

Có nhiều khái niệm khác nhau về tội lỗi trên thế gian. Một số người phủ nhận sự hiện hữu của tội lỗi, nhưng phủ nhận sự hiện hữu không diệt trừ được tội lỗi. Đức Chúa Trời đặc biệt nhấn mạnh một số điều về thái độ này, “Nếu chúng ta nói mình không có tội, thì chúng ta tự dối mình và chân lý không ở trong chúng ta” (1 Giăng 1:8); “Nếu chúng ta nói mình chẳng từng phạm tội, thì chúng ta cho Ngài là người nói dối, và lời Ngài không ở trong chúng ta” (1 Giăng 1:10).

Một số người chế nhạo tội lỗi. Đức Chúa Trời gọi họ là kẻ đại, “Kẻ ngu đại coi thường tội lỗi” (Châm Ngôn 14:9). Chắc chắn, không có gì đại dốt trên đời này bằng việc đùa cợt về tội lỗi.

Có những người khoe khoang về tội lỗi. Khi mô tả tội lỗi của Giê-ru-sa-lem và Giu-đa, Ê-sai nói, “Bộ mặt họ làm chứng chống lại họ; họ tuyên bố tội lỗi mình như thành Sô-đôm, chẳng giấu giếm gì cả” (Ê-sai 3:9). Một câu nói xưa, bảo rằng, “Ai rơi vào tội lỗi, đó là con người; ai đau buồn về tội lỗi, đó là bậc thánh; ai khoe khoang về tội lỗi, đó là ma quỷ.”

Nhưng có lẽ thái độ nguy hiểm nhất đối với tội lỗi, là giảm nhẹ tội lỗi để nó không có vẻ xấu xa lắm. Cách này được gọi bằng nhiều tên khác nhau như: tâm lý bất bình thường, sai sót đạo đức, hoặc thậm chí là bệnh nữa, là những điều mà con người không chịu trách nhiệm. Nhưng đổi tên gọi một sự việc không thay đổi được bản chất của sự việc.

Tiến sĩ Chapman thường kể chuyện một mục sư giảng một bài thật hăng say về tội lỗi. Một lãnh đạo trong hội thánh về sau tới gặp ông, nói, “Chúng tôi không muốn ông nói quá rõ như thế về tội lỗi, vì nếu

thiếu niên nam nữ nghe ông nói nhiều như vậy về tội lỗi, chúng sẽ dễ trở thành tội nhân hơn. Nếu có thể, ông hãy gọi là nhầm lẫn, chớ đừng nói rõ là tội lỗi.”

Mục sư lấy một lọ độc dược kích thích thần kinh có dán nhãn “Chất Độc,” cho người đó xem rồi nói, “Tôi hiểu điều ông muốn tôi làm rồi. Ông muốn tôi đổi nhãn hiệu. Bây giờ, giả sử tôi gỡ nhãn xuống, thay nhãn khác, ghi 'Tinh chất Bạc hà.' Các ông biết chuyện gì sẽ xảy ra không? Nhãn dán nghe càng nhẹ nhàng, chất độc sẽ càng gây nguy hiểm.” Dù có gọi tội lỗi là gì, nó vẫn là điều ghê tởm mà Đức Chúa Trời ghét.

Chúng ta quen mô tả tội lỗi là điều đen tối. Chúng ta đề cập những tội ác đen tối đã gây ra. Nhưng đó không phải là từ Đức Chúa Trời dùng để mô tả tội lỗi. Ngài gọi tội lỗi màu đỏ, hoặc đỏ tươi: Đức Giê-hô-va phán, “Bây giờ hãy đến, cho chúng ta biện luận với nhau: dầu tội các ngươi đỏ tươi như hồng điều, sẽ trở nên trắng như tuyết; dầu đỏ thắm như son, sẽ trở nên trắng như lông chiên” (Ê-sai 1:18).

Một chuyên gia trong ngành nhuộm vải làm chứng như sau. Ông nói, người ta có thể đổi màu này sang màu kia cách dễ dàng, ngoại trừ màu đỏ. Màu đen có thể chuyển thành màu khác thật dễ. Nhưng còn màu đỏ thì không. Họ có thể đổi màu được một thời gian ngắn, nhưng sớm muộn gì sắc đỏ thắm cũng sẽ lộ ra.

Đức Chúa Trời mô tả tội lỗi không phải đen mà là đỏ. Màu đỏ đã ngấm quá sâu và khó đổi được. Điều duy nhất trên đời có thể rửa sạch màu đỏ, đó là huyết của Đấng Christ, “Huyết Chúa Giê-xu Con Ngài làm sạch mọi tội chúng ta” (1 Giăng 1:7).

Dường như Phao-lô không thể tìm ra từ nào ông cho là đủ mạnh để mô tả bản chất kinh khiếp của tội lỗi. Sau khi lục lọi cho ra một từ như vậy, xuyên khắp gia tài ngữ vựng, điều duy nhất ông có thể nói đó là

tội lỗi “cực kỳ sai trái.” Và ông không mô tả bất cứ tội cụ thể nào. Ông không nêu rõ một tội ác ghê gớm rồi nói, “Điều đó cực kỳ sai trái.” Mọi tội lỗi, bất kỳ tội nào, cũng cực kỳ sai trái. Không có nghĩa là một số tội lớn hơn tội khác. Chắc chắn có tội lớn. Nhưng Phao-lô muốn nhấn mạnh lẽ thật dạy rằng bản chất của tội lỗi là khủng khiếp.

1. Là chống nghịch Đức Chúa Trời

Chúng ta đề cập tội chống lại người đồng loại, điều đó là đúng. Nhưng mọi tội đều chống lại Đức Chúa Trời. Giăng nói, “Tội lỗi là trái luật pháp (1 Giăng 3:4). Bản King James dịch, “Tội lỗi là sự vi phạm luật pháp.” Luật pháp của ai? Không phải luật của con người. Chúng ta không nói vi phạm luật của con người là tội lỗi. Chúng ta dùng từ khác, như hành động xấu, tội ác, vi phạm, v.v. Từ “tội lỗi” dành cho sự vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời.

Chính điều này khiến cho tội lỗi trở thành khủng khiếp--vì chống nghịch Đức Chúa Trời yêu thương và thánh khiết. Ý thức được lẽ thật này đã xé nát tim Đa-vít. Khi nhận ra tội trọng của mình, ông kêu la, “Ta đã phạm tội với Đức Giê-hô-va” (2 Sa-mu-ên 12:13). Chắc chắn ông đã phạm tội với U-ri, và với vợ của U-ri, nhưng điều khiến cho tội này khủng khiếp, ấy là ông đã phạm tội với Đức Chúa Trời. Lẽ thật này đốt cháy quá sâu trong lòng khiến ông thốt lên trong lời cầu nguyện ăn năn, “Con đã phạm tội với Chúa, chỉ với một mình Chúa thôi, và làm điều ác dưới mắt Chúa” (Thi Thiên 51:4).

Ma quỷ dẫn người nam và nữ đầu tiên vào tội lỗi, không phải vì nó quan tâm chuyện con người được cứu hay bị hư mất. Mục đích chính của nó là qua tội lỗi của họ, nó tấn công được Đức Chúa Trời. Đây là mục đích chính của ma quỷ trong mọi tội lỗi. Nó không quan tâm chủ yếu việc bạn và tôi được cứu hay hư mất. Mục đích lớn duy nhất của nó là dẫn chúng ta vào tội lỗi để có thể sử dụng chúng ta chống lại

Đức Chúa Trời. Đó là ý nghĩa của tội lỗi--chúng ta đã tự đặt mình vào tay của Sa-tan cho nó sử dụng chúng ta đâm thấu vào tim Đức Chúa Trời.

Để có được khái niệm về bản chất thật của tội lỗi, chúng ta phải đến với thập tự giá của Gô-gô-tha. Tội lỗi là điều đã đóng đinh Con Đức Chúa Trời. Chính tội lỗi đã cầm roi quất vào lưng Ngài tới mức rướm máu; chính tội lỗi đã bện nên mào gai ấn xuống tận trán của Ngài; chính tội lỗi đã cầm búa đóng đinh xuyên bàn tay và bàn chân Ngài; chính điều chúng ta gọi là tội lỗi đã đóng đinh Con Đức Chúa Trời lên thập tự giá.

Tội của ai đã đóng đinh Giê-xu Christ? Có người sẽ bảo, “Đó là tội của Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, kẻ đã phản nộ Ngài vào tay kẻ thù”; hoặc “Đó là tội của nhà cầm quyền Do Thái đã kết án tử hình Ngài”; hoặc “Đó là tội của Bôn-xơ Phi-lát, người giao nộp Ngài vào tay binh lính La mã”; hoặc “Đó là tội của binh lính La mã, người đóng đinh Ngài lên thập tự giá.” Đúng là tội của tất cả mọi người tham gia đóng đinh Con Đức Chúa Trời, nhưng không phải chỉ một mình họ có tội.

Chính tội lỗi của toàn thể gian đã đóng đinh Chúa Giê-xu Christ. Tội của bạn và của tôi cũng có phần trong đó. Đối với chúng ta thập tự giá là một sự kiện lịch sử; nhưng với Đức Chúa Trời, đó là một cách giải quyết tội lỗi vĩnh cửu.

Kinh Thánh nói về việc đóng đinh Con Đức Chúa Trời một lần nữa, “Vì chính họ đóng đinh Con Đức Chúa Trời một lần nữa, và công khai sỉ nhục Ngài” (Hê-bơ-rơ 6:6). Chính xác đó là việc con người làm, khi họ xây lưng đối với tình yêu của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, và phó mình cho tội lỗi. Nếu không nói ra, thì qua hành động, “Hãy để tôi cầm roi quất vào lưng Ngài; hãy cho tôi mào gai để ấn xuống trán Ngài; hãy cho tôi cái búa để đóng đinh vào tay và chân Ngài.”

2. Mang tính phổ quát

Theo lời chứng của Kinh Thánh, trong cả Cựu lẫn Tân Ước, thì tội lỗi mang tính phổ quát. vua Sa-lô-môn nói, “Vì chẳng có người nào không phạm tội” (1 Các Vua 8:46). Tác giả Thi Thiên tuyên bố, “Chẳng có ai làm điều thiện, dầu một người cũng không” (Thi Thiên 53:3). Giảng nhấn mạnh, “Nếu chúng ta nói mình chẳng từng phạm tội, thì chúng ta cho Ngài là người nói dối, và lời Ngài không ở trong chúng ta” (1 Giăng 1:10). Và Phao-lô tóm lược điều này như sau, “Vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất vinh quang của Đức Chúa Trời” (Rô-ma 3:23).

“Mọi người” là từ ngắn, nhưng bao gồm rộng khắp muôn dân. Từ này bao gồm thời gian từ lúc khởi đầu, qua mọi thế hệ đã từng sống trên đất. Từ này bao gồm khắp các đại dương và lục địa, mọi con người trên thế giới ngày nay. Từ này cũng bao gồm tới ngày tận thế và gói trọn mọi thế hệ chưa sinh ra.

Đây không chỉ là lời chứng của Kinh Thánh, mà là lời chứng của kinh nghiệm con người. Chưa hề tìm ra được một người nam hoặc nữ công chính. Những người từng đạt tới đỉnh cao nhất trong kinh nghiệm Cơ Đốc, lại là những người sẵn sàng nhìn nhận thất bại cùng thiếu sót của mình. Mọi người đều đã phạm tội. Một số lún sâu hơn trong tội lỗi so với người khác, nhưng chẳng ai không phạm tội.

Một số người không coi mình là tội nhân, vì họ chưa mắc những tội trọng trong xã hội. Họ không say sưa, hoặc trộm cắp hay ngoại tình hoặc phạm pháp. Nhưng có thể họ mắc những tội khác cũng tồi tệ như vậy dưới mắt Đức Chúa Trời. Đây là sai lầm mà người Pha-ri-si trong đền thờ Giê-ru-sa-lem đã mắc phải, “Lạy Đức Chúa Trời, con tạ ơn Ngài, vì con không phải như những người khác, tham lam, bất nghĩa, gian dâm” (Lu-ca 18:11).

Người Pha-ri-si nghĩ, vì mình không mắc những tội trọng này, nên không phải là tội nhân. Nhưng ông ta lại mắc tội giả hình, vốn là một trong những tội kinh khủng nhất trước mặt Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu chưa bao giờ bày tỏ cơn giận công chính của Ngài mạnh mẽ như khi Ngài nói với bọn giả hình, “Khốn cho các người, các thầy thông giáo và người Pha-ri-si, là những kẻ đạo đức giả!” (Ma-thi-ơ 23:15).

Vô tín bị Kinh Thánh nâng lên mức tội trọng. Khi nói về sự xuất hiện của Thánh Linh, Chúa Giê-xu phán, “Khi Ngài đến, Ngài sẽ cáo trách thế gian về tội lỗi, về sự công chính, và về sự phán xét: về tội lỗi, vì họ không tin Ta” (Giăng 16:8-9). Tác giả thư Hê-bơ-rơ đưa ra lời cảnh báo này, “Thưa anh em, hãy cẩn trọng, kẻo ai trong anh em có lòng dữ và chẳng tin” (Hê-bơ-rơ 3:12). Chúa Giê-xu không nói: “Ngài sẽ khiến thế gian tự cáo về tội lỗi, vì họ say sưa, giết người và tà dâm,” mà “vì họ không tin Ta.” Tác giả thư Hê-bơ-rơ không nói, “Kẻo ai trong anh em có lòng dữ giết người, tà dâm,” hoặc những tội khác, mà là “lòng dữ chẳng tin.”

Vài năm trước, tờ Sunday School Times có tường thuật lời của Tiến sĩ Eugene Lyman Fisk, người kiểm tra y tế tại Viện Nghiên Cứu Tuổi Thọ Con Người, nói, “Có điều gì đó bất ổn trong tất cả chúng ta về mặt cơ thể. Sức khỏe hoàn hảo vẫn là điều khó giữ nhất trên đời này. Chúng ta đã từ bỏ hi vọng tìm được sức khỏe hoàn hảo, và tôi có thể tiến xa hơn, để bảo rằng đó là chuyện không còn có thể đạt được nữa. Tôi thấy giữa vòng các ông đã được kiểm tra, không có lấy một ông đạt điểm A. Ngay cả điểm B cũng quá hiếm. Thậm chí không thể nào tìm thấy một mẫu hoàn hảo lúc chào đời.”

Nếu sự thật về con người thuộc thể là như vậy, làm sao tin được bản chất đạo đức của người lại tốt hơn. Không hề có những mẫu hoàn hảo. Chúa là Danh Y Đại Tài “từ trời nhìn xuống con cái loài người, đặng xem có người nào có trí hiểu, và tìm kiếm Đức Chúa Trời hay

không” phán quyết, “Tất cả mọi người đều suy thoái về đạo đức; cùng nhau trở nên băng hoại; chẳng có ai làm điều thiện, dẫu một người cũng không” (Thi Thiên 53:2-3).

3. Tội không thể tha

Kinh Thánh nói về một loại tội không thể tha thứ được. Chúa Giê-xu phán, “Vì vậy Ta nói cùng các ngươi, Mọi tội lỗi và lời phạm thượng đều được tha cho loài người; nhưng phạm thượng đến Thánh Linh sẽ chẳng được tha đâu. Ai nói nghịch với Con Người, thì sẽ được tha; nhưng ai nói nghịch với Đức Thánh Linh, thì dù đời này hay đời sau cũng sẽ chẳng được tha” (Ma-thi-ơ 12:31-32).

Thư Hê-bơ-rơ 10:26 nói, “Vì nếu chúng ta đã nhận biết chân lý rồi mà lại cố ý phạm tội, thì không còn có sinh tể nào chuộc tội được nữa.” Và trong 1 Giăng 5:16, chúng ta thấy, “Nếu ai thấy anh em mình phạm tội, mà tội ấy không đến nỗi chết, thì hãy cầu xin, và Đức Chúa Trời sẽ ban sự sống cho người ấy, tức là cho những người mà tội không đến nỗi chết. Cũng có tội dẫn đến sự chết; tôi không bảo anh em phải cầu xin cho tội này.”

Vì Chúa Giê-xu nói chỉ có một tội không thể tha, cho nên hiển nhiên là các phân đoạn vừa nêu, phải đề cập một vấn đề nào đó. Tội đề cập trong những câu này không thể tha thứ, chẳng phải vì Đức Chúa Trời không sẵn lòng tha, mà vì chính người phạm tội cứng lòng đối với Đức Chúa Trời tới lúc không còn đáp ứng được nữa đối với ơn thiên thượng. Nỗi lo sợ của một số người, e rằng mình phạm tội này, chứng tỏ họ không phạm tội này. Bởi lẽ khi phạm tội này, thì không còn cảm giác gì cả. Giống như xi măng dần dần bị chai tới mức cứng như đá.

Tội không thể tha này, là tội gì? Kinh Thánh không nói nhiều về tội này. Tội mà Chúa Giê-xu lên án nơi phe Pha-ri-si là tội gán cho Sa-tan những phép lạ của Đấng Christ thực hiện trong quyền năng Thánh Linh.

Nhưng đây là điểm kết thúc của cả một quá trình cứng lòng lâu dài đối với Đấng Christ. Cuối cùng, họ đã cố tình với ác ý khước từ Ngài. Như vậy, dường như từ phân đoạn này và những phân đoạn Kinh Thánh khác, tội không thể tha, là cả một quá trình cứng lòng lâu dài chống nghịch ơn thiên thưởng, kết thúc bằng một hành động chung cuộc cố tình khước từ.

Tiến sĩ A. H. Strong trích dẫn Tiến sĩ J. P. Thompson, định nghĩa như sau về tội không thể tha, “Tội không thể tha là tội có ý thức, cố tình, dai dẳng, khinh lờn, có ác ý bác bỏ chân lý và ân sủng thiên thưởng, được bày tỏ cho linh hồn qua quyền năng thuyết phục và soi sáng của Thánh Linh.”

III. HẬU QUẢ CỦA TỘI LỖI

Hậu quả của tội lỗi vừa trực tiếp vừa gián tiếp, cả thuộc thể lẫn thuộc linh. Tội lỗi mang lại những hậu quả trực tiếp như trong trường hợp A-đam và Ê-va. Họ phải gánh chịu buồn rầu, khổ đau, cùng sự chết. Họ bị đuổi khỏi vườn và xa lánh Đức Chúa Trời.

Ngày nay vẫn có một số tội mang lại hậu quả trực tiếp. Có nhiều người đang đau khổ trong tâm trí lẫn thể xác vì tội lỗi của mình. Có những người đang sống sau những song sắt do tội lỗi mình. Nhiều người đã phải xuống mồ không đúng lúc vì tội lỗi. Có thể nói mọi buồn đau, khổ khổ trên đời này đều là kết quả hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp của tội lỗi; vì nếu không có tội lỗi, thì không có những chuyện đó.

Một từ mô tả đúng nhất, hậu quả của tội lỗi là “chết.” Tội lỗi là sự vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời. Luật pháp mà không kèm theo án phạt vi phạm, thì vô giá trị. Cơ quan lập pháp có thể đáp ứng và đưa ra luật pháp, nhưng nếu không có hình phạt vì vi phạm luật, thì kẻ ác sẽ giẫm lên luật và cười vào mặt người viết luật. Luật pháp của Đức Chúa Trời

phải kèm theo án phạt vi phạm. Nếu không, con người sẽ vi phạm rồi cưỡi vào mặt Đức Chúa Trời.

Luật pháp của Đức Chúa Trời kèm theo án tử hình. Đối với A-đam và Ê-va, Ngài phán, “Vi ngày nào con ăn trái cây đó, chắc chắn con sẽ chết” (Sáng Thế Ký 2:17). Tiên tri Ê-xê-chi-ên nói thay cho Đức Chúa Trời, “Linh hồn nào phạm tội thì sẽ chết” (Ê-xê-chi-ên 18:4). Gia-cơ, anh em của Chúa Giê-xu, nói, “Tội lỗi trưởng thành thì sinh ra sự chết” (Gia-cơ 1:15). Và Phao-lô tóm lược như sau, “Tiền công của tội lỗi là sự chết” (Rô-ma 6:23).

Đôi khi, trong thời kỳ suy thoái kinh tế, tiền công bị cắt giảm. Nhưng tiền công của tội lỗi thì không hề bị cắt giảm. Mức thang tiền công đó đã được định sẵn từ buổi sáng thế, và chưa bao giờ thay đổi. Có hai loại sự chết, và cả hai đều là kết quả của tội lỗi.

1. Chết thể xác

Chết thể xác là một phần trong hình phạt tội lỗi. Nếu không có tội lỗi, thì không có sự chết thể xác. Đức Chúa Trời đã cung ứng diệu kỳ để nhờ đó A-đam và Ê-va đã có thể không chết, nếu họ không phạm tội. Ngài đặt cây sự sống trong vườn Ê-đen để họ có thể ăn trái cây đó mà sống muôn đời. Dù hiểu điều này theo nghĩa bóng hoặc nghĩa đen, chân lý này vẫn không thay đổi. Đức Chúa Trời đã ban cho cách để con người nhờ đó thoát khỏi sự chết.

Kinh Thánh nói A-đam và Ê-va bị đuổi khỏi vườn, không phải vì họ phạm tội, mà để ngăn họ khỏi hái trái cây sự sống. “Giê-hô-va Đức Chúa Trời nghĩ, Này, loài người đã nên một bậc như Chúng Ta, biết phân biệt điều thiện và điều ác. Vậy bây giờ ta hãy coi chừng, kẻo loài người đưa tay hái trái cây sự sống mà ăn và được sống đời đời chẳng-vì vậy Giê-hô-va Đức Chúa Trời truyền cho loài người ra khỏi vườn Ê-đen để cày xới đất đai, là nơi con người từ đó mà ra. Ngài đuổi loài

người ra khỏi vườn. Tại phía đông vườn Ê-đen, Ngài đặt các chên-rubim với thanh gươm sáng chói, xoay mọi hướng, để canh giữ con đường đi đến cây sự sống” (Sáng Thế Ký 3:22-24).

Từ đó tới nay, sự chết đã cai trị thế gian. Mọi người từng sống trên đất đều đã chết, với hai ngoại lệ phi thường, Hê-nóc và Ê-li. Toàn địa cầu đã trở thành một nghĩa trang lớn. Trong vài trường hợp, sự chết là kết quả trực tiếp của một tội hoặc nhiều tội cụ thể nào đó; nhưng mọi cái chết đều là kết quả gián tiếp của tội lỗi trong dòng giống loài người.

2. Chết thuộc linh

Ý nghĩa chủ yếu của sự chết, không phải là hủy diệt mà là ngăn cách, kèm theo sự tàn lụi. Chết thể xác có nghĩa là sự ngăn cách hồn với xác, dẫn tới kết quả là xác bị mục nát. Xác trở về với cát bụi, còn linh trở về với Đức Chúa Trời. Khi mô tả sự chết, người khôn ngoan nói, “Và bụi tro trở vào đất như nguyên thủy, còn thần linh trở về với Đức Chúa Trời, là Đấng đã ban nó” (Truyền Đạo 12:7). Chết thuộc linh là hồn bị xa cách Đức Chúa Trời dẫn tới kết quả là sự tàn lụi linh hồn.

Trong tình trạng tự nhiên, con người bị chết thuộc linh, bị xa rời khỏi Đức Chúa Trời. Phao-lô mô tả tình trạng thuộc linh của người Ê-phê-sô, trước khi họ tin Chúa, là “chết vì những vi phạm và tội lỗi của mình,” và “theo bản chất tự nhiên chúng ta là con của sự thịnh nộ” (Ê-phê-sô 2:1,3). Họ bị xa cách Đức Chúa Trời, “Tâm trí họ tối tăm, xa lạ với sự sống của Đức Chúa Trời vì sự ngu muội ngự trị trong họ, và lòng họ chai cứng” (Ê-phê-sô 4:18).

Sự chết thuộc linh này cuối cùng dẫn tới sự chết đời đời, vĩnh viễn xa cách Đức Chúa Trời, linh hồn muôn đời tàn lụi, trừ ra khi con người nhìn biết Đức Chúa Trời, “Ngài sẽ trừng phạt những kẻ không chịu nhận biết Đức Chúa Trời... họ sẽ chịu hình phạt hủy diệt đời đời, phân

cách khỏi sự hiện diện của Chúa và vinh quang của quyền năng Ngài” (2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:8-9).

Sự tàn lụi đời đời của linh hồn được gọi là sự chết thứ hai, “Phước thay và thánh thay là những kẻ được dự phần trong sự sống lại thứ nhất! Sự chết thứ hai không có quyền gì trên họ” (Khải Huyền 20:6); “Còn những kẻ hèn nhát, kẻ chẳng tin, kẻ đáng ghê tởm, kẻ giết người, kẻ gian dâm, kẻ hành nghề ma thuật, kẻ thờ thần tượng và tất cả những kẻ nói dối, thì phần của chúng là hồ lửa lưu huỳnh đang bùng cháy. Đó là sự chết thứ hai” (Khải Huyền 21:8).

Có sự chết thứ nhất và sự chết thứ hai, cũng như có sự sinh ra thứ nhất và sự sinh ra thứ hai. Có sự sinh ra thuộc thể và sinh ra thuộc linh-sự sinh ra thể xác và sự tái sinh của linh hồn. Giống như vậy, có sự chết thứ nhất và sự chết thứ hai-chết thể xác và chết linh hồn. Cả hai đều là tiền công của tội lỗi. Và giống như sự sinh ra thuộc linh vinh quang hơn sự sinh ra thuộc thể ra sao, thì sự chết thuộc linh cũng khủng khiếp hơn sự chết thể xác như vậy.

CÂU HỎI ÔN BÀI VÀ THI

1. Kể ra một số phương pháp Sa-tan dùng để cám dỗ.
2. Giải thích tội lỗi là chống nghịch Đức Chúa Trời.
3. Tội không thể tha là gì?
4. Cho biết một từ mô tả hậu quả của tội lỗi?

5. Cứu Chúa của Nhân Loại

“Nàng sẽ sanh một con trai; người hãy đặt tên là Giê-xu; vì chính con trai ấy sẽ cứu dân mình ra khỏi tội” (Ma-thi-ơ 1:21).

Khi A-đam phạm tội, và tự hủy hoại bản thân cùng toàn thể nhân loại, có ba hành động để Đức Chúa Trời lựa chọn—kết án nhân loại không chút xót thương, tha thứ bỏ qua cho toàn thể nhân loại, hoặc mở con đường cứu rỗi cho những ai chịu ăn năn quay về với Đức Chúa Trời. Giải pháp sau cùng là giải pháp duy nhất thích hợp với một Đức Chúa Trời vừa công bình vừa yêu thương. Do đó, Ngài đã hứa ban Đấng Mết-si-a, để cứu dân Ngài ra khỏi tội.

Có một lời hứa về Đấng Mết-si-a trong lời rủa con rắn, “Ta sẽ làm cho mầy và người nữ, dòng dõi mầy và dòng dõi người nữ thù nghịch nhau: Người sẽ giày đạp đầu mầy, còn mầy sẽ cắn gót chân người” (Sáng Thế Ký 3:15). Lời hứa này được lặp lại nhiều lần trong nhiều thế kỷ sau đó. Loài người hi vọng mong chờ và tin tưởng sự xuất hiện của Đấng Cứu Thế đó.

Khi kỳ được trọn, Đấng Cứu Thế đã đến, “Nhưng khi kỳ hạn đã được trọn, Đức Chúa Trời sai Con Ngài đến, do một người nữ sinh ra, sinh ra dưới luật pháp, để chuộc những người ở dưới luật pháp, và nhờ đó chúng ta được nhận làm con” (Ga-la-ti 4:4-5).

Tên riêng Đức Chúa Trời đặt cho Con Ngài là Giê-xu, “Người hãy đặt tên con ấy là Giê-xu.” Tên gọi này tương đương với “Joshua” trong tiếng Hê-bơ-rơ, có nghĩa Giê-hô-va là sự cứu rỗi. Chức danh chính thức cho Giê-xu là “Christ,” có nghĩa Được Xức Dầu. Đây là từ Hi Lạp tương đương với “Messiah” trong tiếng Hê-bơ-rơ. Tước vị này chỉ về Giê-xu là Đấng duy nhất làm thành mọi hi vọng về Đấng Mết-si-a. Trong các thư tín, danh xưng cá nhân và tước vị chính thức thường được kết hợp—Giê-xu Christ, hoặc Christ Giê-xu.

Còn một chức danh khác cho Giê-xu, đó là “Chúa.” Đây là chức danh của phẩm giá, tôn trọng, và oai nghiêm. Theo cách dùng trong Tân Ước, từ này luôn luôn chỉ về Giê-xu. Đôi lúc Ngài được gọi là “Chúa Giê-xu,” và đôi khi cả ba tước vị được kết hợp thành “Chúa Giê-xu Christ.”

I. SỰ TIỀN HIỆN HỮU CỦA Đấng CHRIST

Không giống như người thường, sự hiện hữu của Đấng Christ không bắt đầu với sự chào đời của Ngài. Ngài hiện hữu từ cõi đời đời trong quá khứ.

1. Khẳng định rõ trong Tân ước

Chỉ cần trích dẫn vài phân đoạn ở đây. Chúng ta bắt đầu với Giăng 1:1-2, “Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở với Đức Chúa Trời và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời. Từ ban đầu Ngài ở với Đức Chúa Trời.” Những từ được dùng ở đây cũng giống trong câu đầu của toàn bộ Kinh Thánh, “Ban đầu.” Trước công cuộc sáng tạo thế gian, Đấng Christ đã hiện hữu cùng với Đức Chúa Cha.

Giăng tiếp tục nói Đấng Christ là tác nhân trong công cuộc sáng tạo, “Muôn vật đều do Ngài tạo dựng, không một loài thọ tạo nào được tạo dựng mà không bởi Ngài” (Giăng 1:3).

Phao-lô khẳng định cùng một lẽ thật này trong Cô-lô-se 1:16, “Vì trong Ngài mọi vật trên trời, dưới đất, vật thấy được hoặc vật không thấy được đều được tạo dựng. Hoặc ngôi vua, hoặc quyền thống trị, hoặc các lãnh tụ, hoặc giới cầm quyền, đều được tạo dựng bởi Ngài và vì Ngài.” Và trong câu 17, ông nói tiếp “Ngài có trước muôn vật, và muôn vật đứng vững trong Ngài.”

2. Chúa Giê-xu tự xưng Ngài có trước muôn vật

Nhiều lần Chúa Giê-xu nói về sự hiện hữu của Ngài trong cõi quá khứ đời đời. Đối với người Do Thái vô tín, Chúa Giê-xu phán, “Thật Ta bảo các ngươi, trước khi Áp-ra-ham hiện hữu, Ta hằng hữu” (Giăng 8:58). Áp-ra-ham sống gần hai ngàn năm trước khi Chúa Giê-xu sinh ra, thế nhưng Ngài nói, “Trước khi Áp-ra-ham hiện hữu, Ta hằng hữu.” Trong lời cầu thay của mình, Ngài nói, “Cha ơi, bây giờ xin lấy vinh quang Con vốn có với Cha trước khi tạo dựng thế gian mà tôn vinh Con trước mặt Cha” (Giăng 17:5).

II. SỰ NHẬP THỂ CỦA Đấng CHRIST

Nhập thể có nghĩa mang lấy thể xác bằng xương thịt. Con Đức Chúa Trời đời đời đã giáng thể và tự mang lấy thân xác loài người, “Ngôi Lời trở nên xác thể, sống giữa chúng ta” (Giăng 1:14). Phao-lô diễn ý lại như sau, “Ngài vốn có hình của Đức Chúa Trời, nhưng không xem sự bình đẳng với Đức Chúa Trời là điều nên nắm giữ. Ngài đã từ bỏ chính mình, mang lấy hình đầy tớ, và trở nên giống như loài người” (Phi-líp 2:6-7). Sự việc này diễn ra khi hài nhi Giê-xu sinh ra tại Bết-lê-hem.

Hai lẽ thật được bao gồm trong sự nhập thể của Đấng Christ.

1. Thực sự là người

Danh xưng Chúa Giê-xu thường dùng cho chính Ngài nhiều hơn bất kỳ danh xưng nào khác, đó là “Con người.” Toàn bộ câu chuyện trình bày Ngài như con người. Ngài sống như con người và biểu lộ những đặc điểm của con người. Ngài lớn lên phần thuộc thể, “Đức Chúa Giê-xu khôn ngoan càng thêm, thân hình càng lớn, càng đẹp lòng Đức Chúa Trời và người ta” (Lu-ca 2:52). Chúa Giê-xu mệt mỏi và đói, “Vì đi đường mệt mỏi, nên Đức Chúa Giê-xu ngồi lại bên giếng” (Giăng 4:6); “Sau khi kiêng ăn bốn mươi ngày và bốn mươi đêm, Ngài đói” (Ma-thi-ơ 4:2). Ngài đau đớn thể xác, Ngài khóc, Ngài buồn ngủ, Ngài chết.

Tất cả mọi kinh nghiệm này làm chứng cho nhân tánh của Chúa Giê-xu.

2. Thực sự là Đức Chúa Trời

Chúa Giê-xu không chỉ là Con người, Ngài còn là Con Đức Chúa Trời. Ngài tự xưng là Đức Chúa Trời, “Ai đã thấy Ta tức là đã thấy Cha” (Giăng 14:9); “Ta với Cha là một” (Giăng 10:30). Ngài thi hành quyền năng của Đức Chúa Trời. Ngài tha tội, “Thấy đức tin của họ, Đức Chúa Giê-xu phán với người bại, “Hỡi con, tội lỗi con đã được tha” (Mác 2:5). Kẻ thù Ngài kết án tử hình Ngài vì Ngài tự xưng là Con Đức Chúa Trời, “Những người Do Thái đáp, “Chúng tôi có luật, chiếu theo luật ấy, nó phải chết; vì nó tự xưng là Con Đức Chúa Trời” (Giăng 19:7).

Vì vậy, trong Đấng Christ, chúng ta có Trời-người, hai bản chất kết hợp trong một thân vị. Ngài là con người tới mức biết đói; Ngài là Đức Chúa Trời tới mức nuôi được cả một đoàn dân đói, chỉ với năm ổ bánh và hai con cá nhỏ. Ngài là người tới mức biết mệt; Ngài là Đức Chúa Trời tới mức ban sự an nghỉ cho kẻ mệt mỏi. Ngài là người tới mức buồn ngủ; Ngài là Đức Chúa Trời tới mức tỉnh giấc và quở bảo tố lạng thình. Ngài là người tới mức chết; Ngài là Đức Chúa Trời tới mức từ cõi chết sống lại. Chỉ có Trời-người mới có thể làm Cứu Chúa của thế gian.

Chúng ta có hiểu được điều này không? Dĩ nhiên là không. Và vì một số người không thể hiểu, họ không chấp nhận đây là sự thật. Một hôm có người hỏi Daniel Webster, “Ông có hiểu Giê-xu Christ không?” Ông đáp, “Không, tôi sẽ lấy làm hổ thẹn nhìn nhận Ngài là Cứu Chúa của tôi, nếu tôi hiểu được Ngài. Tôi cần một Cứu Chúa siêu phàm—Đấng lớn lao và vinh quang tới mức tôi không thể hiểu được.”

III. THẦN TÁNH CỦA Đấng CHRIST

Điều được trình bày trên đây đưa đến câu hỏi về thần vị của Đấng Christ. Có khác biệt giữa thần tánh với thần vị, theo như cách sử dụng các từ này ngày nay. Trên một phương diện, mọi người có thể tự xưng mình có thần tánh [tức có thuộc tánh của Đức Chúa Trời], bởi lẽ họ được tạo dựng theo hình ảnh Đức Chúa Trời. Trong họ có điểm giống Đức Chúa Trời. Nhưng không một người nào có thể tự xưng mình có thần vị. Đó là điểm khác biệt trong Chúa Giê-xu, Người xứ Ga-li-lê. Giám mục Durham nói, “Một Đấng Christ mà không phải là Đức Chúa Trời, là chiếc cầu gãy ở đầu bên kia.”

1. Bản chất sự sinh ra của Ngài

Không hề có sự sinh ra nào giống như sự sinh ra của hài nhi Giê-xu tại Bết-lê-hem. Ma-thi-ơ nói, “Vả, sự giáng sinh của Đức Chúa Giê-xu đã diễn ra như sau: Ma-ri, mẹ Ngài, đã hứa hôn với Giô-sép, nhưng chưa chung sống với nhau, thì nàng mang thai bởi Đức Thánh Linh. Giô-sép, chồng nàng, là người công chính, không muốn bêu xấu nàng, nên định âm thầm từ hôn. Đang khi Giô-sép ngẫm nghĩ về việc này, thì một thiên sứ của Chúa hiện đến với ông trong giấc chiêm bao và truyền rằng: Hỡi Giô-sép, con dòng Đa-vít, ngươi chớ ngại cưới Ma-ri làm vợ, vì thai mà nàng đang mang đó là bởi Đức Thánh Linh” (Ma-thi-ơ 1:18-20).

Lu-ca xác nhận chuyện kể của Ma-thi-ơ và còn nhấn mạnh thêm, “Vào tháng thứ sáu, Đức Chúa Trời sai thiên sứ Gáp-ri-ên đến thành Na-xa-rét, thuộc miền Ga-li-lê, gặp một trinh nữ đã đính hôn với một người nam tên là Giô-sép thuộc dòng vua Đa-vít. Trinh nữ ấy tên Ma-ri. Thiên sứ đến gặp cô và nói, “Hỡi người được ơn, chúc mừng cô! Chúa ở cùng cô!” Nhưng Ma-ri rất bối rối về những lời này và tự hỏi lời chào ấy có nghĩa gì. Thiên sứ tiếp, “Hỡi Ma-ri, đừng sợ vì cô đã được ơn trước mặt Đức Chúa Trời. Nay, cô sẽ mang thai, sinh một con trai và đặt tên là Giê-xu” (Lu-ca 1:26-31). Sau đó trong câu 35, Lu-ca giải thích cách sinh ra của Chúa Giê-xu qua những lời như sau, “Thiên sứ đáp:

Đức Thánh Linh sẽ ngự trên cô, và quyền năng của Đấng Chí Cao sẽ phủ che cô; cho nên con thánh sinh ra sẽ được gọi là Con Đức Chúa Trời.”

Những ai phủ nhận sự sinh ra do trinh nữ của Chúa Giê-xu tức là phủ nhận lẽ thật trong Lời Đức Chúa Trời.

2. Cách sống của Ngài

Chúa Giê-xu sống một cuộc đời toàn hảo. Tác giả thư Hê-bơ-rơ nói về Ngài, “Có một thầy tế lễ bị cám dỗ đủ mọi cách như chúng ta, song chẳng phạm tội” (Hê-bơ-rơ 4:15). Chúa Giê-xu có thể đứng trước kẻ thù, thách thức họ kể tên một tội Ngài đã phạm, “Có ai trong các người kết tội ta được không?” (Giăng 8:46). Phát biểu của Phi-lát là phán quyết của mọi thời đại, “Ta không thấy người này có tội gì” (Lu-ca 23:4). Romanes nói về Ngài như sau, “Điều phi thường nhất về Chúa Giê-xu, chính là sự kiện: hai mươi thế kỷ qua vẫn không tìm ra tội của Ngài.” Chẳng người nào, ngoại trừ Con Đức Chúa Trời mới sống được cuộc đời như vậy.

3. Tính chất những lời dạy của Ngài

Khi mấy người được sai từ Giê-ru-sa-lem đến bắt Chúa Giê-xu để trình diện trước Tòa Công Luận, họ đã trở về tay không. Được hỏi về sự thất bại của mình, họ đáp, “Chưa bao giờ có người nào đã nói như người này” (Giăng 7:46).

Không hề có ai nói như người này, bởi vì không hề có ai giống như người này. Đã từng có những nhà hùng biện có lưỡi như vàng bạc, chinh phục đám đông bằng lời lẽ hùng hồn, đã từng có những học giả đại tài gây sửng sốt bằng kiến thức uyên thâm; nhưng chưa từng có ai nói như Chúa Giê-xu. Lời nói của Ngài vừa đơn sơ vừa sâu sắc. Người thường thì vui vẻ nghe Ngài nói, còn người khôn xuất chúng

thì kinh ngạc vì lời nói của Ngài. Những nguyên tắc do Ngài đưa ra, trở thành ánh sáng soi đường suốt bao thế kỷ.

4. Sự kỳ diệu trong những việc Ngài làm

Khi Ni-cô-đem, quan cai trị Do Thái, đến gặp Chúa Giê-xu ban đêm, ông thưa với Ngài rằng, “Thưa Thầy, chúng tôi biết Thầy là giáo sư từ Đức Chúa Trời đến; nếu Đức Chúa Trời không ở cùng thì không ai làm được những dấu lạ mà Thầy đã làm” (Giăng 3:2). Đó là lời giải thích chính Chúa Giê-xu đã đưa ra về các phép lạ của Ngài. Đứng trước đoàn dân tại Giê-ru-sa-lem, Ngài phán, “Nhưng Ta có một lời chứng vĩ đại hơn của Giăng; vì những công việc Cha giao cho Ta hoàn tất, chính những công việc Ta đang thực hiện đây, làm chứng rằng Cha đã sai Ta” (Giăng 5:36).

5. Vinh quang trong sự sống lại của Ngài

Phao-lô tuyên bố rằng sự sống lại của Chúa Giê-xu là chứng cứ chắc chắn về thần vị của Ngài, “Ấy là Tin lành về Con Ngài, là Đấng mà về mặt thể xác được sinh ra từ dòng vua Đa-vít; về thần linh thánh khiết, thì bởi sự sống lại của Ngài từ cõi chết được tuyên xưng là Con Đức Chúa Trời quyền năng, là Đức Chúa Giê-xu Christ Chúa chúng ta” (Rô-ma 1:3-4). Ngài chịu đóng đinh trên thập tự giá rồi bị bỏ chết treo thân ở đó. Xác Ngài được lấy xuống khỏi thập tự giá và đặt trong mộ khoét trong đá.

Một tảng đá lớn được lăn ngang cửa mộ phần và đóng ấn La-mã. Để bảo đảm xác chết không bị quấy nhiễu, một tên lính La-mã được cắt canh giữ mộ. Nhưng vào ngày thứ ba, xác chết bước ra khỏi mộ phần và sống lại trong thân xác vinh quang. Phao-lô nói, đó là bằng cứ chắc chắn về thần vị của Đấng Christ.

IV. SỰ CHẾT CỦA Đấng CHRIST

Sự đóng đinh Chúa Giê-xu là tội ác lớn nhất mọi thời đại. Nhưng đó cũng là cách bày tỏ tối thượng của tình yêu Đức Chúa Trời, “Nhưng Đức Chúa Trời bày tỏ lòng yêu thương Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là tội nhân, thì Đấng Christ đã chết thay cho chúng ta” (Rô-ma 5:8). Đây là minh họa đẹp đẽ nhất về cách Đức Chúa Trời đổi rửa sả thành phước lành. Giô-sép nói với các anh, “Các anh định hại tôi; nhưng Đức Chúa Trời lại định cho nó thành điều lành để thực hiện việc đang xảy ra hôm nay, tức là bảo tồn sự sống cho bao nhiêu người” (Sáng Thế Ký 50:20). Những kẻ thù của Đấng Christ đã mong biến sự đóng đinh thành chiến thắng lớn nhất của chúng, nhưng Đức Chúa Trời biến nó thành thất bại lớn nhất của chúng. Qua thập tự giá, Ngài đã thực hiện sự cứu rỗi cho thế giới hư mất.

Có vài lẽ thật quan trọng liên hệ đến sự chết của Đấng Christ.

1. Tự nguyện

Chúa Giê-xu không lên thập tự giá vì Ngài cô thế trong tay kẻ thù. Khi Phi-e-rơ rút gươm để bảo vệ Ngài trong vườn Ghết-sê-ma-nê, Chúa Giê-xu phán với ông, “Hãy nạp gươm vào vỏ, vì hễ ai cầm gươm thì sẽ bị chết bởi gươm. Con tưởng rằng Ta không thể xin Cha, và Ngài sẽ lập tức sai đến cho Ta hơn mười hai quân đoàn thiên sứ hay sao?” (Ma-thi-ơ 26:52-53).

Mọi mưu kế của quan cai trị Do Thái, mọi uy quyền của thống đốc La-mã, mọi sức mạnh của khí giới La-mã vẫn không thể đóng đinh được Chúa Giê-xu trên thập tự giá. Về sự chết của Ngài, Chúa Giê-xu phán, “Ta hy sinh mạng sống mình để được nhận lại, không có ai cất mạng sống Ta đi được, nhưng Ta tự nguyện hy sinh” (Giăng 10:17-18). Ngài tuyên bố Ngài đến thế gian để chết, “Ngay cả Con người đã đến không phải để được người ta phục vụ mình, nhưng để phục vụ người ta và

phó mạng sống mình làm giá chuộc cho nhiều người” (Ma-thi-ơ 20:28).

2. Thay thế

Điều quan trọng không phải cách Đấng Christ chết, mà là ý nghĩa sự chết của Ngài. Nhiều người khác đã bị đóng đinh. Trong sự chết của Đấng Christ, Ngài đã mở ra con đường cứu rỗi cho loài người tội lỗi.

Lời Đức Chúa Trời phán, “Tiền công của tội lỗi là sự chết” (Rô-ma 6:23). Lời này còn công bố rằng mọi người đều đã phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời, “Vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh quang của Đức Chúa Trời” (Rô-ma 3:23). Vậy thì làm sao Đức Chúa Trời có thể cứu được ai, mà vẫn duy trì sự công chính và tôn trọng luật pháp của Ngài?

Thập tự giá của Đấng Christ là lời đáp cho câu hỏi này, “Nhờ ân điển Ngài, bởi sự cứu chuộc trong Đấng Christ Giê-xu, họ được xưng công chính mà không phải trả một giá nào, Đức Chúa Trời đã lập Ngài làm sinh tể chuộc tội cho những ai có đức tin trong huyết Ngài. Việc này bày tỏ sự công chính của Đức Chúa Trời vì Ngài lấy lòng nhẫn nhục mà bỏ qua những tội lỗi trong quá khứ. Trong hiện tại, Ngài cũng chứng tỏ chính Ngài là công chính và xưng công chính cho người nào đặt lòng tin nơi Đức Chúa Giê-xu” (Rô-ma 3:24-26).

Có nhiều thuyết về sự chuộc tội được đưa ra, nhưng lời dạy rõ ràng của Thánh Kinh là sự chết của Chúa Giê-xu mang tính thay thế. Ngài thế chỗ cho con người về sự vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời và chịu khổ thay cho con người. Điều này đã được báo trước trong Kinh Thánh Cựu Ước.

Đức Chúa Trời kéo bức màn ra cho tiên tri Ê-sai nhìn thấy bày thế kỷ trong tương lai và thấy thập tự giá trên đồi Gô-gô-tha. Đây là cảnh ông nhìn thấy, “Người vì tội lỗi chúng ta mà bị vết, vì gian ác của chúng ta

mà bị thương; bởi sự trừng phạt người chịu, chúng ta được bình an, bởi lần roi người mang, chúng ta được lành bệnh. Tất cả chúng ta đều như chiên đi lạc, ai theo đường nấy; Đức Giê-hô-va đã làm cho tội lỗi của tất cả chúng ta đều chất trên người” (Ê-sai 53:5-6).

Sự chết thể của Đấng Christ được nói rõ trong Tân Ước. Không có cách giải thích hợp lý nào khác cho những phân đoạn Kinh Thánh sau:

“Đức Chúa Trời đã làm cho Đấng không hề biết tội lỗi trở nên tội lỗi vì chúng ta, để trong Đấng ấy chúng ta được trở nên công chính trước mặt Đức Chúa Trời” (2 Cô-rinh-tô 5:21).

“Đấng Christ đã chuộc chúng ta khỏi sự rủa sả của luật pháp, khi Ngài chịu rủa sả thế cho chúng ta” (Ga-la-ti 3:13).

“Ngài mang tội lỗi chúng ta trong thân thể Ngài trên cây gổ, để chúng ta chết đối với tội lỗi, và sống cho sự công chính; nhờ những vết thương của Ngài mà anh em được chữa lành” (1 Phi-e-rơ 2:24).

“Nhờ ân điển của Đức Chúa Trời, Ngài đã nếm sự chết vì mọi người.” (Hê-bơ-rơ 2:9)

“Chính Ngài là tế lễ chuộc tội chúng ta; không những vì tội của chúng ta mà thôi, nhưng còn vì tội của cả thế gian nữa” (1 Giăng 2:2). Chúa Giê-xu đã mang cả thế gian trong lòng Ngài khi Ngài lên thập tự giá.

3. Một lần đủ cả

Sẽ không bao giờ có một Đấng Cứu Thế khác, vì thế gian sẽ không bao giờ cần đến Đấng nào khác. Đấng Christ là đủ cho mọi người, cho mọi thời đại. Sẽ không bao giờ có một Gô-gô-tha khác, vì sự chuộc tội được thực hiện ở đó đã đáp ứng nhu cầu của con người tội lỗi khắp mọi nơi. Đấng Christ chết một lần đủ cả, “Nhưng bây giờ Ngài đã hiện ra một lần đủ cả vào cuối cùng các thời đại để dâng mình làm sinh tế

cất tội lỗi đi. Cũng vậy, Đấng Christ đã dâng mình chỉ một lần để xóa bỏ tội lỗi của nhiều người” (Ê-bơ-rơ 9:26, 28).

*Lạy Chiên Con yêu quý chết thay, huyết quý báu của Ngài
Sẽ không bao giờ mất quyền năng,*

*Cho tới khi toàn thể Hội thánh Đức Chúa Trời mua chuộc
Được cứu, không còn phạm tội nữa.*

William Cowper

V. SỰ SỐNG LẠI CỦA Đấng CHRIST

Đấng Christ đã chết trên thập tự giá và được chôn trong mộ của Giô-sép, nhưng ngày nay Ngài không chết. Ngày thứ ba, Ngài đã từ mồ mà sống lại, và sống muôn đời.

Đây là một trong những đặc điểm nổi bật của Cơ Đốc giáo, khác hẳn với mọi tôn giáo khác. Chúng ta có một Cứu Chúa hằng sống. Phật Thích Ca sống nhiều thế kỷ trước Chúa Giê-xu. Người đã thiết lập Phật giáo, và trong vài năm, người đã chết. Và hiện nay người vẫn còn chết. Xác của người vẫn nằm dưới đất. Giáo chủ Mô-ha-mét sống vài thế kỷ sau Chúa Giê-xu. Ông cũng thiết lập ra Hồi giáo, rồi chết. Ông cũng vẫn còn chết. Xác ông nằm trong ngôi mộ ở Đông phương.

Chúa Giê-xu đã chết, nhưng ngày nay Ngài không chết. Những ấn đóng cùng binh lính La-mã đã không thể giữ xác Ngài trong mộ phần. Ngài đã bứt đứt dây sự chết, bước ra để sống vĩnh viễn--”Chúng ta biết rằng Đấng Christ đã sống lại từ kẻ chết, thì sẽ không bao giờ chết nữa; sự chết không còn cai trị Ngài” (Rô-ma 6:9). Không có sự kiện nào trong lịch sử chứng minh rõ ràng hơn sự sống lại của Đấng Christ. Ngôi mộ trống, vải liệm, lời chứng của những nhân chứng trung thực, cùng nhiều sự kiện vững vàng khác, chứng minh rằng Giê-xu đã từ cõi

chết sống lại. Ảnh hưởng của Ngài trên thế giới ngày nay chứng minh Ngài đang sống.

Một người vô tín hỏi một Cơ Đốc nhân sốt sáng, tại sao ông tin Giê-xu đã từ cõi chết sống lại. Cụ già đáp, “Vâng, có một lý do đó là tôi trò chuyện với Ngài suốt nửa tiếng sáng nay.”

Có vài lẽ thật quý báu liên hệ đến sự phục sinh của Đấng Christ.

1. Hoàn thành công việc của thập tự giá

Một Đấng Christ chết, thì không thể làm một Đấng Cứu Thế. Sự sống lại của Ngài bảo đảm rằng Đức Chúa Trời đã chấp nhận việc chuộc tội của Ngài trên thập tự giá--”Ngài đã bị nộp để chịu chết vì tội lỗi chúng ta, và sống lại để chúng ta được xưng công chính” (Rô-ma 4:25). Phao-lô nói, “Nếu Đấng Christ không sống lại, thì đức tin của anh em cũng vô ích; và anh em vẫn còn ở trong tội lỗi mình” (1 Cô-rinh-tô 15:17).

Sự chết và sống lại của Đấng Christ tạo thành cốt lõi của phúc âm được Phao-lô rao giảng, “Thưa anh em, tôi muốn nhắc lại cho anh em Tin Lành mà tôi đã rao giảng và anh em đã tiếp nhận, cũng như đang đứng vững trong đó. Nhờ Tin Lành ấy, anh em được cứu rỗi nếu anh em giữ vững điều tôi đã rao giảng; bằng không, anh em có tin cũng vô ích. Trước hết, tôi đã truyền đạt cho anh em điều chính tôi đã nhận lãnh, ấy là Đấng Christ chịu chết vì tội lỗi chúng ta theo lời Kinh Thánh; Ngài đã bị chôn, đến ngày thứ ba, Ngài đã sống lại, theo lời Kinh Thánh” (1 Cô-rinh-tô 15:1-4).

2. Cung cấp chứng cứ về sự sống bên kia mộ phần

Suốt bao thế hệ, con người cố tìm cho ra những chứng cứ cụ thể về sự bất tử. Gióp đã than, “Nếu loài người chết, họ có sống lại được không?” (Gióp 14:14). Sự sống lại của Đấng Christ là lời giải đáp cho tiếng kêu than lâu đời đó.

Phao-lô nói, “Đức Chúa Trời đã cứu chúng ta, đã gọi chúng ta bằng sự kêu gọi thánh, không phải do việc làm của chúng ta, nhưng theo mục đích riêng của Ngài và ân điển mà Ngài ban cho chúng ta từ muôn đời trước trong Đấng Christ Giê-xu. Ân điển ấy bây giờ mới được thể hiện qua sự hiện đến của Đấng Christ Giê-xu Cứu Chúa chúng ta, Đấng đã tiêu diệt sự chết, dùng Tin Lành làm sáng tỏ sự sống và sự bất diệt” (2 Ti-mô-thê 1:9-10).

Sự sống lại của Đấng Christ công bố: chết không phải là hết chuyện. Vẫn còn sự sống bên kia mộ phần.

3. Ban lời hứa cùng kiểu mẫu sự sống lại cho dân sự Đấng Christ

Trong 1 Cô-rinh-tô 15:20, chúng ta có lời của Phao-lô, “Nhưng bây giờ Đấng Christ đã từ cõi chết sống lại, Ngài là trái đầu mùa của những kẻ ngủ.”

Trái đầu mùa dâng lên cho Chúa là lời hứa và kiểu mẫu của mùa gặt sắp tới. Khi dâng hoa quả đầu mùa, dân sự bày tỏ lòng tin chắc rằng nhờ phước hạnh Đức Chúa Trời ban, sẽ có mùa gặt và những trái đầu mùa này làm kiểu mẫu về vụ gặt. Vì vậy, sự sống lại của Đấng Christ là bảo đảm cho sự sống lại từ cõi chết, “Như trong A-đam mọi người đều chết, cũng vậy, trong Đấng Christ, mọi người đều sẽ sống lại. Nhưng mỗi người theo thứ tự riêng của mình: Đấng Christ là trái đầu mùa; đến ngày Đấng Christ hiện ra, những người thuộc về Ngài sẽ sống lại” (1 Cô-rinh-tô 15:22-23). “Hỡi sự chết, sự đắc thắng của mày ở đâu? Hỡi sự chết, cái nọc của mày ở đâu?” (1 Cô-rinh-tô 15:55).

Sự sống lại của Đấng Christ là kiểu mẫu cho thân thể sống lại sau này, “Nhưng chúng ta là công dân trên trời; từ nơi ấy chúng ta trông đợi và Cứu Chúa là Đức Chúa Giê-xu Christ: Ngài sẽ biến hóa thân thể thấp hèn của chúng ta trở nên giống như thân thể vinh quang của Ngài” (Phi-líp 3:20-21). Và Giăng nói, “Thưa anh em yêu dấu, hiện bây giờ

chúng ta là con cái Đức Chúa Trời; còn về sự chúng ta sẽ ra thế nào, thì chưa được bày tỏ. Chúng ta biết rằng khi Ngài hiện đến, chúng ta sẽ giống như Ngài; vì chúng ta sẽ thấy Ngài như Ngài vốn có vậy” (1 Giăng 3:2).

VI. SỰ TÔN CAO ĐẲNG CHRIST

Sau khi sống lại, Đấng Christ lưu lại trên đất bốn mươi ngày, thỉnh thoảng hiện ra với các môn đồ. Sau đó Ngài về trời và ngồi bên hữu Đức Chúa Trời.

Trong những câu kết thúc phúc âm của mình, Lu-ca kể câu chuyện thăng thiên của Chúa phục sinh, “Sau đó, Ngài dẫn các môn đồ đến gần làng Bê-tha-ni và giơ tay lên ban phước cho họ. Đang khi ban phước, Ngài liả các môn đồ và được đem lên trời” (Lu-ca 24:50-51).

Trong chương thứ nhất Công Vụ, Lu-ca bắt đầu từ chỗ kết thúc phúc âm của mình, và thuật lại câu chuyện thăng thiên, “Sau khi phán những điều ấy xong Ngài được cất lên trong lúc các môn đồ đang nhìn xem Ngài; có một đám mây tiếp Ngài khuất đi khỏi mắt họ” (Công Vụ 1:9).

Các phân đoạn khác trong Kinh Thánh cho chúng ta biết sự việc diễn ra bên kia đám mây đó, “Chính vì thế mà Đức Chúa Trời đã tôn Ngài lên rất cao, và ban cho Ngài danh trên hết mọi danh, để khi nghe đến danh Đức Chúa Giê-xu, thì mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất đều phải quì xuống, và mọi lưỡi đều phải xưng nhận Đức Chúa Giê-xu Christ là Chúa, mà tôn vinh Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha” (Phi-líp 2:9-11).

“Nhưng Đấng Christ đã vì tội lỗi dâng một sinh tế chuộc tội duy nhất và đời đời, rồi ngồi bên phải Đức Chúa Trời” (Ê-bơ-rơ 10:12); “Đấng vì sự vui mừng đã đặt trước mặt mình, chịu lấy thập tự giá, khinh điều sỉ nhục, và hiện nay ngồi bên hữu ngai Đức Chúa Trời” (Ê-bơ-rơ 12:2).

Bên hữu là chỗ danh dự và quyền lực. Điều này hợp với lời Chúa Giê-xu phán với các môn đồ, “Tất cả thẩm quyền trên trời dưới đất, đều đã giao cho Ta” (Ma-thi-ơ 28:18).

Sự tôn cao Đấng Christ có ý nghĩa gì đối với dân sự Ngài?

1. Đấng biện hộ với Đức Chúa Trời

Có một Đấng bên hữu Đức Chúa Trời để khẩn cầu vì cơ chúng ta, “Nhưng nếu có ai phạm tội thì chúng ta có Đấng Biện Hộ với Đức Chúa Cha, là Chúa Giê-xu Christ, Đấng công chính” (1 Giăng 2:1); “Bởi đó Ngài có thể cứu toàn vẹn những người nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài hằng sống để cầu thay cho những người ấy” (Hê-bơ-rơ 7:25).

Cơ Đốc nhân có hai Đấng cầu thay: Thánh Linh trong lòng, và Đấng Christ bên hữu Đức Chúa Trời. Phao-lô cho chúng ta biết về hai Đấng cầu thay này trong chương tám của Rô-ma, “Chính Thánh Linh dùng những sự thờ than không thể diễn tả bằng lời mà cầu thay cho chúng ta” (Rô-ma 8:26); “Đấng Christ Giê-xu là Đấng đã chết và cũng đã sống lại, Đấng đang ngồi bên phải Đức Chúa Trời, và cầu thay cho chúng ta” (Rô-ma 8:34).

Là Đấng Biện Hộ, Đấng Christ có thể khẩn cầu điều gì? Nơi tòa án trần gian, người trạng sư xuất hiện thay cho khách hàng, có thể lập luận, “Không có tội”; hoặc “Vi phạm lần đầu”; hoặc “Không biết luật.” Nhưng Chúa Giê-xu, Đấng Biện Hộ cho chúng ta, không thể lập luận như vậy được. Tất cả chúng ta đều có tội, và chúng ta đã phạm tội nhiều lần, và chúng ta chủ tâm vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời. Trạng sư của chúng ta chỉ còn có một cách biện luận, đó là tự mình chết thay trên thập tự giá để chuộc tội.

2. Chúa đang cai trị

Trong bài giảng ngày Ngũ Tuần, Phi-e-rơ nói, “Cả nhà Y-sơ-ra-ên hãy biết chắc chắn rằng Đức Chúa Giê-xu này, Đấng mà anh em đã đóng đinh trên thập tự giá, đã được Đức Chúa Trời tôn làm Chúa và Đấng Christ” (Công Vụ 2:36).

Có vài điều cần nhớ về quyền làm chúa của Đấng Christ.

(1) *Quyền làm Chúa tuyệt đối.*- Vô hạn định và vô giới hạn. Đó là thẩm quyền tối thượng. Hể Ngài phán, mọi tranh cãi đều phải nín lặng.

Ngài là đầu hội thánh. Đấng Christ là Chúa của hội thánh trong tổ chức, trong nhân sự, trong thánh lễ, trong truyền giáo và trong sứ điệp.

Mỗi Cơ Đốc nhân không được có chủ nào khác ngoài Đấng Christ. Chúa Giê-xu phán với môn đồ Ngài, “Cũng đừng để người nào gọi mình là chủ: vì các ngươi chỉ có một chủ là Đấng Christ” (Ma-thi-ơ 23:10). Và Ngài còn nói, “Các con gọi Ta là Thầy, là Chúa. Các con nói rất đúng, vì Ta thật như vậy” (Giăng 13:13).

(2) *Quyền làm Chúa phổ quát.*- Đây là quyền phổ quát trên nhiều phương diện. Phổ quát ở chỗ, quyền này bao gồm và kiểm soát mọi lãnh vực của cuộc sống. Không thể công nhận quyền làm chúa của Đấng Christ trong khía cạnh này, mà phủ nhận quyền đó trong khía cạnh khác. Ngài là Chúa trong mọi lãnh vực. Ngài là Chúa trong đời sống tôn giáo; Ngài là Chúa trong nếp sống gia đình; Ngài là Chúa trong công việc làm ăn; Ngài là Chúa trong mọi giao tiếp cá nhân. Ngài là Chúa trong ngày thứ Hai, nếu không, thì Ngài không phải là Chúa trong ngày Chúa nhật. Ngài là Chúa trong gia đình, nếu không, thì Ngài không phải là Chúa trong hội thánh. Ngài là Chúa trong công việc làm ăn, nếu không, Ngài không phải là Chúa trong tôn giáo. Ngài là Chúa mọi lúc, nếu không, thì Ngài không phải là Chúa lúc nào cả. Ngài là Chúa khắp mọi nơi, nếu không, Ngài không phải là Chúa nơi nào cả.

Quyền làm Chúa của Ngài phổ quát ở chỗ trải rộng khắp muôn nước và muôn dân. Không thể có địch thủ đối với Chúa Giê-xu bất kỳ nơi nào trên đất. Các tôn giáo khác đều có giáo chủ và giáo sư riêng, nhưng Chúa Giê-xu trội hơn tất cả. Ngài không là một chúa của nhân loại, Ngài là Chúa của nhân loại.

Quyền làm Chúa của Ngài phổ quát ở chỗ bao trùm toàn thể vũ trụ. Phao-lô tuyên bố rằng khi nghe đến danh Giê-xu, mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất, đều quì xuống. Ngài là Chúa trên đất, và Ngài là Chúa trên trời. Ngài là Chúa của loài người, và Ngài là Chúa của thiên sứ. Ngài là Chúa của kẻ sống, và Ngài là Chúa của kẻ chết. Ngài là Chúa khắp nơi, và của từng tạo vật.

(3) *Quyền làm Chúa tối hậu.*- Đấng Christ sẽ làm Chúa cho tới tận thế. Ngài là Chúa hôm nay, và Ngài sẽ là Chúa ngày mai. Đôi khi vua chúa đời này bị truất ngôi và người khác thế chỗ. Chúa Giê-xu sẽ không bao giờ có ai thế chỗ. “Chúa Giê-xu Christ hôm qua, ngày nay và cho đến đời đời không hề thay đổi” (Hê-bơ-rơ 13:8).

Tôi có đọc chuyện một người nọ, thay vì ghi số lên mặt đồng hồ đeo tay, ông ghi dòng chữ “Christ là Chúa.” Khi có ai hỏi, ông đáp, “Ghi như vậy nhắc tôi nhớ Đấng Christ là Chúa bất kỳ giờ phút nào.”

3. Là Vua chiến thắng

Khi mô tả Đấng Mết-si-a sắp đến, tiên tri Ê-sai nói, “Người sẽ không mòn mỏi, không ngã lòng, cho đến khi thiết lập xong công lý trên mặt đất; các hải đảo sẽ trông đợi luật pháp Người” (Ê-sai 42:4). Và trong 1 Cô-rinh-tô 15:25, chúng ta thấy, “Vì Ngài phải cầm quyền, cho đến chừng Đức Chúa Trời đặt mọi kẻ thù dưới chân Ngài.” Có thể dường như có những thất bại trong khi chờ đợi, nhưng cuối cùng Chúa Giê-xu sẽ thắng.

Trong Khải Huyền chương mười chín, Giăng mô tả một khái tượng diệu kỳ ông đã có. Ông thấy trời mở toang và Đấng cỡi ngựa trắng. Mặt Ngài như ngọn lửa hừng, còn trên đầu Ngài có nhiều vương miện. Ngài mặc áo nhúng trong huyết, theo sau Ngài là các đạo binh cỡi ngựa trắng, và mặc đồ trắng. Một lưới gươm bén nhô ra từ miệng Ngài. Trên áo tơi và trên đầu Ngài có ghi, “VUA TRÊN MUÔN VUA, VÀ CHÚA TRÊN MUÔN CHÚA.”

*Ngợi danh Giê-xu rất oai quyền thay!
Các thiên thần sắp trước Ngài;
Cung hiến vương miện,
Tôn Christ lên ngai.
Edward Perronet*

CÂU HỎI ÔN BÀI VÀ THI

1. Chúng ta có chứng cứ nào về sự tiền hiện hữu của Đấng Christ?
2. Nêu ba chứng cứ về thần vị của Đấng Christ.
3. Nêu ba sự kiện về sự chết của Đấng Christ.
4. Sự sống lại của Đấng Christ chiếm vị trí nào trong kế hoạch cứu rỗi?
5. Sự tôn cao Đấng Christ có ý nghĩa gì đối với chúng ta?

6. Sự Cứu Rỗi Lớn

“Làm sao chúng ta tránh khỏi hình phạt nếu chúng ta xem thường ơn cứu rỗi lớn dường ấy?” (Hê-bơ-rơ 2:3)

Trong chương trước, chúng ta thảo luận việc Đức Chúa Trời cung cấp sự cứu rỗi cho một dòng giống hư mất, qua tặng phẩm là Con Ngài. Trong sự chết chuộc tội và sự sống lại vinh quang, Đấng Christ đã mở con đường cứu rỗi cho mọi người. Nhưng không có nghĩa là mọi người sẽ được cứu. Có một số điều kiện cần phải đáp ứng mới được cứu.

I. KINH NGHIỆM CỨU RỖI

Đức Chúa Trời chỉ có một kế hoạch cứu rỗi cho mọi người, “Vì nhờ ân điển, bởi đức tin mà anh em được cứu, điều này không đến từ anh em mà là tặng phẩm của Đức Chúa Trời” (Ê-phê-sô 2:8). Sự cứu rỗi do ân sủng Đức Chúa Trời và được hưởng nhờ đức tin cá nhân nơi Chúa Giê-xu Christ. Đức Chúa Trời không hề có kế hoạch cứu rỗi nào khác.

Một số người muốn chúng ta tin rằng trong thời Cựu Ước, con người được cứu nhờ giữ luật pháp. Trong thư gửi người Ga-la-ti cùng những thư khác, Phao-lô đã sửa sai quan niệm nhầm lẫn này. Ông tuyên bố, “Nhưng chúng tôi biết rằng một người được xưng công chính không phải nhờ vào những công việc của luật pháp mà bởi đức tin trong Đức Chúa Giê-xu Christ... vì chẳng một ai được xưng công chính bởi công việc của luật pháp” (Ga-la-ti 2:16).

Phao-lô còn cho thấy Áp-ra-ham và những thánh đồ khác trong thời Cựu Ước đã được cứu nhờ đức tin, chứ không nhờ giữ luật pháp, “Nhu Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời, và ông được kể là công chính” (Ga-la-ti 3:6). Chúa Giê-xu phán, “Cha các ngươi là Áp-ra-ham vui mừng mong được thấy ngày của Ta; ngươi đã thấy và mừng rỡ” (Giăng 8:56).

Trong Hê-bơ-rơ 11:24-26, chúng ta thấy lời này về Môi-se, “Bởi đức tin, Môi-se lúc đã khôn lớn, từ bỏ danh hiệu mình là con trai của công chúa Pha-ra-ôn, thà cùng con dân Đức Chúa Trời chịu hà hiếp hơn là hưởng thụ lạc thú chóng qua của tội lỗi; Ông coi sự sỉ nhục về Đấng Christ là quý hơn châu báu Ai Cập.”

Những người này được cứu nhờ đức tin nơi Đấng Christ là Đấng sẽ đến, giống như chúng ta được cứu nhờ đức tin nơi Đấng Christ là Đấng đã đến.

Có bốn giai đoạn quan trọng trong kinh nghiệm cứu rỗi.

1. Trở lại đạo

Sự cứu rỗi gồm hai phía: phía thiên thượng và phía con người; phía Đức Chúa Trời và phía loài người. Phía thiên thượng là tái tạo, tức sự tái sanh do Đức Thánh Linh thực hiện trong lòng tín nhân. Điều này sẽ được bàn thêm trong chương sau, khi chúng ta đề cập đến công việc của Đức Thánh Linh. Sẽ nói thêm về công việc của Đức Chúa Trời trong sự cứu rỗi về sau trong chương này. Ở đây chúng ta đang đề cập phần của con người trong sự cứu rỗi. Chúng ta gọi đó là sự trở lại đạo. Trở lại có nghĩa sự xoay chuyển. Khi trở lại đạo, con người đổi hướng. Có hai bước trong kinh nghiệm này.

(1) *Ăn năn*.-Để được cứu, con người phải ăn năn tội. Nhưng ăn năn là gì?

Trước hết, ăn năn không chỉ là tin. Con người không thể được cứu nếu không cảm biết mình có tội. Đây là điểm khác biệt giữa người Pha-ri-si với người thu thuế cùng lên đền thờ cầu nguyện. Người Pha-ri-si không nghĩ mình là tội nhân; người không tin có tội lỗi. Người thu thuế la lớn tiếng, “Lạy Đức Chúa Trời, xin thương xót con vì con là một tội nhân” (Lu-ca 18:13). Ông cảm biết tình trạng tội lỗi của mình trước mặt Đức Chúa Trời.

Nhưng chỉ tin thì chưa phải là ăn năn. Con người có thể cảm nhận sâu xa về tội lỗi, mà vẫn không ăn năn. Có ít người trên đời này chưa từng nhận thức mình là tội nhân. Giu-đa Ích-ca-ri-ốt nhận biết mình phạm tội, nhưng không ăn năn. Từ được dùng cho ông trong Ma-thi-ơ 27:3, “ăn năn,” không phải là ngôn ngữ nguyên thủy có nghĩa ăn năn để được cứu; nhưng dịch đúng hơn, “cảm thấy ân hận.” Ông cảm thấy buồn về việc đã làm, nhưng không phải là cái buồn dẫn tới ăn năn, mà dẫn tới tự sát.

Thứ hai, ăn năn không chỉ là buồn về tội lỗi. Nhiều người cảm thấy buồn về tội lỗi mà không ăn năn. Kinh Thánh đề cập hai loại buồn rầu-buồn rầu tin kính và buồn rầu kiểu thế gian, “Vì sự đau buồn theo ý Đức Chúa Trời sinh ra sự ăn năn để được cứu rỗi; điều này không có gì phải hối tiếc; nhưng sự đau buồn theo thế gian thì dẫn đến sự chết” (2 Cô-rinh-tô 7:10).

Buồn rầu theo thế gian là loại buồn rầu theo cảm nhận của người đời. Có thể là buồn rầu vì lỗi lầm bị phát hiện, và vì có phải đối diện hậu quả của tội lỗi. Đó là lý do khiến cái gọi là ăn năn lúc lâm chung đôi khi được cho là thành thật.

Cách đây vài năm tôi có thăm một người tưởng mình sắp chết. Ông này sám hối sâu xa về tội lỗi mình, nhưng khi Đức Chúa Trời cho ông khỏe lại, ông trở về với lối sống cũ. Sự buồn rầu tin kính là buồn rầu do nhận biết bản chất kinh khiếp của tội lỗi là điều chống lại Đức Chúa Trời. Loại buồn rầu này chưa phải là ăn năn, nhưng Phao-lô nói, sẽ dẫn tới ăn năn.

Thứ ba, ăn năn là thay đổi suy nghĩ về tội lỗi liên quan đến Đức Chúa Trời--nhờ đó, thay đổi cách sống. Ăn năn là từ bỏ tội lỗi vì kính sợ Chúa. Nhưng chỉ thay đổi chưa phải là ăn năn thật. Con người có thể cải đổi vì nhiều lý do khác nhau.

Ăn năn thật là một kinh nghiệm bên trong biểu lộ bằng sự thay đổi bên ngoài trong cách sống. Sự thay đổi bên ngoài sẽ nổi bật nơi người này hơn nơi người khác, tùy mức độ phạm tội. Tội càng nghiêm trọng, sự thay đổi bên ngoài càng nổi bật.

Nhưng ăn năn là một kinh nghiệm cần thiết cho mọi người, vì mọi người đều đã phạm tội. Con người biết mình có tội và thấy được tội là như thế nào đối với Đức Chúa Trời thánh khiết. Người quyết định trong lòng từ bỏ tội lỗi. Sự thay đổi bên ngoài trong cách sống, là kết quả của sự ăn năn. Giảng Báp-tít kêu gọi người Pha-ri-si và Sa-đu-sê hãy “kết quả xứng đáng với sự ăn năn” (Ma-thi-ơ 3:8), và như vậy mới chứng tỏ họ đã ăn năn thật.

Thứ tư, ăn năn là một kinh nghiệm cần thiết. Ăn năn không phải là sự cứu rỗi, mà là một điều kèm theo sự cứu rỗi, một điều mà nếu thiếu, thì không thể kinh nghiệm được sự cứu rỗi. Vì vậy, Kinh Thánh nhấn mạnh cần phải ăn năn. Chúa Giê-xu phán với dân chúng trong thời của Ngài, “Nếu các ngươi chẳng ăn năn, thì tất cả sẽ bị hư mất như vậy” (Lu-ca 13:3).

Thứ năm, ăn năn thật, kéo theo sự bồi thường. Khi ăn năn thật, con người quyết định không chỉ ngưng phạm tội, mà còn bồi thường cho tội lỗi quá khứ theo khả năng của mình.

Dĩ nhiên có nhiều thứ con người đã làm mà không bồi thường được, nhưng cũng có nhiều thứ có thể bồi thường. Nếu phạm tội trộm cắp, thì ăn năn không chỉ có nghĩa quyết định không trộm cắp nữa, mà còn có nghĩa hoàn trả lại vật đã ăn cắp. Khi Xa-chê kinh nghiệm ăn năn thật, ông đứng trước mặt dân chúng, nói, “Nếu có làm thiệt hại ai bất kỳ việc gì, tôi sẽ đền gấp tư” (Lu-ca 19:8).

Như vậy đây là bước đầu trong kinh nghiệm trở lại đạo, ăn năn từ bỏ mọi tội lỗi mình biết được.

(2) *Đức tin*.- Đức tin mang lại sự cứu rỗi không phải là tin vào sách vở, dù sách có là Kinh Thánh đi nữa; cũng không phải tin vào tín điều, cho dù tín điều đó có chính thống tới đâu; cũng không phải tin vào một tổ chức, cho dù tổ chức đó là hội thánh. Đức tin cứu rỗi là tin nơi Chúa Giê-xu Christ.

Phao-lô giảng, “Ăn năn đối với Đức Chúa Trời, và đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ, Chúa chúng ta” (Công Vụ 20:21). Ăn năn phải hướng về Đức Chúa Trời, vì tội lỗi là chống nghịch Đức Chúa Trời. Đức tin phải hướng về Chúa Giê-xu Christ vì Ngài là Đấng đã chuộc tội chúng ta.

Trong đức tin có một vài yếu tố.

Thứ nhất là niềm tin, được gọi là yếu tố trí thức trong đức tin. Để được cứu, con người phải tin một điều gì đó. Và vì đức tin hướng về Chúa Giê-xu Christ, nên con người tin điều gì đó về Đấng Christ. Người đó phải chấp nhận về mặt trí thức chân lý về thân vị và công việc của Đấng Christ như được mô tả trong Tân Ước.

Chúng ta không nên nói, dù tin ít, vẫn được cứu. Tôi thích câu nói của một ông bạn mục sư cách đây vài năm, “Tôi thà tin quá nhiều còn hơn quá ít.” Nhưng niềm tin tự nó không phải là đức tin cứu rỗi. Có thể tin hết mọi điều trong Thánh Kinh liên quan đến Đấng Christ mà vẫn không phải là Cơ Đốc nhân.

Thứ hai, cần có sự chấp nhận. Để được cứu, phải tiếp nhận Giê-xu Christ làm Cứu Chúa của riêng mình; phải tiếp nhận cho chính mình công tác cứu rỗi của Đấng Christ. Có thể tin thực phẩm duy trì sự sống và nuôi dưỡng cơ thể, nhưng con người sẽ chết đói nếu không ăn. Giống như vậy, có thể tin Giê-xu Christ đã chết thế tội và chuộc tội cho mình, nhưng con người vẫn chết vì tội lỗi nếu không tiếp nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa của cá nhân mình, “Nhưng bất cứ ai tiếp nhận

Ngài, tức là tin danh Ngài, thì Ngài ban cho họ quyền trở nên con của Đức Chúa Trời” (Giăng 1:12).

Thứ ba, đức tin bao gồm sự đầu phục. Đức tin cứu rỗi không chỉ là niềm tin nơi Đấng Christ và chấp nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa, mà là đầu phục Đấng Christ. Con người biết mình có tội và bị hư mất. Người nhìn thấy trong Giê-xu Christ hi vọng cứu rỗi duy nhất và đầu phục Ngài. Kinh nghiệm này được ví sánh với người sắp chết đuối trong dòng nước đang dâng cao cách xa đất liền. Một chiếc thuyền cứu nạn tới cứu giúp. Người gặp nạn có thể tin rằng thuyền sẽ đưa mình an toàn vào bờ, và người lái thuyền có khả năng điều khiển thuyền đi đúng hướng, nhưng người sẽ không được cứu thoát, trừ khi bước vào thuyền và phó thác mình cho người lái thuyền chăm sóc.

Tội nhân có thể tin Đấng Christ đã chuộc tội cho mình, và Ngài có thể cứu người khỏi tội, nhưng người đó sẽ không bao giờ được cứu nếu chưa đầu phục Đấng Christ.

Đây là hai bước trong sự trở lại đạo: ăn năn đối với Đức Chúa Trời và đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ.

2. Xưng công chính

Kinh nghiệm cứu rỗi không chỉ là sự trở lại đạo, từ bỏ tội lỗi, và quay về với Chúa Giê-xu Christ. Không chỉ là sự tái tạo, sanh lại bởi Đức Thánh Linh. Khi ăn năn tội, con người đặt niềm tin nơi Đấng Christ, Đức Chúa Trời tha tội cho người. Nhưng Ngài còn làm nhiều hơn thế nữa; Ngài phục hồi đặc ân thiên thượng cho tội nhân.

Khi quay về nhà, người con trai hoang đảng xin cha tha thứ, và cho mình giữ vị trí của đầy tớ trong gia đình. Nhưng cha không những đã tha thứ, mà còn phục hồi địa vị ngày trước cho con và đối xử như thể con chưa từng bỏ nhà đi hoang. Đây cũng chính là điều Đức Chúa Trời làm cho tội nhân ăn năn trở về trong sám hối và niềm tin. Ngài không

chỉ tha thứ mà còn phục hồi ân huệ thiên thượng cho người và đối xử như thể người chưa từng phạm tội. Điều này gọi là xưng công chính, tức là động tác qua đó Đức Chúa Trời công bố tội nhân là công chính nhờ đức tin nơi Đấng Christ.

Phao-lô nói nhiều về sự xưng công chính. Ông tuyên bố con người được xưng công chính nhờ đức tin, không nhờ việc làm của luật pháp. Một trong những phân đoạn quan trọng nhất là Rô-ma 5:1-2, “VẬY, khi đã được xưng công chính bởi đức tin, chúng ta được hòa thuận với Đức Chúa Trời qua Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-xu Christ; Nhờ Ngài, chúng ta bởi đức tin được bước vào trong ân điển này, là ân điển mà nhờ đó chúng ta đang đứng vững và vui mừng với hi vọng được hưởng vinh quang của Đức Chúa Trời.” Những câu này tuyên bố xưng công chính là động tác của Đức Chúa Trời đáp lại niềm tin của con người và dẫn tới kết quả hòa thuận với Đức Chúa Trời, được đến gần ân sủng thiên thượng và hưởng niềm vui bền lâu.

3. Nhận làm con nuôi

Đức Chúa Trời không chỉ tha thứ và xưng công chính cho tín nhân, Ngài còn nhận họ vào gia đình của Ngài và cho họ làm con cái Ngài, “Thật vậy, anh em đã không nhận lấy tinh thần làm nô lệ để cứ sống trong sự sợ hãi; nhưng đã nhận lấy tinh thần làm con nuôi và nhờ đó, chúng ta gọi rằng, “A-ba, Cha!” (Rô-ma 8:15).

Thật tuyệt diệu khi được tha thứ và phục hồi ân huệ thiên thượng nhưng còn tuyệt diệu hơn nữa, khi được nhìn nhận là con cái Đức Chúa Trời. Điều này quá tuyệt vời đối với Giăng, người môn đồ yêu dấu của Chúa. Khi suy gẫm lẽ thật phước hạnh này, ông thốt lên, “Hãy xem Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta tình yêu lớn dường nào, đến nỗi chúng ta được gọi là con cái Đức Chúa Trời; và chúng ta thật là con cái Ngài” (1 Giăng 3:1).

Trong bản chất, con người không phải là con cái Đức Chúa Trời. Mọi người “đều mang bản chất con của sự thịnh nộ” (Ê-phê-sô 2:3). Họ trở thành con cái Đức Chúa Trời nhờ đức tin nơi Đấng Christ, “Vì bởi đức tin trong Đấng Christ Giê-xu, tất cả anh em đều là con Đức Chúa Trời” (Ga-la-ti 3:26).

4. Thánh hóa

Theo bản chất, trẻ em bình thường thì tăng trưởng. Nếu trẻ cứ mãi là trẻ, về thể chất hoặc trí tuệ, thì chắc chắn là bất bình thường. Giống như vậy, con cái Đức Chúa Trời thì tăng trưởng về tâm linh. Khi được sinh ra bởi thần của Đức Chúa Trời, con người chỉ là một hài nhi trong Đấng Christ. Nhưng Cơ Đốc nhân bình thường sẽ không mãi là hài nhi.

Trong 1 Phi-e-rơ 2:2, sứ đồ nói, “Anh em hãy khao khát sữa thiêng liêng thuần khiết như trẻ sơ sinh, để nhờ đó anh em được lớn lên trong sự cứu rỗi.” Và ông kết thúc bức thư thứ nhì của mình với lời nhắc nhở, “Nhưng hãy lớn lên trong sự hiểu biết Chúa chúng ta và Cứu Chúa Giê-xu Christ.”

Phao-lô diễn ý theo cách sau đây, “Cho đến khi tất cả chúng ta đều đạt đến sự hiệp nhất trong đức tin và trong sự hiểu biết Con Đức Chúa Trời, để trở nên người trưởng thành, đạt đến tầm vóc đầy trọn của Đấng Christ. Như vậy, chúng ta không còn là trẻ con, bị dỗi dập và cuốn theo luồng gió học thuyết, bởi sự xảo quyệt của con người và những mảnh khoe lừa dối của họ.” (Ê-phê-sô 4:13-14).

Sự tăng trưởng này trong kinh nghiệm Cơ Đốc được gọi là sự thánh hóa. Công việc này không được hoàn tất trên cõi đời này, như một số người nói, mà là một tiến trình sẽ được hoàn tất khi Cơ Đốc nhân chiêm ngưỡng mặt Chúa vinh quang của mình, “Thưa anh em yêu dấu, hiện bây giờ chúng ta là con cái Đức Chúa Trời, còn chúng ta sẽ như thế nào thì chưa được bày tỏ. Chúng ta biết rằng khi Ngài hiện đến,

chúng ta sẽ giống như Ngài; vì chúng ta sẽ thấy Ngài như Ngài vốn có vậy” (1 Giăng 3:2).

Thánh hóa khởi sự bằng một kinh nghiệm–tái sanh; và tiếp diễn nhờ hành động của Thánh Linh trong tấm lòng và đời sống; và kết thúc tại đỉnh cao vinh quang trong sự hiện diện của Chúa chúng ta. Người khôn ngoan nói, “Nhưng đường người công chính sáng như mặt trời chiếu rạng, càng sáng thêm cho đến giữa trưa” (Châm Ngôn 4:18). Con đường này bắt đầu trong ánh sáng bình minh của sự tái sanh, và tỏa sáng gia tăng rạng ngời khi mặt trời lên cao trong ngày của cuộc đời, đạt tới đỉnh cao trong vinh quang của ngày trường cửu.

II. VÀI LẼ THẬT VỀ SỰ CỨU RỠI

Cần suy nghĩ rõ ràng và theo sát lời Kinh Thánh trong vấn đề quan trọng này, vì đây chính là điểm con người thường nhầm lẫn.

1. Quà tặng miễn phí

“Sự ban cho của Đức Chúa Trời ấy là sự sống đời đời trong Đấng Christ Giê-xu, Chúa chúng ta” (Rô-ma 6:23). Con người không thể mua sự cứu rỗi, cũng không thể đạt được nhờ làm việc thiện, “Vì nhờ ân điển bởi đức tin mà anh em được cứu; điều này không đến từ anh em, mà là tặng phẩm của Đức Chúa Trời; cũng không do việc làm của anh em để không ai có thể tự hào. Vì chúng ta là công trình của tay Ngài, được tạo dựng trong Đấng Christ Giê-xu để thực hiện những việc lành mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị từ trước để chúng ta làm theo” (Ê-phê-sô 2:8-10).

Chúng ta không được cứu nhờ việc lành, mà để làm việc lành. Đây là bài học khó đối với con người. Họ vẫn nhấn mạnh cố gắng làm lành hoặc rèn luyện tâm tánh tốt để được cứu. Nhưng sự cứu rỗi là quà cho không của Đức Chúa Trời, và không ai có được, nếu không sẵn sàng tiếp nhận như tặng phẩm biếu không.

Nhưng có người nói, “Phao-lô há chẳng nói trong thư Phi-líp 2:12, 'Hãy lấy lòng sợ sệt và run rẩy mà hoàn tất sự cứu rỗi của chính mình' sao?” Nên nhớ rằng những lời này nói với người đã là Cơ Đốc nhân. Trong câu kế tiếp, Phao-lô nói, “Vì Đức Chúa Trời là Đấng đang hành động trong anh em, để anh em vừa muốn vừa làm theo ý tốt của Ngài.” Đức Chúa Trời hành động bên trong, con người phải bày tỏ ra bên ngoài.

Giống như một người cha giao nông trại cho con. Nông trại chẳng tốn kém gì đối với con, đó là quà cho không của cha. Nhưng con làm ra được gì với nông trại, tùy thuộc cái gì anh ta gieo xuống đất. Nếu anh ta chệnh mảng, đất nông trại sẽ chỉ mọc lên cỏ lùng và cỏ dại, chẳng có vụ gặt. Còn nếu anh chăm chỉ canh tác, nông trại sẽ mang lại vụ gặt dồi dào.

Giống như vậy, sự cứu rỗi là quà biếu không từ Đức Chúa Trời. Người tiếp nhận chẳng tốn kém gì. Nhưng kết quả nếp sống Cơ Đốc của người tùy thuộc cách sống của người. Nếu người lơ là chệnh mảng, đời sống của người sẽ là cảnh tâm linh nghèo đói. Nhưng nếu người cố gắng gieo điều tốt nhất, người sẽ nhận được phần thưởng dư dật. Đó là ý nghĩa khi Phao-lô nói, “Nếu công trình của ai xây trên nền được tồn tại thì người ấy sẽ nhận được phần thưởng. Còn nếu công trình của người nào bị thiêu hủy thì sẽ mất phần thưởng; về phần người ấy sẽ được cứu; nhưng dường như qua lửa” (1 Cô-rinh-tô 3:14-15).

2. Một kinh nghiệm riêng tư, cá nhân

Lời Đức Chúa Trời tôn cao giá trị của từng cá nhân cùng giá trị của nhân cách con người. Trong kinh nghiệm cứu rỗi, Đức Chúa Trời không cư xử với con người theo gia đình hoặc theo nhóm. Một số người có thể được cứu cùng một lúc, nhưng mỗi người phải kinh nghiệm sự cứu rỗi cho riêng mình. “Như vậy mỗi người chúng ta sẽ tường trình về chính mình với Đức Chúa Trời” (Rô-ma 14:12), là lời

Phao-lô cảnh báo Cơ Đốc nhân La-mã. Có hai lẽ thật cần được nhấn mạnh ở đây.

(1) *Năng lực của linh hồn.*- Cá nhân có khả năng trao đổi với Đức Chúa Trời cho riêng mình. Đôi khi trường hợp này gọi là năng lực của linh hồn. Cá nhân không cần qua linh mục hoặc người trung gian nào để đến gần Đức Chúa Trời. Người có thể trực tiếp đến với Đức Chúa Trời không cần sự trợ giúp của ai hoặc của tổ chức nào. Người phải tự trao đổi với Đức Chúa Trời, vì không ai có thể trả lời Đức Chúa Trời thế cho người được. Không thể có tôn giáo ủy nhiệm. Cha mẹ và bạn hữu có thể giúp cá nhân đến gần Đức Chúa Trời, nhưng không thể trao đổi với Đức Chúa Trời thế cho người được.

(2) *Tự do của linh hồn.*- Cá nhân có quyền trao đổi với Đức Chúa Trời cho riêng mình, tức là thứ quyền không ai phủ nhận được. Đây gọi là tự do của linh hồn. Cá nhân phải được tự do đọc và giải thích Lời Đức Chúa Trời cho riêng mình, vì người phải được tự do thờ phượng Đức Chúa Trời theo sự thúc giục của lương tâm.

Không con người hoặc tổ chức nào có quyền đứng chắn giữa một linh hồn với Đức Chúa Trời để cản trở không cho linh hồn đó lại gần Đức Chúa Trời. Nếu cá nhân chịu trách nhiệm với Đức Chúa Trời về chính mình, thì người đó phải được tự do một mình đến với Đức Chúa Trời. Người khác có thể giúp người, nhưng không có quyền ngăn cản người.

3. Một kinh nghiệm ba mặt

Sự cứu rỗi gồm ba giai đoạn. Có kinh nghiệm khởi đầu--sự đổi mới; kinh nghiệm tăng trưởng--sự thánh hóa; và kinh nghiệm sau cùng--được vinh hiển. Đó là cứu khỏi tội lỗi, và cứu khỏi quyền lực của tội lỗi, và cuối cùng là cứu khỏi sự hiện diện của tội lỗi. Sự cứu rỗi có trong ba thì: quá khứ, chúng ta đã được cứu--đó là sự tái sanh (Ê-phê-sô

2:5,8); hiện tại, chúng ta đang được cứu--đó là sự thánh hóa (Phi-líp 2:12); tương lai, chúng ta sẽ được cứu--đó là sự nên vinh hiển (Rô-ma 5:9; 13:11).

4. Sự trường tồn kéo dài

Khi thực sự được cứu, con người mãi mãi được cứu. Chúa Giê-xu phán, “Chiên Ta nghe tiếng Ta, Ta biết chúng và chúng theo Ta. Ta ban cho chúng sự sống đời đời, chúng chẳng hư mất bao giờ, và chẳng ai cướp chúng khỏi tay Ta. Cha Ta, Đấng vĩ đại hơn tất cả, đã cho Ta những chiên ấy, và chẳng ai cướp được chúng khỏi tay Cha” (Giăng 10:27-29).

Về phía con người, đây là sự kiên trì của thánh đờ. Về phía Đức Chúa Trời đây là sự bảo tồn thiên thượng. Thánh đờ kiên trì, còn Đức Chúa Trời bảo tồn, “Tôi tin chắc rằng Đấng đã bắt đầu làm việc lành trong anh em, sẽ làm trọn việc ấy cho đến ngày của Đấng Christ Giê-xu” (Phi-líp 1:6); “Là những người nhờ đức tin được gìn giữ bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, để nhận sự cứu rỗi là điều sẵn sàng bày tỏ ra trong thời kỳ cuối cùng” (1 Phi-e-rơ 1:5).

Điều này không chỉ hợp với lời hứa của Đức Chúa Trời mà còn với những lời được dùng mô tả sự cứu rỗi. Đó là sự tái sinh. Khi được cứu, người được sanh bởi Đức Chúa Trời. Đây là kinh nghiệm một lần đủ cả. Khi tin Chúa Giê-xu Christ, người nhận được tặng phẩm sự sống đời đời, “Ai tin Con thì được sự sống đời đời” (Giăng 3:36). Nếu đó là sự sống đời đời, thì không thể kết thúc, mà còn đến muôn đời.

5. Kêu gọi xưng nhận công khai

Chúng ta có lời của Phao-lô, “Vậy nếu miệng anh em xưng Đức Chúa Giê-xu là Chúa, và lòng anh em tin rằng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ cõi chết sống lại, thì anh em sẽ được cứu. Vì ai tin trong lòng thì

được xưng công chính; ai tuyên xưng nơi miệng thì được cứu rỗi” (Rô-ma 10:9-10).

Chuyện người nào chưa công khai xưng nhận đức tin nơi Đấng Christ, có được cứu hay không, thì con người không biết chắc được. Nhưng chắc chắn là người nào từ chối công khai xưng nhận đức tin, thì không bao giờ có thể kinh nghiệm sự thỏa mãn hoàn toàn vì được cứu.

6. Tự bày tỏ trong sự vâng lời

Chúa phán, “Nếu ai yêu mến Ta, thì sẽ vâng giữ lời Ta” (Giăng 14:23); và, “Ai không yêu mến Ta thì không vâng giữ các lời Ta” (c.24). Tác giả thư Hê-bơ-rơ cũng nói, “Và khi đã hoàn tất, Ngài trở nên cội nguồn của ơn cứu rỗi đời đời cho mọi người vâng lời Ngài” (Hê-bơ-rơ 5:9). Sự cứu rỗi tự bày tỏ trong sự vâng lời.

Sự vâng lời vừa tiêu cực vừa tích cực. Vâng lời có nghĩa tránh xa mọi điều xấu, giữ mình khỏi mọi ô nhiễm thế gian (Gia-cơ 1:27). Cũng có nghĩa làm điều tốt, hiến dâng đời mình phục vụ Đức Chúa Trời.

Hai mặt này của sự vâng lời được nêu rõ trong Rô-ma 12:1-2, “Vậy thưa anh em, bởi sự thương xót của Đức Chúa Trời, tôi nài xin anh em dâng thân thể mình làm sinh tế sống, thánh khiết và đẹp lòng Đức Chúa Trời, đó là sự thờ phượng phải lẽ của anh em. Đừng khuôn rập theo đời này, nhưng phải được biến hóa bởi sự đổi mới của tâm trí mình, để phân biệt đâu là ý muốn tốt đẹp, vừa lòng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời.”

7. Sự cứu rỗi được ban cho mọi người

Kinh Thánh công bố Đức Chúa Trời “kiên nhẫn đối với anh em, không muốn một người nào chết mất, mà muốn mọi người đều ăn năn” (2 Phi-e-rơ 3:9); và Ngài “muốn mọi người được cứu rỗi và nhận biết chân lý” (1 Ti-mô-thê 2:4).

Chính tình yêu của Đức Chúa Trời đối với toàn thể gian, đã khiến Ngài sai Con xuống thế gian, “Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất, mà được sự sống đời đời” (Giăng 3:16).

Để cứu thế gian, Chúa Giê-xu đã lên thập tự giá chịu chết, “Chính Ngài làm tế lễ chuộc tội lỗi chúng ta; không những vì tội của chúng ta thôi, nhưng còn vì tội của cả thế gian nữa” (1 Giăng 2:2).

Đức Chúa Trời đã sai phái hội thánh Ngài đem phúc âm cho toàn thể gian, “Vậy, hãy đi khiến muôn dân trở nên môn đồ Ta” (Ma-thi-ơ 28:19).

Người Do Thái khó chấp nhận lẽ thật này. Họ nghĩ sự cứu rỗi chỉ dành riêng cho dân Do Thái. Khi Phi-e-rơ theo lệnh của Đức Thánh Linh, đem sứ điệp phúc âm đến cho gia đình Cọt-nây, đã gây xôn xao trong hội thánh tại Giê-ru-sa-lem, gồm toàn Cơ Đốc nhân Do Thái vào thời điểm đó. Nhưng Đức Chúa Trời chẳng vị nể ai. Ngài không hề có con cưng trong các dân. Ngài ban cơ hội nhiều hơn cho một số người, so với người khác, nhưng cơ hội nhiều hơn, luôn luôn kéo theo trách nhiệm lớn hơn.

III. GIÁO LÝ VỀ SỰ TUYỂN CHỌN

Giáo lý trong Kinh Thánh về sự tuyển chọn là hòn đá gây vấp ngã cho nhiều người. Kinh Thánh tuyên bố rằng Đức Chúa Trời đã chọn một số người cho được cứu, ngay trước lúc họ chào đời, “Dù hai con chưa sinh ra, chưa làm điều lành hay điều dữ nào--để duy trì mục đích của Đức Chúa Trời trong việc lựa chọn, không tùy thuộc vào việc làm nhưng tùy thuộc Đấng kêu gọi--thì người mẹ đã được bảo trước rằng: 'Đứa lớn sẽ phục dịch đứa nhỏ'. Như đã có chép: Ta yêu Gia-cốp nhưng ghét Ê-sau” (Rô-ma 9:11-13).

Ê-phê-sô 1:4-5 khẳng định mạnh hơn, “Ngay cả trước khi sáng thế, Ngài đã chọn chúng ta trong Đấng Christ để chúng ta được thánh hóa và không chỗ chê trách trước mặt Ngài. Trong tình yêu thương, Ngài đã định sẵn cho chúng ta địa vị làm con của Ngài bởi Đức Chúa Giê-xu Christ theo mục đích tốt đẹp của ý muốn Ngài.”

Và trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13, “Thưa anh em là những người yêu dấu của Chúa, chúng tôi buộc phải luôn luôn cảm tạ Đức Chúa Trời về anh em không thôi, vì từ ban đầu Ngài đã chọn để ban sự cứu rỗi cho anh em qua sự thánh hóa bởi Thánh Linh và lòng tin vào chân lý.” Có thể kể thêm nhiều phân đoạn khác nói về giáo lý được tuyển chọn.

Một giáo lý như vậy có chứng tỏ Đức Chúa Trời thiên vị, và cướp mất sự tự do cá nhân không? Không ai có thể phủ nhận điều huyền nhiệm trong giáo lý này. Và chắc chắn, cũng không ai tự cho mình có thể giải thích cách thấu đáo. Nhưng Kinh Thánh khẳng định rằng sự tuyển chọn dựa trên sự biết trước của Đức Chúa Trời, “Vì những người Ngài đã biết trước, thì Ngài cũng đã định sẵn cho họ trở nên giống như hình ảnh Con Ngài” (Rô-ma 8:29); “Những người được chọn lựa theo sự biết trước của Đức Chúa Trời là Cha, và được thánh hóa bởi Thánh Linh, để vâng phục Đức Chúa Giê-xu Christ và dự phần trong sự rỗi huyết Ngài” (1 Phi-e-rơ 1:1-2).

Đức Chúa Trời không bị hạn chế bởi thời gian. Đối với Ngài, không có hiện tại, quá khứ, và tương lai mà chỉ có bây giờ đời đời. Ngài biết mọi sự ngay từ khởi đầu. Do đó, việc Ngài tuyển chọn không vô hiệu hóa quyền tự do lựa chọn của con người. Đức Chúa Trời biết con người sẽ chọn gì. Các phân đoạn Kinh Thánh trên cho thấy phần nào ý nghĩa của giáo lý khó hiểu này, nhưng không hoàn toàn giải thích tất cả.

CÂU HỎI ÔN BÀI VÀ THI

1. Kể ra hai bước trong sự trở lại đạo.
2. Đức tin có ba yếu tố nào?
3. Thánh hóa có nghĩa gì?
4. Theo ý nghĩa nào, sự cứu rỗi gồm ba giai đoạn?
5. Giải thích sự cứu rỗi là một kinh nghiệm cá nhân.

7. Thần Quyền Năng

“Nhưng khi Đức Thánh Linh giáng trên các con, thì các con sẽ nhận được lấy quyền năng” (Công Vụ 1:8).

Đề cập đầu tiên về Thánh Linh trong Kinh Thánh, là trong Sáng Thế Ký 1:2, “Và Thần của Đức Chúa Trời vận hành trên mặt nước.” Đây là ám chỉ về Thánh Linh xuyên suốt Kinh Thánh Cựu Ước và thường kèm theo việc ban ân tứ hoặc quyền năng.

Ngài ban cho con người sự khôn ngoan và kỹ năng, “Ta đã cho người đầy dẫy Thần của Đức Chúa Trời cùng với sự khéo tay, thông minh, và sự hiểu biết trong lãnh vực thủ công mỹ nghệ” (Xuất Ai Cập Ký 31:3).

Ngài ban quyền năng để làm công việc đặc biệt, “Một con sư tử tở phóng ra và gầm thét trước mặt ông. Thần của Đức Giê-hô-va tác động mạnh mẽ trên Sam-sôn đến nỗi ông dùng tay xé con sư tử ấy như xé con dê con” (Các Thảm Phán 14:5-6).

Ngài thần cảm các tiên tri nói lên sự diệu của Đức Chúa Trời, “Ngài vừa phán với tôi như vậy thì Thần vào trong tôi, làm cho chân tôi đứng lên; và tôi nghe Đấng đang phán với mình” (Ê-xê-chi-ên 2:2).

Phi-e-rơ tuyên bố Thánh Linh đã hướng dẫn những người viết Kinh Thánh Cựu Ước, “Nhưng người ta được Đức Thánh Linh cảm thúc nói ra từ Đức Chúa Trời” (2 Phi-e-rơ 1:21).

Nhưng chính trong Tân Ước chúng ta mới tìm thấy giáo lý đầy đủ về Thánh Linh.

I. THÂN VỊ CỦA ĐỨC THÁNH LINH

Thánh Linh là thân vị thứ ba trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời.

1. Thánh Linh là một thân vị

Từ “thân vị” được dùng liên quan đến giáo lý Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Rõ ràng là khi dùng như vậy, từ này không có nghĩa hoàn toàn chính xác như trong ngôn ngữ thông thường của chúng ta. Khi nói tới một người, chúng ta nghĩ tới một cá nhân tách biệt và khác với những người khác.

Tiến sĩ Mullins nói, “Một thân vị thiên thượng không thua kém một con người, mà hơn con người.” Tâm trí hữu hạn của con người không thể định nghĩa những khác biệt này trong Ba Ngôi được.

Kinh Thánh trình bày Thánh Linh như một sinh vật có thân vị, không chỉ là ảnh hưởng hoặc một sức mạnh đang hành động trong thế gian.

(1) *Công việc Ngài làm.*- Thánh Linh được mô tả như đang làm công việc của một con người. Ngài làm chứng, Ngài quở trách, Ngài an ủi, Ngài dạy dỗ, Ngài dẫn dắt, Ngài phấn đấu, Ngài giúp đỡ. Những từ như vậy chỉ có thể dùng cho con người.

(2) *Ảnh hưởng của hành động con người trên Ngài.*- Thánh Linh chịu ảnh hưởng như con người, bởi hành động của người khác. Ngài có thể bị chống đối, bị đau buồn, bị phiền lòng, bị lăng mạ, bị xúc phạm. Chỉ có thân vị mới có thể bị ảnh hưởng bởi hành động của người khác.

2. Thánh Linh là Đức Chúa Trời

Kinh Thánh trình bày Thánh Linh không chỉ là một thân vị, mà còn là thân vị thiên thượng.

(1) *Được gọi là Đức Chúa Trời.*- Trong lời quở trách A-na-nia, Phi-e-rơ nói, “Này A-na-nia sao để Sa-tan đầy dẫy lòng anh, đến nỗi anh nói dối Đức Thánh Linh? (Công Vụ 5:3). Rồi trong câu kế, ông nói, “không phải anh nói dối loài người đâu, mà là nói dối Đức Chúa Trời.”

(2) *Được qui cho các thuộc tánh của Đức Chúa Trời.*- Thánh Linh được mô tả là toàn tại; “Con sẽ đi đâu xa Thần Chúa? Con sẽ trốn đâu khỏi

sự hiện diện của Ngài?” (Thi Thiên 139:7). Ngài được mô tả là toàn tri, “Vì Thánh Linh thấu suốt mọi sự, ngay cả những điều sâu nhiệm của Đức Chúa Trời” (1 Cô-rinh-tô 2:10). Sự toàn năng cũng đã được qui cho Ngài, “Tất cả những điều này là công việc của cùng một Thánh Linh, Ngài ban phát ân tứ cho từng người tùy theo ý Ngài” (1 Cô-rinh-tô 12:11).

(3) *Được mô tả làm công việc của Đức Chúa Trời.*- Thánh Linh thuyết phục về tội lỗi; Ngài là tác nhân trong sự đổi mới hoặc tái sinh. Trong Rô-ma 8:11, sự sống lại được cho là công việc của Thánh Linh, “Nếu Thánh Linh của Đấng đã khiến Đức Chúa Giê-xu sống lại từ cõi chết ở trong anh em, thì Đấng đã khiến Đấng Christ sống lại từ cõi chết cũng sẽ nhờ Thánh Linh Ngài đang ở trong anh em mà ban sự sống cho thân thể hay chết của anh em.”

II. LỜI HỨA VỀ ĐỨC THÁNH LINH

Trong khi có nhiều biểu hiện về Thánh Linh xuyên suốt thời Cựu Ước, thì cũng có một biểu hiện đặc biệt về sự hiện diện và quyền năng của Ngài. Ngài phải đến theo cách cụ thể và cứ ở luôn trong thế gian.

1. Các lời tiên tri Cựu Ước

Nhiều thế kỷ trước ngày Ngũ Tuần, đã có tiên báo sự giáng xuống của Thánh Linh, “Sau đó, Ta sẽ đổ Thần ta trên mọi xác thịt. Con trai và con gái các con sẽ nói tiên tri; những người già được báo mộng, Các thanh niên sẽ thấy khải tượng. Trong những ngày ấy, Ta cũng đổ Thần ta trên các tôi trai tớ gái” (Giô-ên 2:28-29). Trong ngày Ngũ Tuần trọng đại, Phi-e-rơ trích lại lời hứa này và công bố rằng lời hứa đó đã được ứng nghiệm qua các sự kiện ngày hôm ấy (Công Vụ 2:17-18).

2. Lời hứa của Chúa Giê-xu

Chính Chúa Giê-xu đã hứa cụ thể về sự giáng xuống của Thánh Linh. Trong sứ điệp từ giã môn đồ Ngài trên phòng cao, Ngài phán, “Ta sẽ cầu xin Cha, Ngài sẽ ban cho các con một Đấng An Ủi khác để Ngài ở với các con đời đời, tức là Thần Chân Lý” (Giăng 14:16-17). “Nhưng Đấng An Ủi tức là Đức Thánh Linh mà Cha sẽ nhơn danh Ta sai đến, Ngài sẽ dạy dỗ các con mọi điều” (Giăng 14:26). “Vì nếu Ta không đi, thì Đấng An Ủi sẽ không đến với các con. Nhưng nếu Ta đi, Ta sẽ sai Ngài đến” (Giăng 16:7). Trong ngày thăng thiên, Ngài phán với môn đồ, “Còn về phần các con, hãy đợi trong thành cho đến khi được mặc lấy quyền năng từ trên cao” (Lu-ca 24:49).

III. ĐỨC THÁNH LINH GIÁNG LÂM

Chúng ta có ghi lại về sự kiện trọng đại này trong Công Vụ Các Sứ Đồ 2:1-4, “Đến ngày Lễ Ngũ Tuần, các môn đồ nhóm họp tại một chỗ. Thành linh có tiếng động từ trời đến như tiếng gió thổi ào ào, đầy khắp nhà môn đồ ngồi. Các môn đồ thấy những lưỡi như lưỡi lửa xuất hiện, tản ra và đậu trên mỗi người trong họ. Tất cả đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh, bắt đầu nói các ngôn ngữ khác, theo như Thánh Linh cho họ nói.”

Có một số sự kiện liên quan việc Đức Thánh Linh giáng xuống đáng được lưu ý đặc biệt.

1. Một sự kiện có một không hai

Việc Thánh Linh giáng xuống là một lần duy nhất như sự giáng sinh của Chúa Giê-xu. Sẽ không bao giờ có ngày Ngũ Tuần nào khác, cũng như sẽ không bao giờ có sự nhập thể nào khác của Con Đức Chúa Trời. Có thể có những kinh nghiệm Ngũ Tuần, khi mọi người nam nữ dâng hiến đời mình toàn vẹn hơn cho Thánh Linh, nhưng sẽ không bao giờ có ngày Ngũ Tuần nào khác giống như ở phòng cao. Ai dùng ngày Ngũ Tuần làm thẩm quyền cho cái gọi là phước hạnh thứ hai đã nhầm lẫn.

Ngũ Tuần là sự giáng xuống một lần duy nhất của Thánh Linh để đảm trách công việc của Ngài trên thế gian.

2. Một lần cho mọi thời đại

Trong lời hứa của Ngài về sự giáng xuống của Thánh Linh, Chúa Giê-xu phán, “Ta sẽ cầu xin Cha, Ngài sẽ ban cho các con một Đấng An Ủi khác, để ở với các con đời đời” (Giăng 14:16). Thánh Linh đã ở trên thế gian gần hai ngàn năm, và Ngài sẽ ở đây mãi cho tới tận thế.

3. Có dấu hiệu đi kèm

Cần lưu ý các biểu tượng hàm ý:

(1) *Âm thanh như tiếng gió mạnh thổi ào ào* (Công Vụ 2:2).- Kinh Thánh không nói gió là Thánh Linh; nhưng sự xuất hiện của Thánh Linh kèm theo âm thanh như tiếng gió mạnh ào ào, vốn là biểu tượng của Thánh Linh. Chúa chúng ta mô tả Thánh Linh cũng giống như vậy, “Gió muốn thổi đâu thì thổi, người nghe tiếng gió, nhưng không biết gió đến từ đâu, và đi đâu. Người nào sinh bởi Thánh Linh thì cũng như vậy” (Giăng 3:8).

Biểu tượng này của Thánh Linh hàm ý quyền năng và sức mạnh. Có quyền năng và sức mạnh rất lớn trong tiếng gió thổi ào ào, loại sức mạnh bứng rễ gốc cây và giật sập những tòa nhà chắc chắn. Thánh Linh là Thần của sức mạnh và quyền năng.

(2) *Lưỡi như lửa*.- Một lần nữa, Kinh Thánh không nói Thánh Linh là lửa; nhưng sự xuất hiện của Ngài kèm theo sự xuất hiện nhiều lưỡi rời rạc, giống như bằng lửa.

Lửa là chất vừa tẩy sạch vừa thiêu hủy. Kim loại cho vào lửa để thiêu hủy cặn bã. Thứ này bị thiêu hủy, còn thứ kia được trở nên tinh khiết. Giống như vậy, Thánh Linh thanh tẩy xấu xa trong đời sống. Khi Ngài bước vào, tội lỗi phải ra đi.

4. Sản sinh kết quả biến đổi

Kết quả của sự xuất hiện Thánh Linh có thể tóm lược trong hai từ-- quyền năng. Đó là điều Chúa Giê-xu nói về ý nghĩa sự xuất hiện của Thánh Linh, “Nhưng khi Thánh Linh giáng trên các người, các người sẽ nhận lấy quyền năng” (Công Vụ 1:8). Và Ngài bảo môn đồ chờ đợi tới khi có được quyền năng, “Còn về phần các con, hãy đợi trong thành cho đến khi được mặc lấy quyền năng từ trên cao” (Lu-ca 24:49). Sự xuất hiện của Thánh Linh được đánh dấu bằng quyền năng diệu kỳ. Không phải quyền năng thuộc thể, mà là quyền năng thuộc linh.

(1) *Quyền năng biến đổi.*- Sự xuất hiện của Thánh Linh đã thay đổi nhóm người nam nữ trên phòng cao, từ chỗ sợ sệt sau cửa đóng then cài, thành nhóm người can đảm phá tung cửa khóa, tiến ra những đường phố đông người để rao giảng phúc âm về Chúa chịu đóng đinh và phục sinh.

(2) *Quyền năng soi sáng.*- Tụ tập tại Giê-ru-sa-lem lúc đó là dân từ khắp đế quốc La-mã, nói những ngôn ngữ khác nhau. Thánh Linh ban cho môn đồ quyền năng để nói nhiều ngôn ngữ khác nhau này, “Tất cả đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh, bắt đầu nói các ngôn ngữ khác, theo như Thánh Linh cho họ nói” (Công Vụ 2:4).

(3) *Quyền năng thuyết phục.*- Nghe Phi-e-rơ giảng, đoàn dân đông đã nhìn nhận tội lỗi, “Khi nghe điều ấy, lòng đau như cắt, họ liền hỏi Phi-e-rơ và các sứ đồ khác rằng: 'Các anh ơi, chúng tôi phải làm gì đây?’” (Công Vụ 2:37).

(4) *Quyền năng cứu rỗi.*- Khi Phi-e-rơ bảo họ việc phải làm, họ liền làm ngay. “Những người tiếp nhận lời đó đều nhận báp-tem, và trong ngày ấy, có độ ba nghìn người được thêm vào Hội Thánh” (Công Vụ 2:41).

IV. CÔNG VIỆC CỦA ĐỨC THÁNH LINH

Chúa Giê-xu dạy về nhiều việc Thánh Linh sẽ làm. Công việc của Ngài tập trung vào ba tiêu đề.

1. Trong cá nhân

Thánh Linh làm gì trong và cho cá nhân?

(1) *Thuyết phục.*- Thánh Linh thuyết phục cá nhân về tội lỗi. Ngài bày tỏ cho người về bản chất tội lỗi cùng hậu quả của tội lỗi, và đánh thức trong người ý thức về tội lỗi mình trước mặt Đức Chúa Trời thánh khiết.

Thánh Linh dùng nhiều cách khác nhau để thuyết phục. Đôi khi là sự công khai rao giảng phúc âm, như trong ngày Ngũ Tuần. Đôi khi là lời làm chứng của một người, như trong trường hợp Đa-vít (2 Sa-mu-ên 12:13). Đôi khi là một kinh nghiệm khủng khiếp như trường hợp quan cai ngục Phi-líp.

(2) *Tái tạo.*- Khi một người bị thuyết phục về tội lỗi, người có thể làm một trong hai việc: hoặc cứng lòng và chống trả Thánh Linh, hoặc lấy đức tin mở lòng mình cho Thánh Linh bước vào. Khi người hành động theo cách sau, Thánh Linh ngự vào lòng người và thực hiện công việc của ân sủng là biến đổi, gọi là tái tạo hoặc tái sanh.

Con người cũ của tội lỗi bị khai tử, và người mới trong Đấng Christ ra đời. Có thể chúng ta không có khả năng hiểu tiến trình thay đổi này, nhưng có thể kinh nghiệm được. Người mù được Chúa Giê-xu chữa cho sáng mắt, nói có nhiều điều anh ta không hiểu về sự kiện này, nhưng anh biết chắc một điều, “Trước tôi đã mù mà bây giờ thấy được” (Giăng 9:25).

Chúa chúng ta tuyên bố rằng kinh nghiệm tái sinh cần thiết cho con người để bước vào vương quốc của Đức Chúa Trời (Giăng 3:5).

(3) *Thánh hóa.*- Thánh hóa có nghĩa là làm cho thánh khiết. Thánh hóa là tiến trình làm nên thánh. Thánh hóa là công việc của Thánh Linh, “Được thánh hóa bởi Đức Thánh Linh” (Rô-ma 15:16).

Thuyết phục là công việc của Thánh Linh khi Ngài bước tới cửa lòng và gõ cửa; tái sinh là công việc của Thánh Linh khi Ngài ngự vào lòng sau khi lấy đức tin mở cửa; thánh hóa là công việc của Thánh Linh khi Ngài sống trong lòng.

Thánh hóa là sự tăng trưởng trong nếp sống Cơ Đốc, và giống như sự tăng trưởng thuộc thể, đây là một tiến trình từ từ. Tiến trình này bắt đầu với sự tái sinh và kết thúc với sự nên vinh hiển. Một số người tăng trưởng nhanh hơn người khác, và một số người cao hơn người khác; nhưng trong nếp sống bình thường, luôn có sự tăng trưởng và phát triển thuộc linh. Sự tăng trưởng này sẽ theo tỉ lệ đầy dẫy Thánh Linh trong lòng và trong đời sống.

(4) *An ủi.*- Thánh Linh là Đấng An Ủi lớn của lòng người. Khi Chúa Giê-xu nói với môn đồ rằng Ngài sẽ ra đi, thì lòng họ buồn bã, “Vì ta đã nói những điều này cho các con, nên lòng các con đầy đau buồn” (Giăng 16:6). Nhưng Ngài bảo đảm với họ rằng Đấng An Ủi sẽ đến và mang lại cho họ bình an vui thỏa, “Ta sẽ cầu xin Cha, Ngài sẽ ban cho các con một Đấng An Ủi khác, để ở với các con đời đời, tức là Thần Chân Lý” (Giăng 14:16-17). Đó là một phần công việc của Thánh Linh, đem an ủi cho lòng sầu não.

(5) *Soi sáng.*- Thánh Linh bày tỏ chân lý cho lòng và trí của tín nhân. Ngài là Giáo sư lớn. Chúa Giê-xu phán, “Khi Thần Chân Lý đến, Ngài sẽ dẫn các con vào mọi chân lý” (Giăng 16:13).

Thánh Linh soi sáng tâm trí tín nhân, để họ hiểu lẽ thật trong Lời Đức Chúa Trời, “Người không có Thánh Linh không nhận được những điều từ Thánh Linh của Đức Chúa Trời, bởi người ấy xem những điều này

là điên rồ và không thể hiểu được” (1 Cô-rinh-tô 2:14). Theo ý nghĩa sâu xa nhất, Kinh Thánh là bộ sách khép kín đối với người không có Thần của Đức Chúa Trời.

(6) *Cầu thay*.- Như có nói trước đây, Cơ Đốc nhân có hai Đấng cầu thay: Đấng Christ bên hữu của Cha, và Thánh Linh trong lòng. Trong Rô-ma 8:26-27, công việc cầu thay của Thánh Linh được khẳng định, “Cũng vậy, Thánh Linh giúp đỡ sự yếu đuối của chúng ta, vì chúng ta không biết phải cầu nguyện điều gì cho đúng, nhưng chính Thánh Linh dùng những sự thờ than không thể diễn tả bằng lời mà cầu thay cho chúng ta. Đấng dò xét lòng người, biết rõ ý tưởng của Thánh Linh, vì Thánh Linh theo ý muốn Đức Chúa Trời mà cầu thay cho các thánh đồ.” Với hai Đấng cầu thay này, một trên trời và một dưới đất, Cơ Đốc nhân được vững lòng.

Công việc của Thánh Linh trong đời sống tín nhân được tóm tắt trong danh xưng dành cho Ngài, “Paraclete.” Đây là chuyển ngữ từ Parakletos trong Hy văn, có nghĩa được gọi đến bên cạnh, tức là người giúp đỡ. Thánh Linh là Đấng Giúp Đỡ của Cơ Đốc nhân mọi lúc có cần.

Từ chỉ về Thánh Linh là “Paraclete” chỉ có trong Phúc âm Giăng. Trong bản dịch Authorized Version, từ này được dịch là “Đấng An Ủi” trong Anh ngữ. Không có từ Anh ngữ nào chuyển tải đầy đủ ý nghĩa của từ Hy văn. Danh xưng Đức Thánh Linh bao gồm tất cả mọi danh xưng khác nhau dành cho Ngài, và còn hơn thế nữa. Ngài là Giáo sư, Đấng Dẫn dắt, Đấng An Ủi, Đấng Cầu thay, v.v. Ngài đáp ứng từng nhu cầu của Cơ Đốc nhân.

2. Trong hội thánh

Kinh Thánh cho chúng ta biết Thánh Linh cư ngụ trong hội thánh. Hội thánh được gọi là đền thờ của Thánh Linh. Phao-lô viết cho hội thánh tại Cô-rinh-tô, “Anh em không biết rằng anh em là đền thờ của Đức

Chúa Trời, và Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong anh em sao?” (1 Cô-rinh-tô 3:16). Và ông viết cho người Ê-phê-sô, “Trong Ngài, anh em cũng được xây dựng chung vào nhà đó để trở nên nơi ngự của Đức Chúa Trời trong Thánh Linh” (Ê-phê-sô 2:22).

Công việc của Thánh Linh trong hội thánh là gì? Có thể nêu ngắn gọn vài điều như sau.

(1) *Gây dựng*.- “Vây Hội Thánh trong cả miền Giu-đê, Ga-li-lê và Sa-ma-ri được hưởng sự bình an, xây dựng, bước đi trong sự kính sợ Chúa; nhờ Đức Thánh Linh giúp đỡ, số tín hữu ngày càng gia tăng” (Công Vụ 9:31). Thánh Linh gây dựng hội thánh.

(2) *Dẫn dắt*.- “Đang khi họ thờ phượng Chúa và kiêng ăn thì Đức Thánh Linh phán: 'Hãy biệt riêng Ba-na-ba và Sau-lô cho công tác Ta đã kêu gọi họ'" (Công Vụ 13:2). “Vì Thánh Linh và chúng ta đã đồng ý rằng chẳng nên chất thêm gánh nặng cho anh em, ngoài trừ những điều cần yếu này” (Công Vụ 15:28). Như vậy, Thánh Linh hướng dẫn hội thánh tại An-ti-ốt khởi đầu sự nghiệp truyền giáo trọng đại, và dẫn dắt hội thánh tại Giê-ru-sa-lem giải quyết một vấn đề khó khăn.

(3) *Ban phát ân tứ*.- Hãy nghe lời Phao-lô nói với hội thánh tại Cô-rinh-tô, “Có nhiều ân tứ khác nhau, nhưng chỉ có một Thánh Linh . . . Sự thể hiện của Thánh Linh được ban cho mỗi người là lợi ích chung. Người này được Thánh Linh ban cho lời nói khôn ngoan; do cùng một Thánh Linh người khác nhận được lời nói tri thức. Cùng một Thánh Linh ban cho người này đức tin; do cùng một Thánh Linh, người khác nhận được ơn tứ chữa bệnh. Người thì được làm các phép lạ; người thì được nói tiên tri; người thì được phân biệt các thần linh; người thì được nói các thứ tiếng lạ, người thì được thông dịch các thứ tiếng ấy. Tất cả những điều này là công việc của cùng một Thánh Linh; Ngài ban phát ân tứ cho từng người tùy theo ý Ngài” (1 Cô-rinh-tô 12:4, 7-11).

(4) *Ban quyền năng để phục vụ.*- “Nhưng khi Thánh Linh giáng trên các con, thì các con sẽ nhận lấy quyền năng” (Công Vụ 1:8). Đó là lời hứa của Chúa phục sinh cho môn đồ Ngài. Chính trong quyền năng Thánh Linh mà hội thánh đầu tiên đã ra đi mang về chiến thắng. Không có Thánh Linh, hội thánh chỉ là một tổ chức cô thế và yếu đuối.

3. Trong thế gian

Liên quan công việc của Thánh Linh, Chúa Giê-xu phán, “Khi Ngài đến, thì sẽ khiến thế gian tự cáo về tội lỗi, về sự công chính và về sự phán xét. Về tội lỗi, vì họ không tin Ta; về sự công chính, vì Ta đi đến với Cha, và các con không còn thấy Ta nữa; về sự phán xét, vì kẻ cai trị thế gian này đã bị phán xét” (Giăng 16:8-11).

Dùng từ “thế gian,” Chúa Giê-xu ngụ ý thế giới xấu xa, vô tín. Cũng là từ Gia-cơ dùng, khi ông nói, “Này những kẻ ngoại tình kia, anh em không biết rằng kết bạn với thế gian là thù nghịch với Đức Chúa Trời sao? Cho nên người nào muốn kết bạn với thế gian, thì người ấy tự biến mình thành nghịch thù của Đức Chúa Trời” (Gia-cơ 4:4). Và cũng chính là từ Giăng sử dụng, khi ông nói, “Chớ yêu thế gian, cùng những gì trong thế gian. Nếu ai yêu thế gian, thì sự kính yêu Đức Chúa Cha không ở trong người ấy” (1 Giăng 2:15).

Từ “cáo” còn dịch là thuyết phục, hoặc quở trách. Ý nghĩa ở đây là thuyết phục bằng cách nêu ra chứng cứ. Thánh Linh thuyết phục thế gian ba điều.

(1) *Thuyết phục về tội lỗi.*- “Về tội lỗi, vì họ không tin Ta.” Thánh Linh thuyết phục thế gian về thực tại tội lỗi, và bản chất của tội lỗi. Ngài cho thấy tội lớn hơn hết là tội vô tín. Chúa Giê-xu không nói, “Về tội lỗi, vì họ gian dâm, hoặc giết người, hoặc say sưa,” mà “vì họ không tin ta.” Đó là tội mà thế giới thời xưa phạm phải, và là tội của thế giới ngày nay.

(2) *Thuyết phục về sự công chính.*- “Về sự công chính, vì ta đi đến với Cha, và các người không thấy Ta nữa.” Cấp lãnh đạo Do Thái cáo buộc Chúa Giê-xu là tội nhân, “Chúng ta biết người này là kẻ có tội” (Giăng 9:24). Chúa Giê-xu xưng Ngài công chính, “Có ai trong các người kết tội ta được chẳng?” (Giăng 8:46). Sự sống lại của Ngài và về với Cha là bằng cớ về sự công chính của Ngài.

Không con người nào có thể tự xưng mình công chính, vì mọi người đều đã phạm tội. Qua sự chết chuộc tội, sự sống lại, và trở về với Cha, Đấng Christ ban sự công chính cho những ai tin Ngài, “Nhưng bây giờ, sự công chính của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ ngoài luật pháp. Điều này đã được luật pháp và các nhà tiên tri làm chứng. Đó là sự công chính của Đức Chúa Trời bởi đức tin nơi Đức Chúa Giê-xu Christ, ban cho mọi người có lòng tin, không phân biệt ai cả” (Rô-ma 3:21-22); “Và được ở trong Ngài, được vậy không phải nhờ sự công chính của tôi dựa trên luật pháp mà nhờ đức tin nơi Đấng Christ, là sự công chính đến từ Đức Chúa Trời dựa trên đức tin” (Phi-líp 3:9).

(3) *Thuyết phục về sự phán xét.*- “Về sự phán xét, vì kẻ cai trị thế gian này đã bị phán xét rồi.” Tội lỗi dẫn tới phán xét. Điều này được chứng minh khi Sa-tan là vua chúa đời này bị phán xét. Tại thập tự giá, nó tưởng mình thắng lớn. Nhưng hóa ra là thất bại lớn nhất. Tại đó, nó đã bị phán xét và kết án.

Nếu vua chúa đời này đã bị kết án, thì những kẻ thuộc về thế gian cũng chắc chắn sẽ bị phán xét. Khi Phao-lô đứng trước mặt Phê-lít, “ông luận về sự công chính, sự tự chế, và sự phán xét ngày sau” (Công Vụ 24:25).

V. TRÁI CỦA THÁNH LINH

Nếu có Thánh Linh trong cuộc sống, thì sự hiện diện của Ngài sẽ biểu lộ qua một số mỹ đức và ơn lành mà chỉ có thể phát xuất từ Thánh

Linh. Phao-lô gọi đó là trái của Thánh Linh, “Nhưng trái của Thánh Linh là yêu thương, vui mừng, bình an, nhịn nhục, nhân từ, hiền lành, trung tín, khiêm nhu, tiết độ” (Ga-la-ti 5:22-23). Giống như dây nho với ba chùm trái.

1. Trái của sự sống bên trong

Chùm thứ nhất tự lộ ra trong sức sống nội tâm--yêu thương, vui mừng, bình an. Yêu thương ở đây không phải là xúc cảm thường được gọi là tình yêu, mà là tình cảm sâu sắc hơn, rộng lớn hơn, cao cả hơn, và vĩ đại hơn. Đây là nguyên tắc cơ bản làm chủ cuộc sống, điều mà chỉ có Thần của Đức Chúa Trời mới sản sinh ra được.

Kèm theo yêu thương là vui mừng. Có khác biệt lớn, giữa vui mừng với lạc thú. Lạc thú tùy thuộc vào điều kiện bên ngoài, nhưng vui mừng trào dâng trong lòng, và độc lập đối với điều kiện bên ngoài. Thế gian có thể cung ứng lạc thú, mà không thể mang lại niềm vui.

Tiếp theo là bình an. Khi Thánh Linh ngự trị trong lòng, Ngài ban bình an--bình an cho lương tâm từng bị tổn thương vì tội lỗi, bình an cho tâm hồn từng bị tan vỡ, bình an cho tâm linh bối rối.

2. Trái trong nếp sống bên ngoài

Chùm thứ nhì là trái biểu lộ qua cách sống bên ngoài--nhịn nhục, nhân từ, tốt bụng/lòng tốt. Nhịn nhục nghĩa là lặng lẽ chịu đựng bất công. Đây là khả năng tiếp nhận cách đối xử tệ bạc mà không trả đũa, giao tiếp với người dễ cáu giận mà không bực bội, điềm tĩnh khi bị lạm dụng và vu cáo.

Tiếp theo là nhân từ. Đây là một bước xa hơn sự kiên nhẫn. Kiên nhẫn thì thụ động; tức là giữ yên. Nhân từ thì tích cực hơn; là hành động để giúp người khác. Nhân từ thắng trong khi độc ác thua.

Theo sau nhân từ là tốt bụng/lòng tốt. Đây là ơn lành hai mặt. Ngụ ý sống trong sạch và phục vụ vô kỷ. Lòng tốt không chỉ là nhân từ. Nhân từ là giúp khi có cơ hội, nhưng lòng tốt thì tìm kiếm cơ hội. Lòng tốt là công chính qua hành động.

3. Trái trong mối liên hệ với bản thân

Chùm thứ ba là trái bày tỏ trong mối liên hệ với bản thân--trung thành, nhu mì, tự chế. Trung thành là thủy chung, chân thật--chân thật với người và chân thật với Đức Chúa Trời.

Nhu mì không có nghĩa yếu đuối. Chúa Giê-xu nhu mì, nhưng Ngài không nhu nhược. Nhu mì là phản nghĩa của tinh thần kiêu căng, khoác lác, không tha thứ.

Sau nhu mì là tiết chế. Thật là một kinh nghiệm khó khăn con người phải đối diện trong sự tiết chế chính mình! Họ chống chọi với những thèm khát, những đam mê, cùng những khuynh hướng xấu xa trong bản chất riêng của mình và đi đến thảm bại. Năng lực duy nhất trên đời này có thể giúp con người làm chủ chính mình, đó là Thần của Đức Chúa Trời.

VI. ĐÁP ỨNG CỦA CON NGƯỜI ĐỐI VỚI THÁNH LINH

Tân Ước đề cập một số thái độ con người có thể đáp ứng Thánh Linh.

1. Con người có thể chống cự Thánh Linh

Đây là từ được Ê-tiên dùng, khi nói với những người chống đối ông, “Hỡi những người cứng cổ, lòng và tai chưa được cắt bì kia, quý vị luôn luôn chống lại [kháng cự] Đức Thánh Linh; Tổ phụ quý vị thế nào thì quý vị cũng thế ấy!” (Công Vụ 7:51). Đó là thái độ của kẻ vô tín, cứng lòng nghịch lại Thánh Linh. Và Cơ Đốc nhân đôi khi cũng phạm tội chống cự Thánh Linh, khi từ chối vâng phục những nhắc nhở do Thánh Linh đặt sẵn trong lòng mình.

2. Con người có thể khinh lờn Thánh Linh

Đây là từ Moffatt dùng khi dịch Hê-bơ-rơ 10:29, “lại còn xúc phạm Thánh Linh của ân điển.” Từ này dùng cho những người được Thánh Linh cảm động mạnh mẽ. Gần giống như tội không thể tha thứ, người phạm tội khinh lờn Thánh Linh là người cố tình và ngạo mạn khước từ Ngài, xô đẩy Ngài ra khỏi cuộc đời mình.

3. Con người có thể làm buồn Thánh Linh

Phao-lô dùng từ này khi viết cho Cơ Đốc nhân, “Anh em chớ làm buồn lòng Thánh Linh của Đức Chúa Trời vì trong Ngài anh em được ấn chứng cho đến ngày cứu chuộc” (Ê-phê-sô 4:30). Dĩ nhiên, Thánh Linh buồn lòng khi kẻ vô tín chống cự Ngài, nhưng Ngài cũng buồn lòng khi Cơ Đốc nhân lơ là và bất tuân Ngài. Đây là hình ảnh người cha buồn lòng vì con trai ngang bướng và phản nghịch.

4. Con người có thể dập tắt Thánh Linh

Phao-lô dùng từ này khi nói với Cơ Đốc nhân tại Ê-phê-sô, “Chớ dập tắt Thánh Linh” (1 Ê-phê-sô 5:19). Đó là hình ảnh dập tắt lửa bằng cách dội nước. Thánh Linh được mô tả giống như lửa. Sự xuất hiện của Ngài trong ngày Ngũ Tuần kèm theo lưỡi giống như lửa. Ngài khơi dậy lửa yêu thương và nhiệt tình trong lòng Cơ Đốc nhân. Con người có thể dập tắt Thánh Linh bằng sự lãnh đạm, thờ ơ và bất tuân.

5. Con người có thể được đầy dẫy Thánh Linh

Đây là lý tưởng mà Phao-lô khuyên Cơ Đốc nhân Ê-phê-sô hướng tới, “Đừng say rượu, vì rượu dẫn đến luông tuông, nhưng phải đầy dẫy Thánh Linh” (Ê-phê-sô 5:18). Có khác biệt giữa việc có Thánh Linh với đầy dẫy Thánh Linh.

Mọi Cơ Đốc nhân đều có Thánh Linh, “Còn ai không có Thánh Linh của Đấng Christ, người ấy chẳng thuộc về Ngài” (Rô-ma 8:9). Chính việc

Thánh Linh ngự vào lòng cùng với quyền năng tái sinh của Ngài, khiến con người trở thành Cơ Đốc nhân. Tuy nhiên, có thể có Thánh Linh mà không được đầy dẫy Thánh Linh. Có thể là Cơ Đốc nhân mà không phải là Cơ Đốc nhân đầy dẫy Thánh Linh.

Cơ Đốc nhân giống như chiếc bình. Đấng Christ nói về Sau-lơ người Tạt-sơ, “Vi Ta đã chọn người này làm một công cụ cho Ta” (Công Vụ 9:15). Và A-na-nia nói với Sau-lơ, “Chúa là Giê-xu đã hiện ra với anh trên đường anh tới đây, sai tôi đến để cho anh được sáng mắt lại và được đầy dẫy Đức Thánh Linh” (Công Vụ 9:17).

Phải đáp ứng hai điều kiện để chiếc bình được đầy.

(1) *Phải trống không.*- Chiếc bình không thể chứa đầy nước sạch, nếu chưa đổ hết nước bẩn ra ngoài. Và trước khi Cơ Đốc nhân được đầy dẫy Thánh Linh, người cũng phải trống không như vậy--trống không cái tôi, trống không tội lỗi, trống không mọi thứ không hợp với Thánh Linh Đức Chúa Trời. Con người không thể bám vào thứ gì dơ bẩn mà lại đầy dẫy Thánh Linh được.

(2) *Phải thuận phục.*- Trước khi được đổ đầy, chiếc bình phải thuận phục việc sử dụng của người muốn đổ đầy bình. Và Cơ Đốc nhân không thể được đầy dẫy Thánh Linh nếu không hoàn toàn đầu phục Thánh Linh.

Chúng ta hãy đổi bức tranh ở đây. Một người có nhà cho thuê. Nhưng người muốn giữ lại vài món đồ trong nhà. Ông ta dồn mấy món này vào một căn phòng khóa cửa rồi cho chìa khóa vào túi. Ông nói với người thuê nhà, “Anh có thể sử dụng toàn bộ căn nhà, ngoại trừ một phòng. Tôi giữ lại một phòng cho riêng mình.”

Đó là cách một số người đối xử với Thánh Linh. Vẫn còn điều gì đó trong đời sống, mà họ không sẵn sàng giao nạp. Vì vậy họ khóa cửa phòng đó lại rồi thưa với Thánh Linh, “Chúa có thể lấy toàn bộ cuộc

đời con, ngoại trừ một căn phòng. Con muốn giữ phòng đó cho riêng con.” Người đó không thể nào được đầy dẫy Thánh Linh.

CÂU HỎI ÔN BÀI VÀ THI

1. Giải thích Thân vị Thánh Linh.
2. Kể ra vài điều nổi bật khi Thánh Linh xuất hiện.
3. Thánh Linh làm những công việc nào trong mỗi cá nhân?
4. Mối liên hệ lý tưởng giữa cá nhân với Thánh Linh là gì?
5. Kể ra một số trái Đức Thánh Linh.

8.Hội Thánh do Đấng Christ Thành Lập

“Ta sẽ xây hội thánh Ta trên đá này” (Ma-thi-ơ 16:18).

Chúa đã cung ứng phương tiện thực hiện công việc Ngài sau khi Ngài về trời. Ngài đã thành lập hội thánh (Ma-thi-ơ 16:18) và sai Thánh Linh ban năng quyền cho hội thánh (Giăng 15:26). Có nghĩa là hội thánh là một tổ chức thiên thượng, được phát xuất từ thiên thượng, thực hiện kế hoạch thiên thượng, và được sai phái bởi thiên thượng.

Từ “hội thánh” được dùng trong Tân Ước với ý nghĩa kép. Từ này thường chỉ về một hội chúng địa phương, nhưng trong vài trường hợp, chỉ về toàn bộ tập thể tín nhân. Trong chương này, chúng ta bàn về hội thánh như một hội chúng địa phương, tuy hai cách sử dụng của từ này không luôn luôn có thể tách rời cách rõ rệt.

I. BẢN CHẤT CỦA HỘI THÁNH

Hội thánh là gì? Trong Tân Ước, từ này không hề được dùng chỉ về một cơ sở vật chất. Cũng không mang ý nghĩa một tổ chức quốc gia hoặc toàn cầu. Theo nghĩa địa phương, từ này có thể định nghĩa ngắn gọn là một đoàn thể tín nhân đã nhận báp-tem, tự nguyện liên kết nhau trong mối liên hệ giao ước, được tổ chức theo khuôn mẫu Tân Ước, và sống vâng phục Đấng Christ, là đầu của hội thánh.

Trong định nghĩa ngắn gọn này, một số đặc điểm của hội thánh đích thực được nêu rõ. Đây là một đoàn thể. Từ Hi Lạp cho hội thánh có nghĩa là được gọi ra. Lúc đầu từ này chỉ về một tập thể được gọi ra khỏi nhà và nơi làm việc để xem xét các vấn đề lợi ích chung.

Chúa chúng ta dùng từ “hội thánh” chỉ về một đoàn thể môn đồ Ngài. Họ là những người được kêu gọi. Nhưng không phải mọi đoàn thể đều là hội thánh. Hội thánh là một đoàn thể tín nhân.

Chỉ tín nhân mới có tư cách thành viên trong hội thánh. Nhưng không phải mọi đoàn thể tín nhân đều tạo thành hội thánh. Phải là một đoàn thể tín nhân đã nhận báp-tem.

Tân Ước có những ghi lại về tín nhân đã chịu báp-tem trong hội thánh. Nhưng không phải mọi đoàn thể tín nhân đã báp-tem đều có thể gọi là hội thánh. Phải là một đoàn thể được tổ chức theo khuôn mẫu Tân Ước. Nhưng vẫn còn yếu tố khác nữa, mới là hội thánh đích thực.

Hội thánh là một đoàn thể tín nhân đã nhận báp-tem, tự nguyện liên kết trong mối liên hệ giao ước, theo khuôn mẫu Tân Ước, và hứa nguyện sống vâng phục Đấng Christ, là đầu lớn của hội thánh. Hội thánh đích thực là một tập thể sống động, một tổ chức đang hoạt động.

Có thể đưa ra hai khẳng định về bản chất của hội thánh.

1. Một cơ thể sống

Một trong những hình ảnh gợi hình nhất, được dùng cho hội thánh, là một thân thể có Đấng Christ là đầu, “Ngài đã đặt vạn vật dưới chân Đấng Christ và lập Đấng Christ làm đầu mọi sự vì hội thánh, Hội Thánh là thân thể Ngài” (Ê-phê-sô 1:22-23). “Ngài là đầu của thân thể, tức là Hội Thánh.” (Cô-lô-se 1:18). “Và như trong một thân có nhiều chi thể, và các chi thể không làm một việc giống nhau, thì cũng vậy, chúng ta là nhiều người mà hiệp nên một thân trong Đấng Christ, và hết thảy chúng ta đều là các phần chi thể của nhau” (Rô-ma 12:4-5).

Hình ảnh hội thánh là thân của Đấng Christ được mô tả đầy đủ trong 1 Cô-rinh-tô 12:12-27. Như cơ thể gồm nhiều chi thể, khác nhau về kích cỡ và chức năng, nhưng tất cả đều làm việc chung với nhau ra sao, thì hội thánh cũng gồm nhiều thành viên, khác nhau về tuổi tác và khả năng, nhưng mọi người đều cùng làm việc dưới quyền lãnh đạo của Đấng Christ cũng như vậy.

Điều này có nghĩa hội thánh không chỉ là một tổ chức; hội thánh là một cơ thể, một sinh vật sống. Là thân của Đấng Christ, hội thánh là cơ quan qua đó Đấng Christ làm công việc của Ngài trong thế gian.

2. Đền thờ thuộc linh

Phao-lô viết cho hội thánh tại Cô-rinh-tô, “Anh em không biết rằng anh em là đền thờ của Đức Chúa Trời, và Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong anh em sao?” (1 Cô-rinh-tô 3:16). Trong Cựu Ước, chúng ta có Đền thờ vật chất, tức Đền thờ xây bằng gỗ và đá. Trong Tân Ước chúng ta có đền thờ thuộc linh, xây bằng đá sống, tức những người nam và nữ được chuộc, “Anh em như những hòn đá sống mà xây nên ngôi nhà thiêng liêng” (1 Phi-e-rơ 2:5).

Đền thờ vật chất được xây làm nơi cư ngụ của Đức Chúa Trời. Về Đền thờ do mình xây cất, vua Sa-lô-môn nói, “Lạy Đức Giê-hô-va, Chúa đã phán rằng Ngài sẽ ngự trong đám mây dày đặc. Nhưng con đã xây cất một đền thờ làm nơi ở cho Chúa, một nơi để Chúa ngự đời đời” (2 Sử Ký 6:1-2).

Đức Chúa Trời hứa Ngài sẽ ngự trong Đền thờ đó, “Bấy giờ có lời của Đức Giê-hô-va phán với vua Sa-lô-môn rằng: Về đền thờ mà con đang xây cất đây, nếu con vâng theo các luật pháp của Ta, thực thi các mạng lệnh của Ta, tuân giữ và bước đi theo tất cả các điều răn của Ta, thì Ta sẽ thực hiện cho con lời hứa mà Ta đã phán với Đa-vít, thân phụ con. Ta sẽ ngự giữa dân Y-sơ-ra-ên, và sẽ không lìa bỏ Y-sơ-ra-ên là dân Ta” (1 Các Vua 6:11-13).

Là nơi ngự của Đức Chúa Trời, đền thờ phải được giữ thánh sạch. Chúa Giê-xu đã dẹp sạch Đền thờ tại Giê-ru-sa-lem vào hai dịp. Chắc chắn Ngài cũng hằng hái muốn giữ cho đền thờ tâm linh được thánh khiết, “Nếu người nào phá hủy đền thờ của Đức Chúa Trời, thì Đức

Chúa Trời sẽ hủy diệt người ấy; vì đền thờ của Đức Chúa Trời là thánh, và đền thờ ấy chính là anh em” (1 Cô-rinh-tô 3:17).

Trong Đền thờ Cựu Ước, có một số người được biệt riêng như thầy tế lễ, để phục vụ trước mặt Chúa. Đây là đặc ân chỉ dành riêng cho một số ít người. Nhưng trong hội thánh Tân Ước, tất cả đều là thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời, “Nhưng anh em là dòng giống được tuyển chọn, là chức tế lễ hoàng gia, là dân tộc thánh” (1 Phi-e-rơ 2:9); “Và làm cho chúng ta trở nên một vương quốc, trở nên các thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời là Cha Ngài” (Khải Huyền 1:6).

Một trong những nhiệm vụ của thầy tế lễ là dâng của lễ. Vì thế Phi-e-rơ nói, “Hãy để Ngài sử dụng anh em như những hòn đá sống mà xây nên ngôi nhà thiêng liêng, và nhờ Đức Chúa Giê-xu Christ mà làm chức tế lễ thánh, để dâng sinh tế thiêng liêng đẹp lòng Đức Chúa Trời” (1 Phi-e-rơ 2:5). Những tế lễ được dâng lên trong đền thờ thuộc linh là những của lễ thuộc linh. Đó là những của lễ nào?

(1) *Của lễ bằng tấm lòng đau thương thống hối.*- Đa-vít nhận biết điều này, “Vì Chúa không ưa thích sinh tế; Nếu không thì con đã hiến dâng: Tế lễ thiêu cũng không đẹp lòng Chúa. Sinh tế đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là tâm linh đau thương: Đức Chúa Trời ôi, lòng đau thương thống hối, Chúa không khinh dễ đâu” (Thi Thiên 51:16-17). Không tế lễ nào có thể đẹp lòng Đức Chúa Trời ngoại trừ tế lễ từ tấm lòng vỡ tan và biết ăn năn.

(2) *Của lễ bằng lời ngợi khen.*- Trong Hê-bơ-rơ 13:15, chúng ta được lệnh, “Vậy nhờ Đức Chúa Giê-xu, chúng ta hằng dâng sinh tế bằng lời ngợi ca cho Đức Chúa Trời, nghĩa là bông trái của môi miệng tuyên xưng danh Ngài.”

(3) *Của lễ bằng việc lành.*- Lại nữa, trong Hê-bơ-rơ 13:16, chúng ta thấy, “Chớ quên làm việc lành và chia sẻ cho người khác, vì các tế lễ như thế làm hài lòng Đức Chúa Trời.”

(4) *Của lễ bằng đời sống tận hiến.*- Một trong những câu quen thuộc nhất trong Thánh Kinh là Rô-ma 12:1, “Vậy thưa anh em, bởi sự thương xót của Đức Chúa Trời, tôi nài xin anh em dâng thân thể mình làm sinh tế sống, thánh khiết và đẹp lòng Đức Chúa Trời, đó là sự thờ phượng phải lễ của anh em.”

II. TỔ CHỨC CỦA HỘI THÁNH

Thời Tân Ước, hội thánh có khuôn mẫu tổ chức như thế nào? Có hai đặc điểm chính.

1. Một nền dân chủ

Bao gồm vài điều.

(1) *Thành viên tự nguyện.*- Hội thánh được tạo thành bởi những người tự nguyện bước vào mỗi thông công. Không ai sinh ra đã là thành viên trong hội thánh. Và không ai bị đẩy vào hội thánh, ngược với ý muốn mình. Mỗi người phải tự chọn. Người khác có thể tìm cách gây ảnh hưởng và giúp người lựa chọn, nhưng quyết định vẫn là quyền của cá nhân.

(2) *Bình đẳng về đặc quyền.*- Trong hội thánh, mỗi thành viên đều có quyền và đặc quyền ngang nhau. Già cũng như trẻ, giàu cũng như nghèo, có học cũng như thất học--tất cả đều có địa vị như nhau. Một số, do khả năng bẩm sinh và đào tạo, sẽ trở thành lãnh đạo; nhưng họ không có quyền hống hách với anh em mình.

(3) *Tự trị.*- Hội thánh là một tập thể tự trị. Không một cá nhân hoặc tổ chức nào cao hơn hội thánh có quyền trên hội thánh. Mỗi hội thánh, dưới quyền Đức Chúa Trời, tự quản lý công việc riêng, không bị lèo lái

hoặc cản trở bởi bên ngoài. Và ngay trong chính hội thánh cũng không có tập thể nào làm chủ. Thành viên hội thánh giữ quyền điều hành, nhưng phải luôn luôn làm theo thẩm quyền thiên thượng. Mọi vấn đề về đường lối chính sách đều giải quyết bằng lá phiếu của hội chúng dựa vào sự dẫn dắt của Thánh Linh.

2. Một tổ chức độc lập

Một hội thánh cần cộng tác chung với những hội thánh khác, nhưng công việc riêng không bao giờ bị hội thánh khác chi phối.

(1) Trong mối liên hệ với những hội thánh khác.- Không một hội thánh nào, dù mạnh và ảnh hưởng lớn đến đâu, được nắm quyền trên một hội thánh khác, dù là hội thánh đó nhỏ cỡ nào. Không một nhóm hội thánh nào có quyền bảo hội thánh khác phải làm gì, hoặc không được làm gì. Có thể cho lời khuyên, nhưng từng hội thánh tự quyết định việc mình cần làm.

(2) Trong mối liên hệ với các tập thể hệ phái.- Có những hội đoàn và đoàn thể gồm sứ giả từ nhiều hội thánh họp lại để trao đổi ý kiến và cộng tác, nhưng các tập thể này không hề có quyền đối với từng hội thánh riêng.

Cộng tác, nhưng không áp đặt, là nguyên tắc hướng dẫn hội thánh, và nhờ đó, được ràng buộc với nhau trong tình thông công và phục vụ. Dĩ nhiên, họ phải đồng ý với nhau về giáo lý và hành động, vì “nếu hai người không đồng ý với nhau, thì có đi chung đường được sao?” (A-mốt 3:3).

(3) Trong mối liên hệ với chính quyền dân sự.- Nhà nước không có quyền kiểm soát trên bất kỳ hội thánh hoặc tổ chức tôn giáo nào. Không có hội thánh hoặc tổ chức tôn giáo nào có quyền trên nhà nước. Hội thánh và nhà nước thuộc những lãnh vực khác nhau, phải tách rời và cách biệt nhau, về mặt tổ chức hiệp hội.

Nhưng hội thánh và nhà nước cần tôn trọng một số yêu cầu. Chúa Giê-xu phán, “Hãy trả cho Sê-sa những gì của Sê-sa; và trả cho Đức Chúa Trời những gì của Đức Chúa Trời” (Ma-thi-ơ 22:21). Thành viên hội thánh phải là những công dân tốt của nhà nước, tuân thủ luật pháp nhà nước, nếu những luật pháp đó không vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời. Và nhà nước phải bảo vệ hội thánh cùng công việc hội thánh khi hội thánh không vi phạm quyền của nhà nước.

III. VIÊN CHỨC HỘI THÁNH

Hai viên chức hội thánh được đề cập trong Tân Ước là mục sư và chấp sự. Trong 1 Cô-rinh-tô 12:28, Phao-lô nói, “Đức Chúa Trời đã sắp đặt trong hội thánh, thứ nhất là sứ đồ, thứ nhì là nhà tiên tri, thứ ba là giáo sư, kế đến là người làm phép lạ, rồi đến người được ân tứ chữa bệnh, người giúp đỡ, người quản trị, người nói các thứ tiếng lạ.” Tuy nhiên, những chức vụ này dường như chỉ về người được ban cho ân tứ đặc biệt để làm công tác đặc biệt, chứ không nói về viên chức hội thánh.

1. Mục sư

Đây là chức danh thông thường ngày nay, nhưng chỉ gặp một lần trong Tân Ước, “Chính Ngài đã ban cho một số người làm sứ đồ; một số người làm nhà tiên tri, một số người khác làm nhà truyền giảng Tin Lành; một số người khác nữa làm mục sư và giáo sư” (Ê-phê-sô 4:11). Trong Tân Ước, chức vụ này gọi là “trưởng lão,” hoặc “giám mục,” có nghĩa giám quản. Vì vậy chúng ta có ba chức danh cho một chức vụ: mục sư, trưởng lão, và giám mục.

Có ý kiến cho rằng có lẽ tổ tiên Báp-tít chúng ta không dùng chức danh “giám mục” hoặc “trưởng lão” là vì có những liên tưởng không hợp với Thánh Kinh, gắn liền với các chức danh này, và chỉ dùng những

chức danh không kèm theo những liên tưởng như vậy--”mục sư,” có nghĩa người chăn.

Trong hội thánh thời Tân Ước, dường như không chỉ có một mục sư trong từng hội thánh. Còn bao nhiêu, thì chúng ta không được biết. Con số có thể được quyết định bởi tầm cỡ hội thánh. Khi gửi thư cho các hội thánh, Phao-lô luôn luôn dùng số nhiều chỉ về chức vụ này, “Gửi cho toàn thể thánh đồ trong Đấng Christ Giê-xu tại thành Phi-líp, cùng quý giám mục và chấp sự” (Phi-líp 1:1). Khi đến Mi-lê, “Phao-lô sai người đến Ê-phê-sô, mời các trưởng lão trong hội thánh đến.” (Công Vụ 20:17).

(1) *Phẩm chất của mục sư.*- Những phẩm chất này được nêu trong 1 Ti-mô-thê 3:1-7, và trong Tít 1:6-9. Bao gồm cá tánh ngay thẳng, không bị tai tiếng, có đặc tính của người lãnh đạo, và có tài dạy dỗ. Nói tắt, mục sư phải có tài năng bẩm sinh, có ơn và được đào tạo. Đó là tiêu chuẩn cao và nếu ai không cố gắng đạt tới tiêu chuẩn đó, thì không thể có được vị trí phục vụ.

(2) *Bổn phận của mục sư.*- Bổn phận đã được hàm ý trong chức danh này. Mục sư được gọi là “trưởng lão” có nghĩa là cao tuổi. Từ này ngụ ý kinh nghiệm, và là người xứng đáng được tôn trọng. Chức danh “giám mục” có nghĩa giám quản. Người này có nhiệm vụ trông nom hội thánh, hướng dẫn và chỉ đạo trong công việc. “Mục sư” có nghĩa người chăn. Người chăn dẫn dắt bầy chiên, cho chiên ăn và bảo vệ bầy chiên. Mục sư tìm kiếm những chiên lang thang và phục vụ chiên yếu đuối bất lực. Vì vậy mục sư phải là người giảng, thầy giáo, người lãnh đạo và nhà tư vấn.

(3) *Hỗ trợ mục sư.*- Phao-lô nhấn mạnh sự kiện mục sư phải nhận được sự hỗ trợ thích đáng từ những người mình phục vụ. Ông nói với hội thánh tại Cô-rinh-tô, “Anh em không biết rằng, ai lo việc đền thờ thì

ăn của dâng trong đền thờ, còn ai lo việc bàn thờ, thì có phần nơi bàn thờ sao? Cũng vậy Chúa có truyền rằng ai rao giảng Tin Lành thì được nuôi sống bởi Tin Lành” (1 Cô-rinh-tô 9:13-14).

Khi Chúa chúng ta sai môn đồ đi giảng và phục vụ dân chúng, Ngài bảo họ đừng mang tiền theo “vì người làm công đáng được tiền lương mình” (Lu-ca 10:7). Mục sư phải là “người không tham tiền” (1 Ti-mô-thê 3:3), nhưng phải nhận được sự hỗ trợ thích đáng từ người mình phục vụ.

2. Chấp sự

Chức danh “chấp sự” có nghĩa người phục vụ, hoặc người đầy tớ. Lúc đầu, từ này được dùng cho bất cứ ai phục vụ, dù trong gia đình, trong quốc gia hoặc trong hội thánh. Nhưng theo thời gian, từ này được dùng cho những người được chọn vào các nhiệm vụ đặc biệt trong hội thánh. Mục sư và chấp sự thường được đề cập chung, trong Tân Ước, “Kính gửi toàn thể thánh đồ trong Đấng Christ Giê-xu tại thành Phi-líp, cùng quý giám mục và chấp sự” (Phi-líp 1:1). Phao-lô gom chung hai chức danh khi nêu ra đặc tính của họ trong chương ba của 1 Ti-mô-thê.

(1) *Nguồn gốc của chức vụ này.*- Câu chuyện về nguồn gốc chức vụ chấp sự được kể trong chương sáu của Công Vụ Các Sứ Đồ, tuy không nêu rõ chức danh. Có tất cả bảy người, nhưng không có nghĩa mỗi hội thánh chỉ được có bảy chấp sự. Con số tùy thuộc vào tầm cỡ hội thánh. Một số hội thánh có lẽ chỉ cần ba hoặc bốn, trong khi các hội thánh khác, năm mươi chưa chắc đã là quá nhiều. Các chấp sự đầu tiên này được toàn hội chúng chọn ra và được các sứ đồ biệt riêng để phục vụ, bằng cách đặt tay cầu nguyện.

(2) *Phẩm chất của chấp sự.*- Chúng ta thấy những phẩm chất này được nêu trong Công Vụ 6:3 và trong 1 Ti-mô-thê 3:8-13. Phẩm chất của chấp

sự rất giống của giám mục. Tâm tánh tốt và không tai tiếng là điều thiết yếu đối với chấp sự. Dĩ nhiên, còn những phẩm chất khác như khả năng trong công việc và phẩm chất lãnh đạo; nhưng cho dù có những phẩm chất nào, mà thiếu phẩm hạnh thì vẫn không thích hợp làm chấp sự.

(3) *Bốn phận của chấp sự.*- Những bốn phận này không xác định rõ trong Tân Ước. Các chấp sự đầu tiên được chọn để trông nom việc điều hành ngân quỹ chung, để các sứ đồ có nhiều thời gian cho việc cầu nguyện và giảng đạo. Nhưng họ cũng phải là người lãnh đạo thuộc linh trong hội thánh. Vì vậy họ cần tiêu chuẩn cao về phẩm hạnh.

Chấp sự phải giúp mục sư trong mọi sinh hoạt của hội thánh. Chắc chắn, nhiệm vụ của chấp sự không chỉ là chuyển hợp dâng hiến và phục vụ Tiệc Thánh.

IV. CÁC THÁNH LỄ TRONG HỘI THÁNH

Trong hội thánh thời Tân Ước có hai nghi thức gọi là “thánh lễ.” Các thánh lễ này không có công hiệu cứu rỗi và tự thân chúng không có quyền năng ban phước lành. Đó chỉ là những biểu tượng của các chân lý quan trọng và cần được thực thi nhằm vâng giữ mạng lịnh Chúa.

1. Báp-tem

Thánh lễ này từng là đề tài tranh cãi suốt nhiều năm, chủ yếu do nhiều người tìm hiểu khái niệm từ văn phẩm của con người thay vì từ Tân Ước. Kinh Thánh nói gì về thánh lễ này?

(1) *Nguồn gốc.*- Thánh lễ báp-tem lần đầu tiên được sử dụng bởi Giăng Báp-tít, là người được sai phái từ thiên thượng, “Có một người Đức Chúa Trời sai đến tên là Giăng” (Giăng 1:6). Đức Chúa Trời sai phái ông, không chỉ để giảng sự ăn năn để được tha tội, mà cũng làm báp-tem

cho người đã ăn năn, như là dấu hiệu bên ngoài của sự thay đổi bên trong, “Nhưng Đấng đã sai tôi làm báp-tem bằng nước” (Giăng 1:33).

Chúa Giê-xu phê chuẩn thánh lễ này bằng cách chịu báp-tem như đã ghi lại trong Ma-thi-ơ 2:13-17, và bằng mạng lệnh của Ngài lúc chia tay các môn đồ, “Vậy hãy đi khiến muôn dân trở nên môn đồ ta, hãy nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh làm báp-tem cho họ” (Ma-thi-ơ 28:19). Vì vậy báp-tem là hành động tự nguyện của cá nhân, vâng phục mạng lệnh của Chúa mình.

(2) *Hành động.*- Báp-tem là chìm xuống nước. Đây là ý nghĩa của từ Hi văn là nguồn gốc của từ “báp-tem.” Và đây là hành động duy nhất khớp với lời mô tả phép báp-tem chúng ta có trong Tân Ước, “Cả hai đều xuống nước, và Phi-líp làm phép báp-tem cho hoạn quan. Khi lên khỏi nước, Thánh Linh của Chúa đem Phi-líp đi” (Công Vụ 8:38-39). Lời này mô tả sự chìm xuống nước.

Phao-lô mô tả phép báp-tem là chôn và sống lại, “Vậy, bởi báp-tem, chúng ta đã được chôn vào trong sự chết với Ngài, để rồi như Đấng Christ nhờ vinh quang của Cha được sống lại từ cõi chết thể nào thì chúng ta cũng được sống trong đời mới thể ấy. Vì nếu chúng ta được liên kết với Ngài bởi sự chết giống như của Ngài, thì chúng ta cũng sẽ được giống như Ngài trong sự sống lại của Ngài” (Rô-ma 6:4-5).

(3) *Đối tượng.*- Tín nhân là đối tượng duy nhất thích hợp cho phép báp-tem. Điều này được nêu rõ qua các thí dụ và lời dạy trong Tân Ước. Không có ghi nhận nào trong Tân Ước về trường hợp làm báp-tem cho người không phải là tín nhân, chưa xưng nhận mình là tín nhân.

Đức tin nơi Đấng Christ là điều kiện tiên quyết cho phép báp-tem chân chính, đã được minh họa qua câu chuyện mấy người tại Ê-phê-sô theo ghi lại trong Công Vụ 19:1-5. Mấy người này đã nhận báp-tem của

Giăng, hiển nhiên là chưa có đức tin cứu rỗi nơi Đấng Christ. Khi được hướng dẫn bày tỏ niềm tin đích thực trong Đấng Cứu Thế, họ đã được báp-tem trong danh Chúa Giê-xu. Hành động lần đầu chưa phải là báp-tem đích thực, vì chưa phải là báp-tem của tín nhân.

(4) *Biểu tượng.*- Có biểu tượng về ba lễ thật trong thánh lễ báp-tem. Báp-tem chỉ về sự chôn và sự sống lại của Chúa chúng ta. Báp-tem nói lên kinh nghiệm biến đổi trong đời sống tín nhân, sự chết của con người cũ đầy tội lỗi và sự sống lại con người mới trong Đấng Christ. Báp-tem nói lên hi vọng phước hạnh về sự sống lại vinh quang của thân thể khi Chúa tái lâm.

2. Tiệc Thánh

Thánh lễ này cũng từng là đề tài tranh cãi về cả ý nghĩa lẫn cách giữ lễ.

(1) *Một nghi thức tưởng nhớ.*- Tiệc Thánh do Chúa chúng ta thiết lập trên phòng cao ngay trước khi Ngài chết trên thập tự giá. Thánh lễ này phải được giữ để tưởng nhớ sự chết chuộc tội của Ngài. Khi ban bánh đã bẻ ra cho môn đồ, Ngài phán, “Hãy lấy, ăn đi! Đây là thân thể Ta” (Ma-thi-ơ 26:26). Và khi trao chén cho họ, Ngài phán, “Tất cả các con, hãy uống đi! Vì đây là huyết Ta huyết của giao ước đã đổ ra cho nhiều người được tha tội” (Ma-thi-ơ 26:27-28).

Không có sự hiệu nghiệm thuộc linh trong bánh và rượu; đó chỉ là những mẫu nhắc nhở thân tan nát và máu đã đổ của Chúa Cứu Thế. Mục đích lớn duy nhất của việc giữ thánh lễ này để rao ra sự chết của Chúa chúng ta, “Vậy mỗi lần anh em ăn bánh này, uống chén này thì rao giảng sự chết của Chúa cho đến lúc Ngài đến” (1 Cô-rinh-tô 11:26).

(2) *Một thánh lễ của hội thánh.*- Tiệc Thánh là một thánh lễ của hội thánh, do hội thánh vâng giữ, với sự tham gia của những người đã đáp ứng điều kiện nêu ra trong Tân Ước, gồm đức tin cứu rỗi, phép báp-tem, và là thành viên trong hội thánh.

3. Trọng Tâm của Phúc Âm

Hai thánh lễ tượng trưng cho hai lễ thật trọng tâm của phúc âm, sự chết chuộc tội và sự sống lại vinh quang của Chúa chúng ta. Phao-lô viết cho Cơ Đốc nhân tại Cô-rinh-tô, “Thưa anh em, tôi muốn nhắc lại cho anh em Tin Lành tôi đã rao giảng và anh em đã tiếp nhận, cũng như đang đứng vững trong đó. Nhờ Tin Lành ấy, anh em được cứu rỗi nếu anh em giữ vững điều tôi đã rao giảng; bằng không, anh em có tin cũng vô ích. Trước hết, tôi đã truyền đạt cho anh em điều chính tôi đã nhận lãnh, ấy là Đấng Christ chịu chết vì tội lỗi chúng ta theo lời Kinh Thánh. Ngài đã bị chôn; đến ngày thứ ba, Ngài đã sống lại theo lời Kinh Thánh” (1 Cô-rinh-tô 15:1-4). Vì là biểu tượng cho những lễ thật này, nên các thánh lễ cần được giữ theo đúng khuôn mẫu Tân Ước.

V. CÔNG VIỆC CỦA HỘI THÁNH

Đấng Christ đã thành lập hội thánh để qua đó, tiếp nối công việc của Ngài trên thế gian. Hội thánh phải phục vụ mọi nhu cầu của nhân loại, nhưng công việc chính là rao giảng phúc âm cho toàn thế giới. Do đó, công việc của hội thánh vừa mang tính địa phương vừa mang tính toàn cầu. Chúa Giê-xu phác họa công việc của hội thánh khi Ngài phán, “Các con sẽ nhận lấy quyền năng và làm chứng nhân cho ta tại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri cho đến cùng trái đất” (Công Vụ 1:8). Họ phải bắt đầu từ quê nhà, nhưng không được ngừng ở đó. Vào một dịp khác, Chúa Giê-xu phán, “Đồng ruộng là thế gian” (Ma-thi-ơ 13:38)

1. Trong cộng đồng

Hội thánh thực hiện công việc của mình trong cộng đồng bằng cách duy trì sự thờ phượng chung và phục vụ cho nhu cầu của dân chúng, cả thuộc thể lẫn thuộc linh. Nhưng điểm nhấn mạnh phải luôn luôn là thuộc linh.

Hội thánh tìm cách giúp người hư mất hiểu biết Đấng Christ qua việc rao giảng phúc âm cứu rỗi và qua lời làm chứng cá nhân. Hội thánh giang tay cứu giúp người có nhu cầu, cả trong hội thánh lẫn ngoài hội thánh. Hội thánh cố gắng duy trì tiêu chuẩn đạo đức cao và thiết lập sự công chính lẫn công lý trong mọi liên hệ của cuộc sống.

Hội thánh có thể làm công việc của mình tốt nhất, khi duy trì được tiêu chuẩn sống cao giữa vòng thành viên của mình. Hội thánh không bao giờ có thể chinh phục được thế gian bằng cách thỏa hiệp với thế gian. Chúa phán, “Hãy ra khỏi giữa chúng nó, hãy phân rã ra khỏi chúng nó, đừng đá động đến đồ ô uế” (2 Cô-rinh-tô 6:17). Vì chính mình, và vì có công việc, hội thánh phải duy trì kỷ luật lành mạnh. Hội thánh phải cố gắng hết sức giúp thành viên sống theo tiêu chuẩn do Chúa Giê-xu Christ đã nêu.

Phao-lô mô tả thật tuyệt, sức mạnh của một hội thánh thờ phượng trong 1 Cô-rinh-tô 14:23-25, “Vậy, khi cả Hội Thánh cùng nhóm lại, tất cả đều nói tiếng lạ, mà có người bình thường và người chưa tin bước vào thì họ không nói rằng anh em điên cuồng sao? Nhưng nếu tất cả đều nói tiên tri, mà có người không tin và người bình thường bước vào, thì họ sẽ bị thuyết phục, và phán xét bởi tất cả các lời tiên tri. Những điều ẩn giấu trong lòng họ được phơi bày; họ sẽ sấp mình xuống thờ lạy Đức Chúa Trời, và tuyên bố rằng: Đức Chúa Trời thực đang ở giữa anh em.”

2. Trong thế gian

Khi thi hành sứ mạng trong thế gian, từng hội thánh cộng tác với những hội thánh khác, rao giảng phúc âm cho muôn dân, và phục vụ cho nhu cầu của họ. Đây là ý nghĩa của giáo khu và giáo hội.

Khi sứ giả từ nhiều hội thánh họp nhau tại Augusta, Georgia ngày 8 tháng Năm, 1845, và tổ chức Đại Hội Báp-tít Nam Phương, họ đã xác

định mục đích của tổ chức này như sau: Nhằm mục đích thi hành hiệu quả những ý định nhân đức của các thành viên, bằng cách tổ chức một kế hoạch để sử dụng, kết hợp và điều hướng năng lực của toàn thể giáo hội vào một nỗ lực thiêng liêng, để quảng bá Phúc Âm.”

Chỉ nhờ sự cộng tác như vậy, các hội thánh mới có thể đẩy mạnh hiệu quả nhất chương trình của Thầy mình. Những hội thánh cộng tác như vậy, phải cung ứng nhân sự cho nhiều lãnh vực khác nhau và cung ứng phương tiện để thực hiện công tác. Điều này kêu gọi vai trò quản gia trong sự cầu nguyện, quản gia trong cuộc sống và quản gia tài sản vật chất.

CÂU HỎI ÔN BÀI VÀ THI

1. Mô tả hội thánh là đền thờ thuộc linh.
2. Theo nghĩa nào, hội thánh là một tổ chức độc lập?
3. Kể ra hai viên chức trong hội thánh Tân Ước.
4. Giải thích biểu tượng của phép báp-tem.
5. Công việc của hội thánh là gì?

9. Thế Giới Tương Lai

“đã ném sự tốt đẹp của Lời Đức Chúa Trời, và quyền năng của thời đại sẽ đến” (Hê-bơ-rơ 6:5)

Vào hai dịp, Chúa Giê-xu nói về “thế giới tương lai,” hoặc “đời sau” (Ma-thi-ơ 12:32; Mác 10:30). Cùng cách nói này xuất hiện hai lần trong sách Hê-bơ-rơ (2:5; 6:5). Vấn đề là sự tương phản giữa thế giới đời này với đời sau. Một số người quá bận bịu với việc đời này tới mức quên sẽ còn có đời sau.

Hiểu biết của chúng ta về đời sau có giới hạn. Nhiều điều về đời sau, chúng ta không được biết. Nhưng mọi điều cần biết thì đã bày tỏ đầy đủ cho chúng ta.

I. SỰ CHẾT

Chết về thể xác là số phận chung của mọi người, “Theo như đã định cho loài người phải chết một lần” (Hê-bơ-rơ 9:27). Mọi người sống trên đất đều đã chết, với hai ngoại lệ thật vinh quang, đó là Hê-nóc và Ê-li, “Bởi đức tin, Hê-nóc được cất lên và không trải qua sự chết” (Hê-bơ-rơ 11:5). “Trong khi họ vừa đi vừa nói chuyện với nhau, kìa, có một chiếc xe bằng lửa và các ngựa lửa phân rẽ hai người; rồi Ê-li lên trời trong một cơn gió lốc” (2 Các Vua 2:11). Mọi người hiện đang sống trên đất, sẽ chết, trừ khi Chúa tái lâm ngay trong thế hệ này.

Chết là gì? Đây là câu hỏi khó trả lời, giống như hỏi: Sống là gì? Chết không phải là ngưng hiện hữu. Chết đánh dấu sự kết thúc cuộc sống trên đất, nhưng khi chết, con người không ngưng hiện hữu. Chúa Giê-xu phán, “Đừng sợ những kẻ giết thân thể mà không giết được linh hồn” (Ma-thi-ơ 10:28).

Chết là sự tách rời linh hồn với thể xác. Người khôn ngoan nói như sau, “Và tro bụi trở về đất như nguyên thủy, còn thần linh trở về nơi

Đức Chúa Trời là Đấng đã ban nó” (Truyền Đạo 12:7). Đôi khi sự chết được mô tả là “trút linh hồn.” Cách nói này được dùng cho sự chết của Chúa Giê-xu, “Chúa Giê-xu kêu một tiếng lớn nữa, rồi trút linh hồn” (Ma-thi-ơ 27:50).

Có hai cách dùng từ được dùng trong Tân Ước để mô tả sự chết. Hình thái thứ nhất ám chỉ thể xác, gọi là giấc ngủ. Lúc chết cơ thể có vẻ như đang ngủ. Chúng ta gặp từ “ngủ” vài lần. Câu chuyện về cái chết của Ê-tiên kết thúc như sau, “Vừa dứt lời, thì ông ngủ” (Công Vụ 7:60). Còn đối với Đa-vít thì, “Thế mà sau khi phục vụ cho mục đích của Đức Chúa Trời trong thời đại mình, vua Đa-vít đã qua đời” (Công Vụ 13:36).

Phao-lô an ủi Cơ Đốc nhân Ê-sa-lô-ni-ca về người đã chết, bảo rằng, “Nhưng chúng tôi không muốn anh em không biết về phần người đã ngủ; hầu cho anh em chớ buồn rầu như người khác, là người không có hi vọng” (1 Ê-sa 4:13). Từ “ngủ” ngụ ý có sự thức dậy. Lúc chết, cơ thể ngủ, nhưng sẽ thức dậy lúc sống lại.

Hình thái thứ hai về cái chết chỉ về linh hồn, hoặc tâm linh, và gọi là sự ra đi. Đây là hình ảnh Phao-lô ưa thích, “Muốn ra đi về ở với Đấng Christ” (Phi-líp 1:23). Liên quan đến cái chết của chính mình, mà ông biết không còn bao xa, ông nói, “Giờ qua đời của ta gần rồi” (2 Ti-mô-thê 4:6). Đây là hình ảnh con tàu nhỏ neo phóng ra khơi.

Vì vậy, lúc chết, cơ thể được an nghỉ trong lòng đất; nhưng tâm linh ra đi vào một thế giới khác, nơi nó sẽ sống muôn đời.

II. TRẠNG THÁI CHUYỂN TIẾP

Đây là nơi chốn và tình trạng của kẻ chết chờ sống lại. Lúc chết, con người đi đâu? Tâm linh đi về đâu? Có một từ tiếng Hê-bơ-rơ trong Cựu Ước--sheol [âm ti]-tương đương với từ Hi Lạp Hades [âm phủ]. Đáng tiếc, trong Bản Kinh James Version, mấy từ này được dịch là hỏa ngục. Nhưng chuyển ngữ nhầm lẫn đã được sửa trong các bản dịch về sau.

Từ có nghĩa nơi ở của kẻ chết, không hề ám chỉ tình trạng của kẻ chết. Mọi người đã chết, đều ở Hades [Âm phủ].

Không có nghĩa là hỏa ngục đã bị bãi bỏ. Có một từ dịch đúng hỏa ngục--Gehenna--và đó là từ Cứu Chúa chúng ta sử dụng, khi Ngài phán, “Thà cụt một tay mà vào sự sống, còn hơn đủ cả hai tay mà sa vào hỏa ngục, trong lửa chẳng hề tắt” (Mác 9:43).

Một vài lẽ thật về tình trạng kẻ chết được bày tỏ trong Kinh Thánh.

1. Người công chính

Linh hồn của Cơ Đốc nhân lúc chết sẽ ra sao? Một số người nói, linh hồn ngủ trong mộ với thể xác. Quan điểm này rõ ràng tương phản với một số phân đoạn Thánh Kinh. Chúa Giê-xu phán với tên cướp trên thập tự giá, “Hôm nay con sẽ được ở với Ta trong Pa-ra-đi” (Lu-ca 23:43). Đề cập cái chết của chính mình, Phao-lô nói, “Tôi muốn ra đi và về ở với Đấng Christ” (Phi-líp 1:23). Trong Khải Huyền 14:13, chúng ta có lời bảo đảm phước hạnh, “Từ nay trở đi, phước cho những người chết là chết trong Chúa.”

Như vậy, ba lẽ thật được bày tỏ về người chết công chính: họ ở trong ba-ra-đi; họ ở với Đấng Christ; và họ hạnh phúc. Điều này trái ngược với bất kỳ giáo lý nào về sự luyện tội, nơi linh hồn người công chính phải trải qua thời gian khổ đau trước khi được chuẩn bị bước vào nơi phước hạnh của kẻ được chuộc.

2. Kẻ ác

Kinh Thánh nói rất ít về tình trạng của kẻ ác giữa cái chết với sự sống lại. Có hai phân đoạn cho chúng ta mọi hiểu biết về đề tài này. Trong chuyện ngụ ngôn về người giàu và La-xa-rô, Chúa Giê-xu phán, “Người nhà giàu cũng chết, và người ta đem đi chôn. Người giàu nơi âm phủ bị đau đớn” (Lu-ca 16:22-23). Trong 2 Phi-e-rơ 2:9, chúng ta có

lời mô tả về người chết không công chính, “Chúa biết làm thế nào để giải cứu những người tin kính khỏi sự thử thách, và giữ kẻ bất chính dưới hình phạt cho đến khi phán xét.” Người chết công chính được hưởng phước hạnh trong sự hiện diện với Chúa thể nào, thì kẻ ác đã chết bị ngăn cách với Chúa và sống trong tình trạng khốn khổ cũng như vậy.

III. SỰ TRỞ LẠI CỦA Đấng CHRIST

Do có quá nhiều thuyết về sự tái lâm của Đấng Christ, một số người không còn nhấn mạnh giáo lý này nữa. Trong Lời Đức Chúa Trời, giáo lý này được nhắc đến như là hi vọng phước hạnh của Cơ Đốc nhân, “Đang khi chờ đợi niềm hi vọng phước hạnh và sự xuất hiện vinh quang của Đức Chúa Trời vĩ đại, cũng là Cứu Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-xu Christ” (Tít 2:13).

Tại đây, hiểu biết của chúng ta cũng bị hạn chế. Vượt quá điều đã được bày tỏ trong Kinh Thánh, luôn luôn là nguy hiểm. Nhưng có vài lẽ thật đã được bày tỏ về sự tái lâm của Đấng Christ.

1. Sự tái lâm của Ngài là chắc chắn

Không có lẽ thật nào được khẳng định rõ ràng hơn lẽ thật này trong Lời Đức Chúa Trời. Ở đây chỉ có thể nêu ra vài phân đoạn.

Khi các môn đồ đứng trên núi Ô-li-ve, nhìn chăm lên trời sau khi Chúa của họ ra đi, thì “hai người nam mặc áo trắng đứng gần họ và nói: Hỡi người Ga-li-lê, sao các ông cứ đứng nhìn lên trời như thế? Đức Chúa Giê-xu này đã được cất lên trời khỏi các ông, cũng sẽ trở lại như cách các ông đã thấy Ngài lên trời vậy” (Công Vụ 1:10-11).

Phao-lô nói, “Vi khi có hiệu lệnh ban ra, với tiếng gọi của thiên sứ trưởng, cùng tiếng kèn của Đức Chúa Trời thì chính Chúa từ trời sẽ giáng lâm. Bấy giờ, những người chết trong Đấng Christ sẽ sống lại

trước tiên” (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:16). Và trong Hê-bơ-rơ 9:28, “Đấng Christ... sẽ hiện ra lần thứ hai không phải để cất tội lỗi đi nữa, nhưng để ban ơn cứu rỗi cho những người trông đợi Ngài.”

Chúa Giê-xu phán với môn đồ Ngài, “Các con đã nghe Ta nói: Ta đi, và Ta sẽ trở lại với các con!” (Giăng 14:28). Ngài từng nói nhiều với môn đồ về việc phải sẵn sàng cho sự tái lâm của Ngài.

Ma-thi-ơ đoạn 24 cùng các phân đoạn tương tự trong những sách Phúc âm khác, đề cập nhiều về sự tái lâm của Chúa.

2. Cách Ngài tái lâm

Có vài điều đã được bày tỏ:

(1) *Đích thân và rõ ràng.*- Hai người xuất hiện với các môn đồ trên núi Ô-li-ve, nói, “Đức Chúa Giê-xu này đã được cất lên trời khỏi giữa các ông, cũng sẽ trở lại như cách các ông đã thấy Ngài lên trời vậy” (Công Vụ 1:11). Ngài sẽ đích thân trở lại như cách Ngài đã ra đi. Và sự trở lại của Ngài sẽ rõ ràng đối với mọi người, “Kìa, Ngài đến với các đám mây! Mọi mắt sẽ thấy Ngài” (Khải Huyền 1:7). Như vậy, sự trở lại của Ngài sẽ không chỉ là sự tái lâm thuộc linh.

(2) *Thình lình và bất ngờ.*- Đây là cách Chúa Giê-xu mô tả sự tái lâm của Ngài. Sự tái lâm sẽ đến thình lình như một tia chớp, “Vì như chớp phát ra từ phương đông, lóe sáng đến phương tây thế nào, thì Con người cũng sẽ đến thế ấy” (Ma-thi-ơ 24:27). Muôn dân trên thế giới sẽ không ngờ, “Trong những ngày trước nạn lụt, người ta ăn, uống, cưới, gả, cho đến ngày Nô-ê vào tàu; họ không biết gì hết cho đến lúc nước lụt đến và cuốn đi tất cả. Khi Con người đến cũng sẽ như vậy” (Ma-thi-ơ 24:38-39).

(3) *Thái độ mong chờ.*- Thái độ của con dân Đức Chúa Trời phải là mong chờ. Chúa có thể trở lại bất cứ lúc nào. Chúa Giê-xu phán, “Vì vậy, hãy

tỉnh thức, vì các con không biết ngày nào Chúa mình sẽ đến” (Ma-thi-ơ 24:42). Cách chuẩn bị tốt nhất cho sự tái lâm của Chúa, là bận rộn với công việc Ngài đã giao cho chúng ta làm. “Phước cho đầy tớ ấy, khi chủ đến thấy làm như vậy” (Ma-thi-ơ 24:46).

4. Thiên hy niên

Thảo luận về thời điểm Chúa tái lâm khơi dậy một vấn đề gây nhiều tranh cãi về thiên hy niên. Từ này bắt nguồn từ Hi văn, có nghĩa một ngàn năm. Thời gian một ngàn năm này, chỉ được đề cập một lần trong Kinh Thánh, Khải Huyền 20:1-10. Có nhiều trở ngại khi giải thích phân đoạn này trong một sách của Thánh Kinh chứa đựng quá nhiều hình ảnh và biểu tượng đến như vậy. Tuy nhiên, có những phân đoạn khác, giúp làm sáng tỏ đề tài này.

Có hai trường phái giải thích, mệnh danh là tiền thiên hy niên và hậu thiên hy niên. Ở đây chỉ có thể đưa ra bố cục ngắn gọn lời dạy của hai trường phái này.

(1) *Phái tiền thiên hy niên.*- Theo phái này, thế giới sẽ càng lúc càng gian ác, dẫn tới đỉnh điểm là sự tái lâm của Đấng Christ. Sự tái lâm của Ngài có hai mặt.

Thứ nhất, sự tiếp rước thánh đồ. Thời điểm này, kẻ chết trong Đấng Christ sẽ sống lại, còn Cơ Đốc nhân đang sống, sẽ được biến hóa, và cùng được cất lên trong mây để gặp Chúa. Đôi khi sự kiện này được gọi là sự Cất Lên và được mô tả trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:15-17. Sẽ có giai đoạn hoạn nạn trên đất sau đó, Y-sơ-ra-ên sẽ trở lại đạo trong thời gian đó và trở thành sứ giả của phúc âm.

Thứ hai, sẽ có sự trở lại của thánh đồ Ngài. Cuối thời kỳ hoạn nạn, Đấng Christ sẽ trở lại cùng với thánh đồ của Ngài, sau đó là sự phán xét các dân. Sa-tan sẽ bị trói lại, và Đấng Christ sẽ trị vì cùng với các thánh đồ trong một ngàn năm. Cuối thời kỳ này, Sa-tan sẽ được thả ra

và trận chiến lớn A-ma-gê-đôn sẽ diễn ra, chung cuộc Đấng Christ sẽ thắng và Sa-tan sẽ bị quăng vào hồ lửa. Sau đó là sự sống lại của kẻ ác và sự phán xét trước tòa án trắng lớn.

(2) *Hậu thiên hy niên.*- Theo trường phái giải thích này, sẽ có chiến thắng từ từ của phúc âm trên thế giới, dẫn tới đỉnh cao là thời kỳ công chính, công lý và hòa bình, kéo dài một ngàn năm. Một số nhà giải thích hiện đại cho rằng thiên hy niên là thời gian vô định, kéo dài từ sự đóng đinh cho tới tận thế. Khi Đấng Christ hiện ra, sẽ có sự sống lại chung của kẻ chết, cả công chính lẫn gian ác, sau đó là sự phán xét.

Có thể đa số Cơ Đốc nhân ngày nay cảm thấy bận rộn làm công việc Chúa vẫn quan trọng hơn bỏ ra thì giờ tranh cãi chi tiết về cách giải thích chính xác thiên hy niên, cùng những chi tiết liên quan thời điểm cùng cách thức Chúa tái lâm. Sự tái lâm chắc chắn cùng chiến thắng của Ngài mà mọi người đều đồng ý, phải là hi vọng và nguồn cảm hứng không dứt của chúng ta.

IV. SỰ SỐNG LẠI

Dù Cơ Đốc nhân tốt, vẫn có thể bất đồng quan điểm về hai sự sống lại, một của người công chính và một của kẻ gian ác, nhưng tất cả đều đồng ý cả người công chính lẫn gian ác đều sẽ từ cõi chết sống lại. Điều này được dạy rõ ràng trong Kinh Thánh cả Cựu lẫn Tân Ước. Trong Đa-ni-ên 12:2, chúng ta thấy lẽ thật này được khẳng định, “Nhiều người ngủ trong bụi đất sẽ thức dậy, người thì để hưởng sự sống đời đời, kẻ thì để chịu tui nhục ghê tởm đời đời.” Còn Phao-lô thì nói, “Tôi có cùng một hy vọng nơi Đức Chúa Trời như chính họ cũng có vậy, tức là sẽ có sự sống lại của người công chính lẫn người bất nghĩa” (Công Vụ 24:15).

Cùng những câu hỏi con người nêu ra về sự sống lại trong thời Phao-lô, cũng vẫn còn được nêu ngày nay, “Nhưng có người sẽ nói: Người

chết sống lại cách nào? Họ lấy thân thể nào mà trở lại? (1 Cô-rinh-tô 15:35). Sự kiện về sự sống lại của thân thể, không khó chấp nhận đối với những ai tin Đức Chúa Trời. Như Phao-lô nói với vua A-c-ríp-ba, “Tại sao quý vị ở đây lại không thể tin rằng Đức Chúa Trời khiến người chết sống lại?” (Công Vụ 26:8).

Nếu Đức Chúa Trời làm ra cơ thể con người từ bụi đất lúc đầu, thì Ngài há không khiến thân thể từ bụi đất sống lại được sao? Sự cứu chuộc sẽ không hoàn chỉnh cho tới khi có sự sống lại. Khi Cơ Đốc nhân chết, tâm linh người ấy về với Chúa, nhưng thân thể người được chôn dưới đất. Vậy là hết rồi sao? Kinh Thánh nói, “Không phải vậy đâu. Thân thể đó sẽ sống lại, một thân thể được chuộc, hợp với tâm linh đã được chuộc.”

Bản chất của thân thể sống lại sẽ ra sao? Kinh Thánh không nói nhiều về sự sống lại của kẻ ác, nhưng có nhiều lẽ thật về sự sống lại của người công chính. Sự sống lại của Đấng Christ cho chúng ta sự bảo đảm cùng khuôn mẫu sống lại của dân sự Ngài. Hai sự kiện được nêu rõ ở đây.

1. Sự giống nhau

Theo ý nghĩa đích thực, thân thể sống lại sẽ giống thân thể đã chết. Thân thể Chúa Giê-xu đã ra khỏi mộ phần. Ngài chứng tỏ mình đang sống với các môn đồ và cho họ thấy những dấu đinh trên bàn tay Ngài. Theo ý nghĩa đích thực, đó chính là thân thể đã từng nằm trong mộ. Và sự sống lại của thân thể dân sự Đức Chúa Trời cũng sẽ như vậy.

2. Thân thể được biến hóa

Thân thể sống lại sẽ khác với thân thể hay chết. Phao-lô nói, “Thịt và máu không thể hưởng vương quốc Đức Chúa Trời được; sự hay hư nát không thể hưởng sự không hay hư nát được” (1 Cô-rinh-tô 15:50). Ông mô tả sự thay đổi diễn ra theo cách này, “Thân thể gieo xuống là

hư nát; nhưng sống lại là bất diệt: gieo xuống là nhục, nhưng sống lại là vinh; gieo xuống là yếu đuối, nhưng sống lại là mạnh mẽ; gieo xuống là thân thể vật chất, nhưng sống lại là thân thể thuộc linh” (c.42-44).

Dựa vào đó, chúng ta biết rằng thân thể sống lại sẽ không hư nát, mạnh mẽ, vinh quang, và thiêng liêng. Sẽ giống thân thể của Đấng Christ hiển vinh, “Nhưng chúng ta là công dân trên trời; từ nơi ấy, chúng ta trông đợi Chúa và Cứu Chúa là Đức Chúa Giê-xu Christ. Ngài sẽ biến hóa thân thể thấp hèn của chúng ta trở nên giống như thân thể vinh quang của Ngài” (Phi-líp 3:20-21). “Chúng ta sẽ như thế nào thì chưa được bày tỏ. Chúng ta biết rằng khi Ngài hiện đến, chúng ta sẽ giống như Ngài; vì chúng ta sẽ thấy Ngài như Ngài vốn có vậy” (1 Giăng 3:2).

V. SỰ PHÁN XÉT

Một số nhà giải kinh cho rằng sẽ không chỉ có một sự phán xét, trong khi người khác cho rằng sẽ chỉ có một mà thôi. Tuy nhiên, tất cả đều đồng ý là có sự phán xét. Tân Ước có những lời khẳng định dứt khoát như, “Vì Ngài đã ấn định một ngày, mà Ngài sẽ lấy sự công chính phán xét thế gian” (Công Vụ 17:31); “Theo như đã định cho loài người phải chết một lần, rồi chịu phán xét” (Hê-bơ-rơ 9:27).

1. Mục đích

Mục đích của sự phán xét không phải để quyết định số phận. Điều này đã mãi mãi được định rõ lúc chết rồi. Sẽ không còn có cơ hội thứ hai trong thế giới tương lai. Tiến sĩ A. H. Strong nói, “Mục tiêu của sự phán xét chung cuộc, không phải là để xác minh, mà là để thể hiện tính chất và phần việc phải làm bên ngoài, tương xứng với hình phạt.”

Phao-lô nói, “Vì tất cả chúng ta đều phải trình diện trước tòa án Đấng Christ, để mỗi người nhận lãnh tùy theo điều thiện hoặc ác mình đã làm lúc còn trong thân xác” (2 Cô-rinh-tô 5:10).

Mục đích phán xét nhằm ban thưởng và trừng phạt. Không phải mọi người được cứu đều nhận phần thưởng như nhau, và không phải mọi kẻ hư mất đều lãnh cùng một mức án như nhau. Đức Chúa Trời sẽ đáp trả mỗi người tùy theo việc đã làm. Cả phần thưởng lẫn hình phạt đều tùy vào cơ hội và hạnh kiểm mỗi người.

2. Nhân vật

Kinh Thánh công bố Đấng Christ sẽ là quan án, “Vì Ngài đã ấn định một ngày mà Ngài sẽ lấy sự công chính phán xét thế gian bởi người Ngài đã lập. Và để xác chứng cho mọi người thấy, Ngài đã khiến người sống lại từ cõi chết” (Công Vụ 17:31). “Vì tất cả chúng ta đều phải trình diện trước tòa án Đấng Christ” (2 Cô-rinh-tô 5:10).

Đấng tự trình diện là Chúa Cứu Thế, chính là Đấng mà mọi người đều phải chịu Ngài xét xử. Đã có ngày Chúa Giê-xu đứng trước mặt Phi-lát: thì một ngày kia, Phi-lát sẽ phải đứng trước mặt Chúa Giê-xu.

3. Bản chất

Sự phán xét chung cuộc này có bản chất ra sao?

(1) *Cá nhân*.- “Như vậy, mỗi chúng ta sẽ tường trình về chính mình với Đức Chúa Trời” (Rô-ma 14:12). Cá nhân sẽ không bị mất hút giữa đám đông. Và từng người sẽ tự khai về mình, không phải khai về người khác.

(2) *Phổ quát*.- Bao gồm mọi người. “Như vậy, mỗi chúng ta sẽ tường trình về chính mình với Đức Chúa Trời” (Rô-ma 14:10). Không một ai thoát khỏi. “Tôi thấy những người chết, cả lớn lẫn nhỏ, đều đứng trước ngài” (Khải Huyền 20:12).

(3) *Thấu suốt*.- Sẽ bao gồm tư tưởng, lời nói, cùng hành động. “Vậy chớ nên xét đoán quá sớm, hãy đợi Chúa đến, Ngài sẽ đưa ra ánh sáng những gì hiện đang được che giấu trong bóng tối, và phơi bày những

muờu địnđ trong lòng” (1 Cô-rinh-tô 4:5). Chúa Giê-xu phán, “Nhưng, ta bảo các người, trong ngày phán xét, người ta sẽ khai trình mọi lời vô ích mình đã nói” (Ma-thi-ơ 12:36). Và trong Khải Huyền 20:13, chúng ta thấy, “Mỗi người sẽ bị phán xét tùy theo công việc mình đã làm.”

(4) Công bằng và vô tư.- Đức Chúa Trời không vị nể người nào. Địa vị con người trên đất chẳng liên quan gì tới vị trí người đó trước mặt Đức Chúa Trời. Và sẽ không hề có nhằm lẫn, không hề có xử oan. Mỗi người sẽ nhận lấy phần xứng đáng với mình.

(5) Chung cuộc.- Sẽ không có chống án; sẽ không có vụ xét xử thứ hai. Tòa án ngày đó là muôn đời và mãi mãi.

VI. CẢNH CHUNG KẾT

Sau ngày phán xét, cả người công chính lẫn gian ác đều bước vào cảnh chung kết, kéo dài đời đời.

1. Người công chính

Cảnh chung kết của người công chính có thể nhìn từ hai góc độ.

(1) *Tình trạng của họ*.- Kinh Thánh nói, người công chính sẽ bước vào sự sống đời đời; “Rồi những kẻ này sẽ vào hình phạt đời đời, còn những người công chính sẽ vào sự sống đời đời” (Ma-thi-ơ 25:46). Mỗi Cơ Đốc nhân là sở hữu chủ của sự sống đời đời, “Ai tin Con thì được sự sống đời đời” (Giăng 3:36). Nhưng sự hoàn tất vinh quang là trong đời sau.

Sự sống đời đời ngàn lần tuyệt vời hơn sự hiện hữu đời đời. Sự sống này không nhằm vào số lượng mà là chất lượng cuộc sống. Đó là sức sống của Đức Chúa Trời trong linh hồn. Đó là sự sống đầy trọn trong vinh quang cùng quyền năng; sự sống thoát hẳn mọi giới hạn trên đất. Chúa Giê-xu phán, “Sự sống đời đời là nhận biết Cha là Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, cùng Đức Chúa Giê-xu Christ là Đấng Cha đã sai

đến” (Giăng 17:3). Đó là cuộc sống thông công với Đức Chúa Trời và vui vẻ phục vụ.

(2) *Nơi ở của họ.*- Nơi ở sau cùng của người công chính được biết là thiên đàng. Chúa Giê-xu mô tả đó là nơi có thật, “Ta đi chuẩn bị cho các con một chỗ. Khi Ta đi và đã chuẩn bị chỗ cho các con rồi, Ta sẽ trở lại đem các con đi với Ta, để Ta ở đâu, thì các con cũng ở đó” (Giăng 14:2-3).

Thiên đàng được mô tả trong Lời Đức Chúa Trời bằng nhiều hình ảnh khác nhau, nhưng không có lời văn nào có thể mô tả hết cảnh vinh quang của thiên đàng. Mọi điều gây khổ đau buồn rầu đều bị ngăn chặn, “Sẽ không có sự chết; cũng không có tang chế, than khóc hoặc đau đớn nữa” (Khải Huyền 21:4). Thiên đàng sẽ bao gồm mọi điều làm thỏa mãn những khát khao sâu thẳm trong linh hồn—sự an nghỉ, bình an, niềm vui cùng tình thông công và phục vụ.

2. Kẻ ác

Hoàn cảnh sau cùng của kẻ ác cũng có thể xét theo hai góc độ.

(1) *Tình trạng của họ.*- Như người công chính bước vào sự sống đời đời thể nào, thì kẻ ác cũng bước vào sự chết đời đời thể ấy. Nhưng như sự sống đời đời không chủ yếu chỉ về sự hiện hữu đời đời, thì sự chết đời đời cũng không có nghĩa là ngưng hiện hữu. Đó là sự ngăn cách với Đức Chúa Trời và với vinh quang của sự sống đời đời. Giống như tình trạng của người công chính là bình an vui vẻ, thì tình trạng của kẻ ác sẽ là khổ cùng khổ đau, “Khi ấy, các người sẽ thấy Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, cùng tất cả các nhà tiên tri đều ở trong vương quốc Đức Chúa Trời, còn các người sẽ bị ném ra ngoài” (Lu-ca 13:28).

(2) *Nơi ở của họ.*- Nơi ở sau cùng của kẻ ác, gọi là hỏa ngục. Đây cũng là chỗ có thật. Được mô tả bằng ngôn ngữ nghĩa bóng, nhưng không loại bỏ được thực trạng kinh khiếp của nơi này. Chúa Giê-xu gọi nơi

này là chỗ tối tăm bên ngoài và là chỗ “sâu bọ chẳng hề chết và lửa không hề tắt” (Mác 9:48). Nơi ở của kẻ ác là có thật và đời đời.

Khi chúng ta suy nghĩ về những điều này, Giăng 3:16 càng trở nên quý báu hơn, “Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời.” Và cũng khiến chúng ta thấy mình càng có trách nhiệm chia sẻ phúc âm cứu rỗi cho thế giới đang hư mất trong tội lỗi.

CÂU HỎI ÔN BÀI VÀ THI

1. Hai hình ảnh nào được dùng chỉ sự chết?
2. Có thể nói gì về thời điểm Chúa tái lâm?
3. Thân thể sống lại mang bản chất ra sao?
4. Mục đích của sự phán xét là gì?
5. Cho biết tình trạng chung cuộc của người công chính và của kẻ ác.

Hướng Dẫn Dạy Và Nghiên Cứu Sách Này Để Cấp Tín Chỉ

I. HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN

1. Mười buổi học, mỗi buổi bốn mươi lăm phút, hoặc tương đương, là yêu cầu để học xong sách này và để được cấp tín chỉ.
2. Giáo viên phải yêu cầu cấp tín chỉ sau khi dạy xong sách này.
3. Giáo viên sẽ cho bài thi viết về đề tài của sách. Bài thi có thể dưới hình thức bài làm sau các buổi học tại lớp, ngay trong các buổi học tại lớp, hoặc như bài thi cuối khóa.

NGOẠI LỆ: Những ai tham dự đủ các buổi học; đọc hết sách vào cuối khóa; và theo đánh giá của giáo viên, làm bài trong lớp cách thỏa đáng, có thể được miễn làm bài thi.

II. HƯỚNG DẪN HỌC VIÊN

Muốn được cấp tín chỉ Trường Chúa Nhựt, học viên phải đủ mười lăm tuổi trở lên. Tín chỉ Đào tạo (dạy lại cho người khác) không cấp cho học viên Cấp 1 và Trung cấp.

1. Học tại lớp

- (1) Học viên phải tham dự ít nhất sáu trong số mười buổi học bốn mươi lăm phút tại lớp, mới được làm bài thi.
- (2) Học viên phải chứng nhận đã đọc xong sách. (Trong những trường hợp rất hiếm, có những học viên không thể đọc xong sách trước khi học xong ở lớp, giáo viên có thể chấp nhận cho học viên hứa sẽ đọc kỹ sách trong hai tuần kế tiếp. Điều này chỉ áp dụng cho học viên làm bài viết.)
- (3) Học viên phải thi viết, điểm tối thiểu là 70 phần trăm, hoặc đáp ứng điều kiện ngoại lệ đã nêu ở trên.

2. Học hàm thụ

Vì bất cứ lý do nào, những người muốn nghiên cứu sách không cần sự hướng dẫn của giáo viên, có thể theo một trong những phương pháp sau đây:

- (1) Viết câu trả lời cho những câu hỏi được in trong sách, hoặc
- (2) Viết phần triển khai bố cục của các chương trong sách.

Dù trường hợp nào, học viên cũng phải đọc nguyên cuốn sách. Học viên có thể cùng học với nhau, nhưng phải làm bài riêng. Không chấp nhận bài nộp dưới dạng bản sao.

Mọi bài viết của học viên về các sách muốn cấp tín chỉ Trường Chúa Nhứt, phải gửi về cho thư ký Trường Chúa Nhứt của tiểu bang. Nếu muốn được cấp tín chỉ Đào tạo, phải gửi về cho thư ký Ban đào Tạo của tiểu bang.